

Tác Giả và Tác Phẩm

Phùng Nguyễn

Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn Đức Phùng, sinh năm 1950 tại Quảng Nam.
Mất ngày 17-11-2015 tại Maryland, Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Tháp ký ức, Đêm Oakland và Những truyện khác.



Mục Lục

Tháp ký ức – 2

Tính tự truyện của Phùng Nguyễn – Nguyễn Vy Khanh – 7

Nhà văn - 11

Một chặng đường Hợp Lưu - 14

Phụ đính:

Bìa ôm – Cua - Phùng Nguyễn: phỏng vấn với VNNP

Tuổi thơ - Khi nhà văn không chỉ là kẻ đồng loã

Lời khai – Bóng phượng - Bất hên ở hồ Isabella

Tác phẩm – Chim gáy sau vườn

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Tháp ký ức



Năm đó tôi mười một tuổi. Sau mấy năm rông rã mài đũng quần ở ngôi trường tiểu học dột nát ở làng trên, thuộc nát bảy cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư, và lãnh những trận đòn thừa sống thiếu chết vì tội trốn học đi bầy chim đá đé ngoài đồng, tôi may mắn trúng tuyển vào trường trung học công lập cấp tỉnh duy nhất của tỉnh Quảng Nam, trường Trần quý Cáp.

Hôm đi coi bảng, tôi chẳng có hy vọng gì mấy. Tỉnh Quảng Nam có đến hàng trăm xã ấp, mỗi xã có một trường Tiểu Học, mỗi trường Tiểu Học có một lớp Nhất, tức là lớp Năm sau này. Mỗi lớp Nhất có khoảng năm chục đứa học trò mà trong đó có tới bốn mươi đứa tham gia cuộc thi tuyển, tính ra không dưới năm ngàn thí sinh. Trường Trần Quý Cáp có sáu lớp đệ Thất, cao lắm khoảng ba trăm học sinh được tuyển vào mỗi năm, còn mấy ngàn đứa kia thì có nhiều hy vọng về nhà... chần trầu trừ phi được cha mẹ cho vào bán công hoặc tư thực. Lúc còn học tiểu học, tôi thích chơi nhiều hơn thích học, những con cá rô cá cần, chim giồng giộc chim sâu trông hấp dẫn hơn những bài địa dư sử ký, bị thầy bắt quỳ gai mít hoài mà vẫn chứng nào tật nấy. Tuy nhiên, bà nội tôi tin tưởng mãnh liệt vào câu học tài thi phận, vả lại chuyện thi cử là chuyện thiên kinh địa nghĩa nên cuối cùng mẹ tôi vất cho tôi một mo cơm nắm, dúm vào tay tôi mấy đồng bạc để đi 'xe điện' - danh từ địa phương dùng để chỉ xe đò- xuống Hội An dự thí.

Chen lán mãi mới đến gần được tấm bảng gỗ có dán danh sách thí sinh trúng tuyển, tôi dự định sẽ đọc cái danh sách từ dưới lên, chừng năm mươi hàng mà chưa thấy tên mình thì tốt hơn chui trở ra cho đỡ mất thì giờ. Ai dè mới đọc được có mấy hàng đã thấy tên mình. Tôi dụi mắt hai ba lần, đọc lại cho kỹ vẫn thấy tên mình còn sờ sờ ở đó bèn mừng rỡ mở một đường máu chui ra khỏi cái đám con nít đang xô đẩy nhau, chửi mắng nhau, la hét, cười khóc ồn ào như cái chợ nhỏ. Thằng bạn cùng làng cũng vừa mới thoát ra khỏi cái đám đông hỗn tạp, mặt mày tái mét, thở hổn hển hỏi tôi:

'Bộ mày đậu rồi hay sao mà nhảy tưng tưng vậy?'

'Đậu rồi. Còn mày?'

'Tao đậu bình thứ. Còn mày?'

'Tao không biết. Tên tao ở hàng thứ năm.'

Thằng bạn tròn mắt ngạc nhiên:

'Thứ năm? Vậy là mày đậu ưu rồi.'

Hắn gãi đầu có vẻ suy nghĩ, nói tiếp:

'Hồi nãy tao xem bảng kỹ lắm mà tại sao không thấy tên mày.'

Tôi bỏ mặc thằng bạn đứng ngẩn ngơ, đi bộ ra bến xe đón xe đò về nhà.

Việc tôi đậu vào đệ Thất trường công lập, dù đậu hạnh bát, là một sự kiện đáng kể cho gia đình tôi, vốn gồm có bà Nội, Mẹ tôi, tôi và ba đứa em gái còn nhỏ xíu. Mấy năm về trước, sau khi đã chán công việc sản xuất và dưỡng dục nhi đồng. Ba tôi quay lưng lại người vợ đáng thương và bầy con nheo nhóc, bỏ đi giang hồ vất, lâu lắm không nghe tin tức. Mẹ tôi ở lại một mình tảo tần buôn bán, nuôi nấng bầy con. Bây giờ thằng con lớn được vào trường tỉnh học, bà vừa mừng lại vừa lo bởi vì chỉ còn vài tuần nữa là thằng con phải đi xa trọ học.

Làng tôi cách thị xã Hội An -còn được gọi là Phố hay Faifo- khoảng gần ba chục cây số. Muốn đến thị xã, tôi phải đi bộ bốn năm cây số, băng qua chiếc cầu xe lửa dài ngoằng bắc ngang qua con sông Thu Bồn nước trong veo, rồi leo lên cái 'xe điện' duy nhất của tuyến đường Kỳ Lam-Hội An để kết thúc cuộc hành trình. Gần đến Vĩnh Điện, quận lỵ Điện Bàn, xe đi ngang qua tháp Chàm Bàn An, một di tích lịch sử. Ngôi tháp cổ xây bằng gạch nung, lâu ngày rêu phong bám đầy, đứng im lìm, sừng sững nhìn xuống con đường trải đá lấm bụi chạy dài từ quận lỵ về đến vùng núi non tiếp cận dãy Trường Sơn. Cây tháp chứng nhân của một triều đại đã suy tàn mà mỗi khi nhìn thấy đã gợi trong tôi những ấn tượng mạnh mẽ, những cái tên như Chế Mân, Chế Củ, những Lý Thường Kiệt, Trần Khắc Chung, những câu chuyện huyền hoặc về những người dân của một quốc gia đã bị xoá tên.

Vậy là tôi bắt đầu cuộc đời trọ học từ lúc còn rất trẻ. Cứ mỗi vài tuần tôi lại đạp xe đò từ tỉnh lỵ về, băng qua chiếc cầu xe lửa bằng sắt, sải những bước chân nôn nao trên con đường đất khi thì nứt nẻ mấp mô, khi thì lầy lội trơn trượt, bỏ lại sau lưng những ruộng lúa nghèo nàn, những bãi dâu tươi tốt, rặng tre xào xạc, tiếng rầm rập của những máy dệt vải bằng gỗ, tiếng sè sè của những chiếc trục ươm tơ, lòng hớn hở khi nhìn thấy cái hàng rào quen thuộc có những bông hoa dâm bụt đỏ chói. Rồi có tiếng con chó Vàng sủa ăng ẳng mừng rỡ, tiếng mấy đứa em kêu réo om sòm 'Mẹ ơi anh Hai về', rồi bà Nội đứng ở ngưỡng cửa đưa bàn tay nhăn nheo có dính những vệt vôi ăn trầu lên xoa đầu đứa cháu nhỏ hỏi han 'Con đi đường xa có mệt không', rồi Mẹ đôi má ửng hồng bên ánh lửa rơm nhìn tôi mỉm cười dịu dàng 'Mẹ biết thế mô con cũng về bữa nì, cái con mắt trái hắn giựt giựt hồi sáng tới chừ'.

Rồi trong bữa ăn tối thế nào cũng có hoặc là nồi canh cá diếc nấu rau răm, hoặc là 'trã' cá đồng kho khô, những món ăn mà tôi ưa thích. Dưới ánh đèn dầu, gia đình tôi quay quẩn vui vẻ bên nồi cơm độn bắp bốc khói, nói chuyện không ngừng. Mấy đứa em tôi hỏi tôi hàng trăm lần về những chiếc 'xe điện', xe 'bình bịch' mà họa hoằn lắm chúng mới có dịp thấy, những con khỉ đá, chó đá ở chùa Cầu, những đoàn hát bội nổi tiếng chúng chưa bao giờ được xem. Mẹ tôi bận rộn suốt buổi cơm, la đứa này, nạt đứa kia 'Con gái chi mà cái miệng xon xòn', hỏi tôi về chuyện học hành, ăn ở 'Họ có cho con ăn uống đàng hoàng không? Tối mi ngủ có treo mùng không hay là cứ làm biếng ngủ trần để muỗi cắn mi chết.' Tôi biết Mẹ đang vui bởi vì tôi và mấy em tôi cũng đang vui. Thỉnh thoảng tôi bắt gặp trong mắt Mẹ long lanh một nụ cười lặng lẽ hiếm hoi kể từ khi bà phải một mình gồng gánh gia đình trong đơn chiếc, từ khi 'Vai xuân thì bánh mật ngã màu đen' bởi cái gánh hàng nặng trĩu bà mang đi mang về hàng vài mươi cây số mỗi ngày để kiếm tiền nuôi nấng bầy con. Rồi hôm sau tôi lại quay về tỉnh lỵ nơi có căn nhà nhỏ mà tôi và những thằng bạn đồng cảnh ngộ đang ở trọ.

Trường có sáu lớp đệ thất thì hết năm lớp dành cho học sinh với ngoại ngữ chính là Pháp văn.

Tôi được đưa vào đệ thất 3, ngồi ngay sau lưng đám học trò con gái. Học trò nhà quê lên tỉnh học dễ bị ăn hiếp. Chỉ cần nhìn cái mặt ngơ ngáo, quần áo lôi thôi, đôi dép râu thô kệch để lộ đôi bàn chân nứt sẹo vì lội ruộng bắp, đánh banh bông banh buởi là biết ngay. Trong lớp tôi có mấy đứa chuyên môn đi bắt nạt mà đứng đầu là thằng Bạo. Thằng này tên giống như người, mặt mày bặm trợn, lỗ mũi lúc nào cũng đỏ bóng như trái cà chua. Nó thích bắt nạt tôi, chẳng biết vì lý do nào. Nạn nhân kế tiếp phải kể đến Phạm Dó. Thằng này đáng lẽ tên Phải Gió hay Trúng Gió thì mới phù hợp với câu tên sao người vậy. Phạm Gió người nhỏ xíu, ốm tong ốm teo, nhà ở bên kia sông, nơi gọi là Cẩm Giàng Cẩm Phả gì đó. Tôi đã nghèo mà thằng này còn nghèo hơn, đi học mang đôi dép làm bằng mo cau kéo lệt xệt dọc hành lang nghe muốn điếc con ráy. Mỗi lần thấy đám thằng Bạo là mặt mày nó tái mét, tay chân giật đùng đùng như mắc phong, mắt lác xệch đi, ngay cả thằng Bạo trông thấy cũng phát ón, bỏ đi tìm tôi hay Vĩnh Hoàn để trêu ghẹo. Vĩnh Hoàn dòng dõi hoàng tộc, vai vế ngang hàng với công dân Vĩnh Thụy, vị hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn. Đám thằng Bạo tước đoạt của thằng này khá nhiều tư trang vật dụng, ngay cả cây viết 'pilot' mới toanh cũng đổi chủ ngay từ lúc Vĩnh Hoàn mang tới trường lần đầu. Tôi vốn nhát gan, thấy đám cô hồn là lo kiếm đường đông trước, vậy mà cũng không thoát tay tụi nó. Có lần thằng Bạo làm quá, đẩy tôi té đập đầu vào vách tường thiếu điều long óc. Tôi giận quá quên cả sợ, vác chiếc ghế dựa của ông thầy ruợt nó chạy lòng vòng cái hành lang dài ngoằng của sáu lớp đệ thất. Sau lần đó, tôi có biệt danh là 'Trừ...Bạo', và không còn bị ăn hiếp nữa.

Giáo sư Việt văn kiêm hướng dẫn lớp đệ thất 3 là thầy Kham, Tôn Thất Kham. Theo chỗ tôi biết, thầy là người nhạy cảm và rất thương học trò. Vài tháng sau khi trường khai giảng, vùng tôi ở bị mấy cơn lụt lội, hoa màu bị tàn phá, chợ búa đóng cửa cả tháng. Mẹ tôi không đi buôn bán được, thiếu tiền trả tiền trọ học cho tôi. Tôi nhờ người quen giới thiệu đến một lò bánh mì dưới phố để xin lãnh bánh mì đi bán buổi tối phụ với Mẹ trả tiền cho chủ trọ. Mỗi đêm tôi hăng hái vác cái bao tải chứa những ổ bánh mì thơm tho nóng hôi đi vào các khu xóm rao bán. Có lần tôi đang ngoác miệng rao inh ỏi 'Bánh mì nóng dòn đây' bỗng có tiếng ai nghe quen quen gọi lại hỏi mua. Đến gần, tôi nhận ra thầy Kham. Thầy trò nhìn nhau ngơ ngàng. Hình như mắt thầy hơi ươn ướt. Cuối cùng thầy đành mua hết những ổ bánh mì còn lại của buổi tối. Tôi còn nhỏ, đầu óc khờ khạo nhưng cũng biết là thầy muốn giúp mình, chứ thầy cũng ở trọ đi dạy học làm gì mà một mình có thể ăn hết chừng ấy bánh mì trong một vài hôm. Từ đó thầy có vẻ quan tâm đến tôi một cách đặc biệt, và đáp lại, tôi cũng chịu khó học hành đàng hoàng trong giờ Việt văn. Chiếc bàn học dành cho học trò con gái phía trước tôi có đến hai chị lớn ngồi. Chị lớn là danh từ chung lữ học trò con trai dùng để gọi những nữ học sinh lớn tuổi mà không biết vì lý do nào lại được sắp vào cái lớp con nít này. Chị Bích Ngọc và chị Thuận là hai nhân vật ưa thích của tôi. Hai chị đều lớn hơn tụi tôi năm, sáu tuổi, vào khoảng mười sáu hay mười bảy gì đó trong khi đám còn lại cả trai lẫn gái mới có mười một, mười hai tuổi. Chị Bích Ngọc tóc dài, chị Thuận tóc quăn, hai người đều... dễ thương. Tôi biết được điều đó qua miệng mấy anh lớn học trên đệ nhị cấp hay lảng vảng ngoài hành lang nhìn vào. Riêng tôi và mấy thằng quỷ sứ ngồi cùng bàn đồng ý là mấy chị rất tốt bụng. Trong giờ học, thay vì...thả hồn ra cửa sổ, chúng tôi để hết tinh thần vào việc chọc phá mấy chị lớn, từ việc cột mấy vạt áo dài lại với nhau cho đến việc dán những tờ giấy vẽ hình nhăng nhít vào tóc vào áo của mấy chị, chúng tôi đều thực hiện với một lương tâm chức nghiệp rất cao. Kết quả vô cùng vẻ vang. Hai chị dắt chúng tôi ra cái quán nước nhỏ xíu của vợ chồng bác gác trường, mua cho chúng tôi kẹo mè xừng và kẹo 'nougat' sau khi bắt chúng tôi long trọng thề thốt sẽ không bao giờ tái diễn những hoạt động có tính cách phản nghệ thuật như vậy nữa.

Niên học đầu tiên rồi cũng qua đi, đánh dấu bởi những chuyến đi cắm trại ở Cửa Đại, ở đó chúng tôi đốt lửa trại thi đua văn nghệ. Cũng trong niên học này, tôi quen biết Thuớc, người bạn cùng lớp mới mười hai tuổi đã biết làm thơ, biết đọc Ngàn Khơi và Tiểu Thuyết Thứ Bảy, những tạp chí văn chương dành cho người lớn. Rồi những lần theo Phạm Dó qua bên kia sông

thăm gia đình hần, cái gia đình nghèo rách mùng tơi mà vô cùng hiếu khách. Rồi những trò đùa nghịch ngợm, độc ác một cách vô tội của tuổi thơ, những con sâu đo gớm ghiếc làm lũ học trò con gái khóc thét, cuống cuống sợ hãi. Rồi những buổi tối lang thang dọc bờ sông Phó, nơi có cái rạp chiếu bóng duy nhất của thị xã, để xem người lớn câu cá hanh bằng những cây cần trúc dài ngoằng. Và khi những chùm hoa phượng rực rỡ nở ra trên những tàn cây xanh ngắt trong sân trường, chúng tôi tặng nhau lưu bút, hẹn sẽ gặp lại vào mùa Thu tới.

Thầy Kham không còn là thầy hướng dẫn của chúng tôi. Thầy ở lại với đám học trò mới của lớp đệ thất 3. Giáo sư Việt văn kiêm hướng dẫn của đệ lục 3 là đàn bà, đàn bà đẹp. Cô giáo tên Tố Quyên, người Bắc. Lúc thầy giám thị đưa cô vào để giới thiệu cho cả lớp, đám học trò con trai đứa nào đứa nấy im thin thít, trống ngực đập còn hơn trống làng. Bởi vì cô trẻ quá, đẹp quá, giọng Bắc Kỳ êm quá, và trông cô...dễ thương quá. Sau buổi học đầu tiên, thành Thuốc, thi sĩ nhi đồng, về nhà làm ngay mười mấy bài thơ tình ướt át gọi gió than mây.

Vào giữa niên học, cô Tố Quyên cho chúng tôi bình giảng truyện ngắn Vàng Tháp Hời của Vũ Hạnh. Đã hơn ba mươi năm, những chi tiết của câu chuyện tôi không còn nhớ nữa, chỉ nhớ đại khái là có hai anh em nhà kia rủ nhau đi tìm vàng trong một ngôi tháp cổ của dân tộc Chiêm Thành, cuối cùng vì một trong hai người nghe lời xúi dục của ngoại nhân mà gây nên cảnh huynh đệ tương tàn. Vào thời điểm đó, đối với tôi câu chuyện chỉ có tính cách ngụ ngôn kiểu tục ngữ ' Một giọt máu đào hơn ao nước lã ' hoặc Quốc Văn Giáo Khoa Thư 'Bó Đũa'. Sau này biết ra Vũ Hạnh đã hoạt động cho phía bên kia, tôi thấy tội nghiệp cho ông ta vì chính truyện ngắn này đã có thể dùng để chỉ trích, phê phán cái chế độ mà ông ta đã chọn lựa để phục vụ. Riêng cô Tố Quyên, tôi có thể đoán chắc mục đích của cô là thuần túy văn học, và một trong những mục tiêu của cô là giúp chúng tôi định nghĩa và phân tích hai chữ hy vọng.

'Hy vọng luôn luôn hướng về tương lai', cô Tố Quyên giải thích, 'hai anh em trong bài viết này hy vọng rằng họ sẽ tìm được kho vàng chôn giấu trong cái tháp Chàm cổ kính'. Tôi đưa tay lên phản đối. 'Hy vọng không nhất thiết phải hướng về tương lai! Trước khi đi tìm vàng, hai người hy vọng đã có một kho tàng trong cái tháp Hời. Có vàng hay không có vàng trong cái tháp Hời là chuyện quá khứ. Do đó, trong trường hợp này, hy vọng đã hướng về quá khứ'. Đám học trò con trai, ngoại trừ thằng Thuốc, vỗ tay tán thành ầm ĩ. Hơi ngạc nhiên về cái lý luận... bá láp của tôi, cô Tố Quyên bắt cả lớp im lặng rồi giải thích rằng có vàng trong tháp Hời, đối với hai anh em trong câu chuyện là một niềm tin, không phải hy vọng. Với lối lý luận cù nhầy, lũ chúng tôi vẫn khẳng định cho rằng hy vọng có tính cách...hai chiều, không phải một chiều như cô khẳng định. Không còn 'hy vọng' thuyết phục chúng tôi, cô Tố Quyên trong lúc 'tuyệt vọng' bèn....khóc. Sau này, trong cuộc đời ba chìm bảy nổi của mình, tôi cũng đã có dịp chứng kiến đàn bà khóc, có khi vì tôi, có khi vì tình địch của tôi, có khi vì một lý do nào khác, cũng có khi không vì một lý do nào hết. Nói chung đàn bà trông đẹp và dễ thương hơn khi họ khóc, nhưng tôi chưa thấy ai khóc....đẹp bằng cô Tố Quyên. Lúc đó bao nhiêu hừng tâm tráng chí của lũ chúng tôi xẹp xuống như bánh xe đạp cán đinh, nếu cô có bảo hy vọng nằm ở ... hướng Tây chúng tôi cũng chịu nữa. Nhưng đã trễ. Cô khóc, rồi bỏ đi. Bỗng dưng tôi trở thành tên tội phạm hàng đầu. Đám học trò con gái nhìn tôi với những cặp mắt giận dữ. Thằng Thuốc từ mãi dưới cuối lớp chạy lên đòi ăn thua đủ với tôi, ngay những đứa mới cách đây mấy phút đã mạnh mẽ ủng hộ câu hy vọng hai chiều cũng quay ra đá kích tôi dữ dội. Phần thì bản khoán không biết rồi cô Tố Quyên có còn trở lại dạy chúng tôi nữa hay không, phần thì lo lắng vì bỗng dưng trở thành chánh danh hung thủ, tôi buồn bã ngồi tần mẩn cột tóc của hai chị lớn ngồi bàn trên lại với nhau. Cuối cùng rồi cô Tố Quyên cũng trở về, với một đạo bình. Cho đến giây phút đó, và ngay cả sau này trong cuộc đời đi học của mình, chưa bao giờ chúng tôi được chứng kiến một cuộc phô trương lực lượng quy mô như vậy. Ngoại trừ thầy Hiệu Trường, từ thầy Hiệu Phó, thầy Tổng Giám Thị, cho đến các thầy đang dạy lớp chúng tôi, và ngay cả các thầy dạy các lớp đệ nhị cấp, đều hiện diện. Lũ học trò nhìn nhau, mặt cắt không còn hạt máu. Trước mặt chúng

tôi là cái tập hợp chọn lọc của ngành giáo dục quốc gia, lò đào tạo nhân tài và niềm kiêu hãnh của tỉnh Quảng Nam, người nào người nấy trông đặng đặng sát khí. Các thầy lần lượt lên phát biểu, nói cho đúng hơn, sĩ vĩ chúng tôi. Cô Tố Quyên là người phát biểu sau cùng. Cô không sĩ vĩ chúng tôi, cô chỉ nói nhẹ nhàng, 'Cô hy vọng rằng từ nay về sau các em sẽ thảo luận các nghi vấn với cô một cách nghiêm chỉnh hơn'. Chúng tôi đều ghi nhận cái tín hiệu cô gởi, từ nay về sau, future tense, thì tương lai, hy vọng chỉ hướng về tương lai.

Cái biến cố đáng ghi nhớ đó rồi cũng qua đi, năm học thứ hai ở ngôi trường tỉnh lỵ rồi cũng qua đi. Trong những năm tháng còn lại ở phố Hội, tôi có thêm nhiều bạn bè, nhiều kỷ niệm. Vào mùa lũ lụt, tôi thường ra bờ sông để xem người ta kéo vó. Đôi khi tôi theo chủ nhà trọ xuống biển Cửa Đại, cái bãi biển hoang vắng với rừng phi lao xanh ngắt, để câu cá hồng cá hanh. Thỉnh thoảng tôi lại đạp xe qua chùa Cầu, chiếc xe nhảy lốc cộc trên những thanh gỗ lốt đường. Hoặc ra xóm Mới- bây giờ chắc đã cũ lắm rồi- với những con đường lấm cát, nơi có nhà thờ Thước. Hán vẫn chưa chịu cho tôi xem mấy bài thơ hẩn làm cho cô Tố Quyên.

Năm thứ ba ở trường Trần Quý Cáp đánh dấu những biến động lịch sử mà cái tuổi non nớt của tôi không đủ kiến thức để nhận định. Cuộc đảo chánh tháng mười một năm sáu mươi ba đối với tôi là cơ hội để được nghỉ học đi biểu tình, đón người hùng cách mạng Tôn Thất Đính, và những điều tương tự. Cũng trong thời gian đó, làng tôi càng ngày càng trở nên mất an ninh. Đã có những cuộc ám sát, khủng bố thực hiện bởi phía bên kia, những cuộc hành quân lùng sục của phía bên này. Đã có những lần về thăm nhà. giữa đêm khuya tôi giật mình thức giấc bởi tiếng đạn tầm xa gầm rú bay ngang qua nóc nhà hoặc tiếng súng vang rền từ phía bên kia sông. Cơn lụt khủng khiếp năm sáu mươi bốn đẩy tôi lìa xa vĩnh viễn ngôi trường tỉnh lỵ. Nhà chúng tôi đã sập bởi cơn bão mấy tháng trước đó, những cây cột tre tạm bợ không chịu nổi giông nước lũ, lại một lần nữa tan tành trong cơn Hồng Thủy. Cơn lụt vô tiền khoáng hậu kéo đến từ những dãy núi xa bên kia sông Cái, cày xới những sườn đồi, bật tung cây cối, ào ạt tràn xuống khu đồng bằng nghèo nàn của miền Trung, cuốn đi những bãi dâu xanh, những nong tầm vàng óng, những mái nhà tranh, những căn nhà ngói, những vườn cây trái, những mạng người. Cũng may là gia đình tôi đều được an toàn. Trong những ngày tháng kế tiếp, gia đình tôi sống qua ngày bằng lu bắp khô còn sót lại, những hạt bắp khô cứng, nhạt nhẽo cày xới cuống họng của bầy con đói khát và trái tim người mẹ đơn chiếc. Mẹ tôi quyết định đưa chúng tôi vào miền Nam tìm kế sinh nhai.

Chia tay với cái thành phố càng ngày càng trở nên quen thuộc không phải là chuyện dễ dàng. Tôi luyến tiếc nhìn hàng phượng vĩ với những chùm hoa đỏ nở muộm, những con sâu đo gớm ghiếc, cái quán nước nghèo nàn của bác gác trường. Tôi còn nhớ cái mùi khăm khăm đặc biệt của những con ruốc làm mắm phơi trên những vĩ tre dọc lề đường, tô bún bò Huế có miếng thịt đùi thơm tho, những cây 'sê-ri' với chùm trái chín mọng trồng dọc con đường khu tôi ở trọ. Tôi còn nhớ mối tình con nít vụng dại với đứa em gái của thằng bạn cùng lớp, lá thư viết hai tháng chưa dám gởi đi, nụ hôn đầu tiên trên môi đứa con gái mười ba tuổi bởi thằng con trai mười bốn tuổi sưng tê người.

Rồi rất lâu sau này tôi có một lần về thăm chốn cũ. Cái thành phố ngày xưa bỗng như nhỏ lại. Cởi chiếc xe gắn máy muộm của đứa cháu, tôi dừng lại trước cổng trường. Những cây phượng ngày xưa vẫn còn đó, cằn cõi hơn, thiếu vắng những chùm hoa rực rỡ. Có lẽ vì trái mùa, mà cũng có lẽ vì 'nhân khứ tận'. Đám bạn học ngày xưa cũng đã tản lạc phương nào, những cái tên của dĩ vãng, thầy Hoàng Trung, thầy Kham, cô Tố Quyên, thằng Bạo, Phạm Dó, Vĩnh Hoàn, Huỳnh Bá Thước, Tường Vi,... bỗng dựng nghe buồn như thơ Vũ Đình Liên. Cuộc viếng thăm Hội An của tôi rất ngắn ngủi. Trên đường về thăm làng cũ, tôi có dịp thấy lại ngôi tháp Chàm Bàn An. Vẫn sừng sững, vẫn rêu phong, nhưng cái âm u, bí ẩn đã không còn. Chỉ còn một nhân chứng u sầu với tiếng thở dài phiến muộm mỗi khi ngọn gió đồng thổi qua cái đỉnh

tháp đột nát.

Bây giờ là sáu giờ sáng. Tôi có thói quen dậy sớm, ngồi một mình ở chiếc bàn ăn nhỏ. Trước mặt tôi là ly cà phê nóng với cái hương vị lai căng -cà phê bột của Mỹ và sữa đặc có đường hiệu Ang Thọ- và điều thuốc lá đầu ngày. Có lần tôi đọc một truyện ngắn, hình như của Phan Du, về một ngọn đèn vàng ở góc cầu thang nào đó đã nhắc nhở tác giả về một ánh đèn vàng ở một nơi chốn khác trong quá khứ. Ngọn đèn đã như chiếc chìa khóa thần diệu mở ra một ngăn kéo cửa ký ức, ở đó tác giả tìm thấy lại hình ảnh của người tình chìm khuất. Còn tôi? chìa khóa nào đã mở ra cho tôi tuổi hoa niên, ngôi tháp Chàm đổ nát, mái trường thân yêu, những cái tên đã tưởng không bao giờ còn nhớ nổi, nụ hôn đầu sương tê người, chùm hoa phượng đỏ rực, và những con sâu đo gớm ghiếc? Tôi không biết. Tôi chỉ biết cảm ơn cái quyền lực huyền nhiệm nào đó đã cho tôi khả năng sống lại những kỷ niệm xa xưa.

Tôi mong một ngày nào đó được gặp lại Thuốc để xin hẩn tập thơ hẩn làm cho cô Tố Quyên vào nam mười hai tuổi, nếu hẩn còn sống và còn giữ tập thơ. Tôi cũng rất mong gặp lại cô Tố Quyên để hỏi cô một lần nữa 'Phải chăng hy vọng chỉ hướng về tương lai?' Nếu phải thì buồn quá, bởi vì chẳng lẽ những ngăn kéo ký ức tôi mở ra cùng với ly cà phê lai căng và điều thuốc đầu ngày chỉ chứa có mỗi một niềm tuyệt vọng thôi sao?

Tính tự truyện của Phùng Nguyễn Nguyễn Vy Khanh

Có những nhà văn mở đầu sự nghiệp với những tác phẩm mang tính tự thuật, lấy đời sống và kinh nghiệm bản thân làm chất liệu, rồi với thời gian tính chất này sẽ loãng dần, như Nguyễn Hồng, Tô Hoài, Duyên Anh, Thanh Tâm Tuyền,... Phùng Nguyễn khởi nghiệp văn chương khi tuổi đã trung niên và theo thiên ý, tự truyện đã và vẫn là cái nền chính của những gì ông viết. Từ Tháp Ký-Úc đến Đêm Oakland Và Những Truyện Khác (1), tính tự sự ở Phùng Nguyễn có lúc công khai, lộ liễu, có lúc tiềm ẩn; ít ra ông cho người đọc cảm tưởng đó! Ông đưa người đọc hành hương với ông trở lại nơi đất cũ, nhà cũ, thời niên thiếu của ông, một tháp ký-ức giữa những tàn tích của quá khứ, ngay trên bãi đất hiện tại ! Những bước chân hoài niệm và chiêm nghiệm qua văn chương ! Riêng tập sau, tính tự sự không còn cao như tháp nhưng vẫn dày đặc ở bề sâu, ở tính cách.

Với Phùng Nguyễn, quá khứ như đối tượng của một đặt lại vấn đề cho hôm nay hay ngày mai. Tự truyện là văn bản bám vào hiện thực; người viết truyện kể lại như sống lại quá khứ qua tâm tưởng và ký ức, cảm tính hay ý thức. Tự truyện tức kể lại chuyện cũ, chuyện đã xảy ra hay từng mơ mộng mong xảy ra, 'đợi khuya tàn bắt sống một chiêm bao' - như với cô gái tóc thắt bím trong Phía Bên Kia Đường. Dù gì thì đó là của một con người có hữu thể, thực tính, đã sống thật, có khi trọng tâm chỉ ở cuộc sống cá nhân người đó, cuộc đời hoặc nhân cách con người đó. Trong Đêm Oakland Và Những Truyện Khác, người đọc thường gặp những 'tro tàn', 'tro than của quá khứ', 'quá khứ buồn tủi', ... Ở truyện Đêm Oakland. Câu Hỏi, những thằng Kinh, thím Tám, chị Sáu, chị Hạnh,... đi vào thế-giới Phùng Nguyễn như những ám ảnh, và vì là ám ảnh nên họ ở lại nơi chữ nghĩa của Phùng Nguyễn. Dù nhân vật 'tôi' đã qua đêm và con đường bỏ lại phía sau nhưng câu hỏi hãy còn đó! Những người bạn trẻ vẫn bị ám ảnh đã không thể quay lưng lại với 'cái quá khứ buồn thảm mà bọn người lớn chúng tôi cứ giữ rịt lấy như một bộ phận bất khả phân của phần đời còn lại' (tr. 27). Quá khứ với những cuộc sống thôn dã không trầm lặng vì lòng người bạo động. Hạnh trở nên trò chơi định mệnh của hai phe đối đầu qua Hồ Luyện phe quốc gia và qua Kinh của phe 'giải phóng'.

Phùng Nguyễn thích kể chuyện tình và những tái ngộ với những khuôn mặt của thời trước. Cháy Lên Những Ngọn Đồi Cỏ Khô kể chuyện một thương binh thời chinh chiến, nay ở một cuộc đời mới nơi xứ người, nhận chân ra tình yêu là cái đã mất và không ai trách nhiệm gì về tình cảm của người khác. Qua Thái, một nhân vật phụ, 'tác giả' đã có cái nhìn xuyên qua không gian hiện tại để trở về một nơi chốn quá khứ, khiến nhân vật xưng 'tôi' hiểu được thế nào là tình yêu và thế nào là hạnh phúc ! Tình yêu qua ngã 'chatroom đìu hiu' (tr. 74) là dịp để tự sự lên ngôi Những đối phó, mưu chước và những lời lẽ, cung cách chiều chuộng lấy lòng và cả phân tích tâm lý. Ngay đến khi chạm mặt, vẫn là những đấng đo tính toán hơn thiệt về tình cảm. Tương quan qua lời hơn là hành cử đối xử (Quan Hệ) !

Cũng vì chiến-tranh mà những người thân thiết có lúc phải chiến tuyến đối nghịch, như Tấn và Thuận trong Chim Gáy Sau Vườn. Nơi chim gáy cũng là chốn chớm nở của tình yêu trái ngang của Xuyên, cũng là nơi bạn thành thù phải giết nhau, và oan trái thay người chết lại là người con gái Cũng nơi đó, Thuận, người sống sót cuối cùng trong ba nhân vật, 'nhận ra' khung cảnh hạnh phúc dù trong thực tế chỉ là một giấc mơ, và cuối cùng ông chết khi đất nước thống nhất đang hồ hởi 'đổi mới'!

Tự truyện cả khi đứng ở vị trí của nhân vật khác, như cô chủ quán cà phê trong Khách Quen. Hay nói chuyện về một nhân vật thứ ba, người khác (không phải người khác đối diện), như trong Chuyện Thằng Bạn, nói chuyện Long nhưng vẫn tham chiếu so sánh với cái Tôi, một bên gái theo bất cứ ở đâu, một bên chấp nhận thua thiệt thất bại, chỉ mong luôn được uống cà phê với bạn để dễ dãi theo những 'hạnh phúc' của bạn. Cái Tôi ở đây định hình trong tương quan với tha nhân và thế-giới ở ngoài, thế-giới trở thành nơi phản chiếu cái Tôi !

Phùng Nguyễn hay dùng thể độc thoại, kể lể như tự kể. Ở nhiều truyện chen lẫn những độc thoại nội tâm - một diễn văn không người nghe hay không cần, không phải có, cho người đọc cảm tưởng tâm tình tự duy đến lộn xộn. Ngay khi đối thoại với người đọc, đưa người đọc vào trong truyện, khi kể một chuyện tình của những con người viết văn vốn 'cô đơn' (Tỏ Tình Với Bình Minh).

Tập truyện là sản phẩm về một cái Tôi khác cái Tôi vẫn phơi bày theo thói quen trong xã hội, cả trong những thói hư hay khuyết tật. Cái Tôi khác này là cái Tôi văn chương, cái còn lại sau khi đã được văn chương gạt bỏ những bình thường của thường ngày. Mỗi truyện là một bản, một mảnh của tác phẩm của người viết. Thế-giới trội bật của Phùng Nguyễn qua tập truyện là thế-giới nhà văn, rõ trong Văn Sĩ Ngại Ngần, Tỏ Tình Với Bình Minh, Dựng Truyện, Chuyện Thằng Bạn,... Phùng Nguyễn - qua nhân vật, có lúc hoài nghi hoài niệm và tính tự sự, khi dùng quá khứ làm chất liệu viết thành truyện đăng báo và được người đọc ưa thích (tr. 161). Vai trò của người viết ở thể loại tự sự quan trọng vì vừa là nhân vật, nội dung, vừa là người sáng tạo. Và người viết sẽ dễ chứng tỏ thành thật khi kể chuyện thời đã qua như những tiếp nối của hiện tại, như cộng những hiện tại đó lại ! Bài toán có khi kết quả ngược lại !

Là mắng, con người phân thân, liên hệ với bốn người phụ nữ tên Châu, hay bốn người mà như một mờ ảo thực hư (Chuyện Tình Kể Lại). Ở đây, con người sống trong ảo vọng quá khứ, sống tâm bệnh hay thân xác trật nhịp khi kỷ niệm không đủ làm 'chạy máy' cái Tôi ! Sống trong thế-giới của tưởng tượng, cứ tưởng thật là thật. Ảo tưởng cô gái Phía Bên Kia Đường với hai đuôi tóc vung vẩy, tưởng có đó nhưng chưa có đó, chưa mà Tôi đã cất giấu trong 'một ngăn kéo trân trọng nào đó của ký ức' nhưng hóa ra không để vì 'nàng cứ chồm ra vào những lúc bất ngờ nhất', vì lẽ 'Cô chưa hề biến mất bởi vì cô chưa từng hiện hữu. Cô chỉ nằm trong óc tưởng tượng của tôi khi tôi đi dọc theo quãng đường đã định sẵn cho chuyến đi bộ mỗi buổi sáng' (tr. 132). Nhìn thấy chuyện sắp xảy ra bằng ảo tưởng và hoài niệm quá khứ, mơ có thành như thực cũng là nỗi hy vọng đừng trở lại thành ảo tưởng! Rõ Phùng Nguyễn rất giàu lan man, dự phóng,

nhất là khi lùi lại thời gian. Và đây nhịp điệu của tình cảm và cả lý luận!

Người đọc Phùng Nguyễn ngay từ những hàng đầu để có cảm giác đã như ở trong tâm tư suy nghĩ hoặc ý thức sâu thẳm của ông, và chính những diễn tiến tâm tư này qua hình thức truyện, tiểu thuyết, cho người đọc biết hành động của nhân vật và những gì xảy ra Về một phần của tôi mà tôi không thể chối bỏ. Độc giả đọc tiểu thuyết về một người lại như khám phá ra những ảo tưởng từ một người - ở đây là Phùng Nguyễn!

Đêm Oakland Và Những Truyện Khác chủ đề chính là cái Tôi của Phùng Nguyễn, nhân vật cũng thường là Tôi. Người đọc truyện ông làm công việc phân tích tác giả như là tác phẩm, mới là tác phẩm. Có thể nói tất cả chi tiết, hình ảnh,... của truyện vốn là tự truyện nhưng đã được kỹ thuật văn chương dựng lại như 'tiểu thuyết', và vì là tiểu thuyết nên cần đến những yếu tố bên ngoài nhân vật đã được tác giả xào nấu theo ý mình.

Trong Bóng Phượng, Tôi đắm mình trong quá khứ của một thời quá vãng, một thời chiến-tranh. 'Có lắm khi tro tàn sẽ bị gió cuốn đi. Và cùng với chúng là cánh phượng hoàng sẽ ngàn năm bần bật. Còn lại là mảng hồi ức không trọn vẹn, những hình tượng sứt mẻ, cùng với những điều bất toàn khác đã làm nên một di sản kỳ dị mà đứa bé được thừa hưởng. Và sẽ không quên' (tr. 142). Ở những hình ảnh phượng tím, 'những cánh hoa tím trên cây phượng Mỹ' (tr. 133), hoặc thiên nhiên hoa lá, 'tàng lá xanh của cây gạo đầu làng nơi anh đã ngã xuống trong màu hoa đỏ vào một ngày chói chang nắng Hạ' (tr. 138). Nhắc đến hoa tím phượng Mỹ tức có ý tham chiếu hoa phượng đỏ xa xôi của một chân trời khác! Cái Tôi chậm rãi sống, chậm rãi nên dễ sống lại dĩ vãng và sống lâu hơn, với nhiều chi tiết, như một Tôi chạy bộ qua những nẻo đường quen mỗi ngày trong chương trình phục hồi sức khỏe (Phía Bên Kia Đường).

Ở Cựu Chiến Binh, Nhà Thơ, cái Tôi nhập vào vai người lính Mỹ, với những tâm tình và vấn đề Mỹ, 'Tôi' tự truyện và người kia. Ở đây Tôi trở nên hình thức triết để của 'vô danh', nói triết để nhưng không hẳn vì lý lẽ vẫn là của một con người Việt Nam vùng tác giả sinh trưởng! Không hiểu lối khai thác văn chương này có thành công không, chỉ sợ đưa đến bế tắc khi phải ẩn trốn không chỉ dưới hành vi của nhân vật mà cả đổi biệt hiệu như Roman Gary phải bí mật ký Emile Ajar để viết La vie devant soi, núp sau nhân vật Momo trong một xã hội đa văn hóa tràn ngập bởi dân Bắc Phi.

Truyện cuối Dựng Truyện là một thích thú bất ngờ, hai thế-giới 'thực' và 'tiểu thuyết' trộn lẫn, trộn lẫn ở cả thể loại vừa tự sự vừa kịch bản. 'Tôi' và 'người đàn bà' tình cờ (mà đã được dàn cảnh) gặp nhau khi đi cùng chuyến máy bay đến thành phố nghỉ mát Fort Lauderdale ở Florida, từ điểm 'tình cờ' mở đầu đó họ trở thành nhân vật cho một truyện mở đầu bằng 'nhà xoay lưng...' để rồi truyện dựng lại với một kết cục là những nhân vật đã có liên hệ với nhau từ trước và tình yêu 'phân tâm' ... thắng thế! Truyện đầu Văn Sĩ Ngại Ngàn lại là một thử nghiệm liền hơi dù ngắn vẫn 'đến' được với người đọc, chúng tôi tin thế!

2.

Dòng tự sự của Phùng Nguyễn không thể không đụng đến hội nhập. Sự chia xa, mất mát, đổ vỡ ... che giấu một ước muốn sống, làm lại, rồi đến ước muốn sáng tạo, một kiếm tìm ý nghĩa mới. Một trong những phương tiện là qua văn chương. Kinh nghiệm lưu thân của mỗi người viết là cá biệt, có thể vô nghĩa, nhưng sẽ hóa thân khi trở nên thường trực, khi cá thể trở thành phổ quát. Bản ngã lùi một bước, hai bước sẽ rơi vào khoảng không và Tôi hội nhập vì tự nhiên, sinh tồn, hoặc vì không còn lựa chọn khác. 'Khoảng không' trở thành một sức mạnh sống còn, một sức sống yêu đời. Con người sống xa quê hương có thể không ngày về, sống lưu đày, thường sống cái trống rỗng hụt hẫng thường trực đó. Đưa đến hai tính hiện thực và trống

không của văn chương lưu đày. Hội nhập xây trên phủ định văn hóa, gia đình, đạo đức. Phải phá không gian và thời gian để sống cái hôm nay. Tâm tình lưu xứ ở Phùng Nguyễn dù vậy chưa hẳn đã bị hội nhập lấn át. Quê hương, chốn tình yêu, nơi kinh nghiệm sống đầu đời,... trở thành không gian tâm tưởng, không gian con chữ! Kinh nghiệm qua phân không gian-thời gian này là một kinh nghiệm về cái bất khả thi trong thực tại nhưng khả thi trong văn chương. Lưu đày là sự hủy phá một không gian, có thể tâm thức, và áp đặt nó vào không gian mới có. Một trốn chạy ở giữa hai thực thể không gian cũng như thời gian. Cố gắng ký ức như Phùng Nguyễn với hai tập truyện là hậu quả của những khuynh hướng không tưởng làm nên văn chương lưu đày, ở ngoài ! Hoàn cảnh có thể khiến thành dòng, xuôi chảy !

Truyện Đêm Oakland. Câu Hỏi dùng cái nền nếp sống ở xứ người, với những Đức, Thiện và ... 'tôi' dĩ nhiên! Tra vấn về hội nhập ở những mảng tuổi đời khác nhau, ở những nổi trôi của tiếng nói và khả năng phát biểu tiếng mẹ đẻ: 'Bất kể những khác biệt lớn về tuổi thơ và kinh nghiệm chiến-tranh, tôi cho rằng Đức và tôi cùng thuộc về nhóm những kẻ đứng chông chênh trên hai mảnh ván trôi ngược chiều nhau, cố giữ thăng bằng để không rơi vào cái vực đen ngòm của hoang mang bên dưới. Thực ra, cái mảnh ván cứ kéo giật tôi về quá khứ có nhiều cơ hội thành công hơn. Có những điều nằm ở đó sẽ đeo đuổi tôi cho đến hết đời. Trong nhiều năm, tôi cứ đi giật lùi nhiều hơn là đi tới. (...) Mãi về sau này khi nỗi ngạc nhiên qua đi, tôi cho rằng nếp nghĩ của mình có thể đã xuất phát từ nỗi sợ của người bị giật mất đi chiếc phao cuối cùng của lòng tự hào. Khi người ta không có nhiều thứ để bám vào, khả năng sử dụng nhuần nhuyễn tiếng mẹ đẻ trong một môi trường không thuận lợi có thể chứng minh được nhiều điều, kể cả việc biểu hiện một cách kín đáo, và trong cùng một lúc mong muốn người khác nhận ra, thăm quyền về và lòng trung thành với chính cái quá khứ buồn tủi của mình...' (tr. 14-15). Từ đó dùng quá khứ như cái chốt ghim, như làm nền cho đời sống hôm nay, ở xứ người, lưu thân trong hội nhập !

Toàn tập truyện có thể xem như là cuộc sống ở Mỹ, cuộc sống hội nhập, không gian Mỹ, nhưng cái nền vẫn là một Việt Nam quê hương, một Việt Nam tuổi thơ rồi tuổi trẻ, một Việt Nam học đường rồi tình yêu. Những mảng quá khứ đó đã là hoài niệm, kỷ niệm,... quanh quẩn, chợt hiện về đó rồi đi đó. Những cái Tôi hay một cái Tôi biến thiên, lớn dậy, ... có tuổi! Những cánh đồng tuổi thơ không bình yên vì chiến-tranh, những cánh đồng mót khoai chỉ còn là những dây rế ăn vẫn ngọt lịm. Sống nơi dư thừa vật chất nhưng lòng con người xa xứ vẫn có những niềm vui lạ lẫm như Chung thích đi lượm tỏi và bắt hến xào ăn với bánh tráng nơi hồ xa xôi đường đi cheo leo bờ vực hiểm nghèo để rồi phải chuốc lấy tai nạn chết người. Những con hến mà hành trình đã khởi từ một quá khứ quê nghèo ở miền Trung nước Việt (Bắt Hến Ở Hồ Isabella). Sống cái 'đương thời' của quá khứ ở một không gian khác là sống ở đáy sâu thời gian nhưng vẫn làm cho con tim đập và máu chạy đều !

Đang nhìn lại thể loại tự sự trong văn chương Việt Nam thì nhận được tập truyện Phùng Nguyễn mới xuất bản, đó là lý do chúng tôi cụ thể hóa một số suy nghĩ về thể loại này nhân đọc Đêm Oakland Và Những Truyện Khác. Với Phùng Nguyễn, cái Tôi luôn ở đó hơn là không ở đó. Cái Tôi biến thiên từ ngập ngừng đến 'làm chủ tình hình' trên trang viết và ở cấu trúc câu chuyện - tiêu biểu trong Dựng Truyện. Từ cảm nhận, chiêm nghiệm cái Tôi mới đi đến thực hiện cái Tôi trong văn chương, Phùng Nguyễn hãy còn ở giai đoạn tìm kiếm, dù đã có những thử nghiệm văn chương đáng kể như ở Văn Sĩ Ngại Ngàn, Dựng Truyện,... Trong bài này chúng tôi dùng tập truyện của Phùng Nguyễn để bàn về thể loại tự truyện chứ không hề có ý rằng sáng tác của Phùng Nguyễn toàn là tự truyện.

Phùng Nguyễn dĩ nhiên không tự sự trí thức như Roland Barthes, Jean-Paul Sartre từng trải lên trang giấy và cũng không tự sự chính trị như biết bao hồi ký ở hải ngoại, ông cống hiến cho người đọc những tự sự tình cảm sống động, có khi êm đềm như những giọng lưu bút, có lúc sôi xục như những cuộc tình sôi nổi nhiều kê ! Simone de Beauvoir có lần vào cuối đời đã tâm

sự với Annie Ernaux : 'Mục đích chính của đời tôi có thể chỉ là để thân xác tôi, cảm xúc và tư duy tôi trở thành văn chương, có nghĩa là cái gì đó tri thức được và một cách tổng quát, sự hiện hữu của tôi tan biến trong tâm trí và sự sống người khác' (2).

Nếu phải phân biệt hai loại tự sự tiểu thuyết và tự sự hồi ký, thì Đại Học Máu của Hà Thúc Sinh, Câu Chuyện Kể Năm 2000 của Bùi Đình Tấn và cả Những Ngày Thơ Ấu của Nguyễn Hồng đều thuộc tự sự hồi ký, viết là để kể cái gì; còn Đêm Oakland Và Những Truyện Khác của Phùng Nguyễn có thể xếp vào loại tự sự tiểu thuyết, xử dụng cái Tôi cho mục đích tiểu thuyết. Tiểu thuyết hóa cái Tôi, tiểu thuyết đời sống và con người tác giả; nghĩa là vay mượn dù chỉ phần nào. Tác giả chủ động trong vai người kể chuyện và là nhân vật chính - xưng 'tôi' hoặc ngôi thứ ba hoặc cách khác - thể loại này Serge Doubrovsky là người tiên phong với tác phẩm Fils (1977) ghi ở trang bìa trước 'roman' mà ở trang bìa sau lại ghi 'autofiction' với câu nghĩa 'Autobiographie? Non... Fiction d'évènements et de faits strictement réels; si l'on veut, autofiction' (3). Doubrovsky còn là một nhà lý luận và phê bình văn chương nổi tiếng, phải chăng khi ông thử nghiệm thể loại sáng tác này (4), ông như muốn chính thức hóa khuynh hướng tự truyện (autobiographie) từng là một tiểu thuyết ở Âu Mỹ với Jean-Paul Sartre, Claude Simon, Simone de Beauvoir, Marguerite Duras, Philippe Sollers, ... Dĩ nhiên, hồi ký (memoirs/mémoires) và 'chuyện đời tôi' (life story) không phải là những thể loại thuần văn chương ! Ngoài ra, thể loại tiểu thuyết tự truyện vốn là một phản ứng lại khuynh hướng cấu trúc. Ở đây, nhân vật và cuộc đời hẳn như được viết lại !

14-7-2001

Chú:

(1) Thập Ký-Úc (1998) và Đêm Oakland Và Những Truyện Khác (2001) đều do nhà Văn xuất bản ở California. Các nhà xuất bản Việt Nam ở hải ngoại thường thiếu sót ghi tên thành phố nơi xuất bản, gây khó cho vấn đề lên thư tịch. Thí dụ NXB Văn xuất bản hai tập truyện của Phùng Nguyễn ở hai thành phố Westminster và San Jose (?) tuy cùng tiểu bang nhưng cách nhau nhiều trăm dặm đường.

(2) L'événement. Paris: Gallimard, 2000.

(3) 'Tiểu sử ư? Không ... Tiểu thuyết biến cố và sự việc hoàn toàn có thật; nếu muốn, hãy gọi là tự sự tiểu thuyết'.

(4) Sau thêm Un amour de soi (1982) và Le livre brisé (1989). Ông là người đầu tiên dùng từ autofiction, sau còn được các nhà lý thuyết văn học gọi là roman autobiographique

Nhà văn

Tôi là nhà văn. Ít nhất thì cũng có một vài người gọi tôi như vậy, bất kể trong lòng họ nghĩ tôi có xứng đáng với cái tước vị đó hay không. Tất nhiên không phải dễ dàng để trở thành nhà văn. Bạn phải viết một cái gì đó, một truyện ngắn chẳng hạn. Rồi còn phải gửi đăng trên một tạp chí văn học nghệ thuật nào đó. Chí ít thì cũng phải xuất hiện trên trang văn nghệ của một nhật báo hay tuần báo kha khá nào đó. Mà không phải chỉ xuất hiện một lần là đủ. Năm bảy lần, mười, mười lăm lần. Bởi vì xuất hiện ít quá thì bạn mới chỉ là "tác giả" vô thời. Điều này đã xảy đến cho tôi. Cho đến khi tôi ra mắt tập truyện ngắn đầu tiên, tôi chỉ là một tác giả! Nói chung, nhà văn là một tác giả có tác phẩm trình làng, và tác phẩm ở đây được hiểu là một cuốn sách in. Điều này xem ra cũng không được công bằng cho lắm. Có người đã có năm bảy cuốn sách in. Có người thậm chí có hàng chục cuốn. Vậy mà họ cũng chỉ được gọi là nhà văn thôi. Đây là một điều buồn thảm. Lẽ ra phải có một thứ ngạch trật nào đó cho giới viết lách dựa trên số tác phẩm đã

xuất bản.

Viết lách khi đã trở thành một nhà văn nói chung không khó lắm. Tất nhiên bạn phải biết chút đỉnh về cách chấm câu. Giỏi chính tả càng tốt, còn không thì cũng chẳng sao. Có thể bạn biên tập nơi nhận đăng bài sẽ chữa giùm, hoặc độc giả sẽ dễ dãi bỏ qua. Đề tài thì thoải mái, tha hồ nói về chính mình. Tôi bắt đầu như vậy đó, nói về chính mình. Một ngày nào đó, có thể nguồn tư liệu về mình sẽ cạn kiệt đi, tôi sẽ phải bước qua cái hàng rào chủ quan để nói về người khác, việc khác, đề tác phẩm của tôi mang tính khách quan hơn. Hiện thời thì vẫn còn nhiều điều về mình cần phải giải bày cho nên tôi sẽ tiếp tục viết về tôi một thời gian nữa rồi hẵng tính. Bạn cũng có thể làm như vậy, viết về chính mình. Có nhiều nhà văn cũng làm như vậy, viết về chính mình suốt cái chiều dài văn nghiệp của họ. Trường hợp tôi không phải là cá biệt.

Tôi bắt đầu chuyện viết lách vào cái tuổi mà những người khác đã có thể bẻ bút về hưu vì không còn cần thiết để chứng minh thêm nữa khả năng văn chương của mình hoặc vì đã mất hết kiên nhẫn trong việc giáo dục đám độc giả (vốn thường kém nhạy bén) cách phát hiện những tư tưởng kiệt xuất trong tác phẩm của mình. Những nhà văn này nhiều phần sẽ trả lời câu phỏng vấn không thể thiếu trong các cuộc phỏng vấn “Tại sao viết?” bằng cách diễn tả nỗi niềm đam mê văn chương rực lửa của mình như thế này hay như thế khác. Tôi không có được điều xa hoa đó. Tôi thích văn chương, nhưng chưa bao giờ đủ thôi thúc để dẹp bỏ mọi điều và thực sự ngồi xuống chỉ để làm công việc sáng tác. Ở vào một thời điểm không lấy gì làm vui vẻ trong đời sống của mình, tôi cho rằng mình cần phải làm một điều gì đó, bất cứ điều gì, bên cạnh chuyện sinh nhai nhàm chán mà tôi vẫn phải làm hàng ngày. Tôi chọn viết lách thay vì đầu tư vào thị trường chứng khoán, đánh cá ngựa, chơi ma túy, hoặc la cà hàng đêm ở những quán rượu có nhảy cời trỗng, những điều mà hậu quả chưa hẳn sẽ tệ hơn hậu quả có thể xảy ra cho điều tôi đã chọn lựa. Sau này tôi nghiệm ra chính cái nhu cầu cần được chia sẻ là động cơ thúc đẩy tôi đến gần với văn chương thay vì với những điều khác. Tuy vậy, có lẽ tôi sẽ trả lời câu hỏi quen thuộc “Tại sao viết?” của một ai đó là “để cho vui” cho dù không hẳn là như vậy. Không có điều gì bảo đảm niềm vui sẽ đến với người có được cái khả năng chia sẻ nỗi niềm hoặc tư tưởng của mình với nhiều người khác dưới dạng chữ nghĩa.

Lựa chọn nhảy vào công việc sáng tác một cách trẻ tràng như vậy chưa hẳn đã là một điều quá tệ. Điều quá tệ là cái thời điểm mà tôi nhảy vào. Vào cái lúc tôi bắt đầu viết, những điều tôi cho rằng cần được viết ra đều đã được viết ra. Cái lợi điểm duy nhất trong một hoàn cảnh như vậy là tôi không cần phải vội vã gì hết. Tại sao phải vội vã khi chẳng còn điều gì quan trọng để viết. Những điều cần nói đã được nói ra bởi những người đi trước. Những mất mát đau thương, những tủi hờn vong quốc, những đất khách bơ vơ, những qua sông nín thở. Và còn nữa, những máu lệ ngục tù, những hồn oan ngọn sóng, những đáy biển vùi thây. Tôi đã đọc, đã xúc động. Những người bạn tôi đã đọc, đã xúc động, cũng xúc động không kém gì tác giả của những bi kịch đó. Nhưng tại sao chỉ có tôi, chỉ có chúng tôi, những người không nhiều thì ít nhìn thấy một phần đời của mình trong những tác phẩm đó, xúc động? Còn thế giới, cái mục tiêu thực sự của những tác phẩm như vậy, tại sao cứ im lìm? Phải chăng lòng người phải lạnh đi để đáp đổi cho trái đất ngày mỗi nóng thêm lên? Phải chăng bi kịch không đủ lớn? Tôi không biết. Tôi chỉ biết là tôi sẽ không bao giờ mon men đến gần những điều có vẻ như là một thách thức cho sự lãnh đạm cao quý của nhân loại.

Bất kể những thất vọng mà tôi có về khả năng thuyết phục của văn chương vào thời điểm này, tôi đã tin rằng mỗi nhà văn là một cá thể tự do. Điều này nhất định đúng cho tôi, một nhà văn hải ngoại. Tôi tự do như mây trời, không bị quản thúc bởi bất cứ ai, không ai có quyền ra lệnh cho tôi phải viết theo nghị quyết này, chủ trương nọ. Tôi viết điều tôi lựa chọn để viết. Những điều sẽ không làm mích lòng một ai đó, một đức cha, một hòa thượng, một người bạn, một người quen, một người bà con, một người đáng kính, một người đáng thương... hoặc một

người đáng ngại. Như vậy, những điều tôi viết ra tốt hơn nên giống giống một điều gì đó nhưng không phải là điều gì đó! Như vậy sẽ không có ai phải chịu trách nhiệm gì hết. Và cho dù có hợm hĩnh bao nhiêu chẳng nữa, cho tới một lúc nào đó tôi cũng nhận ra mình sẽ chẳng đi đến đâu hết. Mà đâu phải chỉ có mỗi một mình tôi loay hoay! Đã như vậy thì nếu tôi có điều gì để hy vọng, điều đó phải nằm ở một nơi nào khác. Nơi từ đó tôi đã ra đi. Nhất là từ khi nơi này có những dấu hiệu về một sự thay đổi trong cách nhìn, ra người ngoài hay vào chính mình.

Ở nơi đó có một đội ngũ đông đảo những người làm văn chương chuyên nghiệp, được đào tạo cẩn thận và đãi ngộ xứng đáng. Không giống như tôi, người có thể bước vào “thế giới văn chương” bằng cách cho ra mắt một cuốn sách, trở thành nhà văn không phải là điều dễ dàng cho họ. Có một số ngoại lệ, nhưng nhiều phần là họ phải bắt đầu từ ... nơi khởi đầu, báo tường chẳng hạn. Họ phải viết một hay nhiều cái gì đó, phải viết trội hơn người khác. Và có thể có ai đó sẽ để mắt đến. Không chừng ai đó sẽ gọi họ vào trường viết văn. Ở đó họ sẽ được đào tạo một cách chính quy để trở thành nhà văn. Đó là một quãng đường chông gai, và phải đam mê văn chương thực nhiều người ta mới có thể đi đến cùng. Và như vậy, bên cạnh những suy nghĩ thiếu tính lô gích về cái khả năng công chức hóa cái tập thể tài năng này của quá trình bồi dưỡng văn học nói trên, tôi vẫn còn đủ lý do để hy vọng rằng một ngày nào đó họ sẽ sản xuất một hay nhiều tác phẩm ngang tầm thời đại, một hay nhiều tác phẩm đủ lớn để bứt phá cái ràng buộc của một ngôn ngữ kém phổ biến và đến với thế giới.

Đã có lúc tôi nghĩ rằng cái “ngày nào đó” đang ở ngay khúc quanh trước mắt. Một hay hai tác giả, tuy không bắt đầu văn nghiệp một cách “chính quy” như đa số đồng nghiệp của họ, chọn viết về những điều chưa từng được viết ra trước đó, những điều rất sâu, rất kín, và không nhất thiết phải đẹp đẽ, của đời sống. Tác phẩm của họ, do đó, nổi bật như những ngọn pháo bông rực rỡ trên cánh đồng lau một đêm không gió. Liệu những tàn lửa pháo bông có làm cháy lên ngàn lau? Tôi từ xa, chiêm ngưỡng một cách ganh tị và hy vọng. Điều đáng phiến là pháo bông không ở lâu trên cao. Chúng rơi xuống, những tia lửa rực rỡ tắt ngúm trước khi chạm vào những cành lau bên dưới. Chẳng có đám cháy ngoạn mục nào để xem hết! Đây là một điều đáng tiếc, bởi vì có khi chỉ cần một chút gió.

Vào lúc hy vọng của tôi biến thành niềm hoang tưởng, tôi nghe lại tin tức của người bạn cũ. Hấn thuộc về cái tập thể làm văn hóa tài năng của đất nước. Vài thập niên trước, khi tôi chọn một bên, người bạn tôi chọn phía bên kia. Hấn là một trong những người sẽ diễn tả nỗi niềm say đắm văn chương nghệ thuật của mình khi được hỏi câu hỏi quen thuộc “Tại sao viết?” Dựa vào cái tình bạn cũ kỹ và xa lắc xa lơ giữa hai đứa, tôi muốn hỏi hấn về sự bất lực của cái tập thể đầy tài năng mà hấn thuộc về trong việc biến cái ước mơ có được một hay nhiều tác phẩm rực rỡ về cái bi kịch đồ sộ của cả một dân tộc thành hiện thực. Phải chăng mười ngàn ngày chưa đủ dài cho một tranh chấp? Phải chăng thói quen mạnh hơn ước mơ? Phải chăng ở giữa một điều đã qua và một điều còn chưa tới là nỗi sợ không thể vượt qua? Và có nên hỏi hấn những điều tôi muốn hỏi?

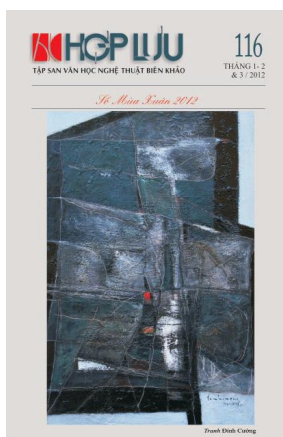
Trong khi chờ đợi câu trả lời cho những nghi vấn của mình, tôi hoang mang vô cùng. Tôi thường thơ thẩn ở một góc nhà chứa xe nhìn mớ sách ế ẩm mang về từ nhà xuất bản. Những cuốn sách đóng đầy bụi bặm. Những cuốn sách đang mục rữa, đang chết dần. Ngay cả những nén nhang run rẩy tiếc thương cũng không cứu vãn nổi tình thế. Đã có và sẽ có những cái chết như vậy, bằng cách này hay cách khác. Ở ngoài này hay ở trong kia. Có khi tôi muốn gom chúng lại và cho một mẻ lửa, như vậy ít ra chúng còn được một lần cuối cùng reo vui ẩm áp. Tôi muốn làm như vậy không những với những cuốn sách bụi bặm ở góc nhà chứa xe của mình mà còn ở nơi anh A chị B. Với những cuốn sách nói về những điều giống giống một điều gì đó nhưng không phải là điều gì đó. Với những cuốn sách ngắn hơn cuộc biển dâu nó trải qua, nhỏ hơn cái bi kịch nó tham dự, thấp hơn niềm lãnh đạm kiêu kỳ của kẻ lạ. Với tất cả

những cuốn sách trong đó người đọc không tìm thấy điều họ không tìm thấy ở nơi khác. Có lẽ sẽ nhiều lắm, chồng chất lên nhau như một ngọn núi nhỏ. Có khi cũng là niềm vui nhìn chúng lần đầu tiên và sau cùng hân hoan cháy lên cùng với số phận hẩm hiu của mình. Và từ giữa tro tàn, biết đâu sẽ bước ra rực rỡ và mới tinh khôi con phượng hoàng với đôi cánh đủ dài để vượt qua cái khoảng trống ghê rợn nằm giữa một điều đã thực sự qua đi và một điều hãy còn chưa tới.

Đoạn văn trên đây được tìm thấy một cách tình cờ khi người kể chuyện được thân nhân của tác giả gọi đến nhà nhờ chữa giùm chiếc máy vi tính mà lúc sinh tiền tác giả vẫn dùng để viết bài. Căn cứ vào nhật ấn điện tử của hồ sơ, đoạn văn ở trên được viết ra khoảng một tháng trước ngày ông ra đi một cách đột ngột. Người kể chuyện đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc thuyết phục thân nhân của tác giả cho phép phổ biến bài viết này. Theo họ, bài viết là một thú nhận trần trụi và không cần thiết về một thất bại tưởng tượng, chỉ làm hại thanh danh kẻ chết và đau lòng người sống. “Ông ấy không được sáng suốt cho lắm trong khoảng thời gian đó,” họ bảo. Họ không tin tưởng lắm vào chuyện phượng hoàng bước ra từ tro tàn, ngay cả chuyện có một con vật truyền kỳ như vậy cũng đủ làm cho họ cười muốn vỡ bụng. Cuối cùng hoặc vì thương hại, hoặc vì chán ngấy sự lì lợm của người kể chuyện, thân nhân của nhà văn quá cố đồng ý cho phổ biến bài viết với điều kiện là người kể chuyện phải bằng một cách nào đó làm cho người đọc không thể nhận ra tác giả là ai. Đây là một công việc rất khó khăn, nhưng không còn lựa chọn nào khác, người kể chuyện đành nhận lời.

Hóa ra cũng không khó khăn lắm để thỏa mãn điều kiện của đám thân nhân người quá cố. Chỉ cần đưa ra một hình ảnh có vẻ như giống giống một ai đó mà thực ra không phải là một ai đó. Không giống bất cứ ai nhưng không đủ rõ nét để là một ai. Chẳng phải điều này đã được tác giả đề cập trong bài viết hay sao? Chẳng phải đó chính là diện mạo của một nhà văn mà trong tác phẩm của ông người đọc sẽ không tìm thấy những điều họ đã không tìm thấy ở nơi khác hay sao?

Một chặng đường Hợp Lưu nói chuyện với Khánh Trường Phùng Nguyễn thực hiện



Sau 12 năm, tròn một giáp, chủ bút tạp chí Hợp Lưu là họa sĩ và nhà văn Khánh Trường từ biệt

làng báo. Cuộc nói chuyện chia tay của anh với Phùng Nguyễn và bài tổng kết một chặng đường Hợp Lưu của Trần Vũ là những tư liệu quan trọng về nhiều khía cạnh của sinh hoạt tinh thần và báo chí hải ngoại. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Talawas

Phùng Nguyễn (PN): *Có người bảo tôi tạp chí Hợp Lưu, trong khi thực hiện được vai trò của mình trong một thời kỳ văn học [Việt Nam] đặc biệt, đã không có những đóng góp nổi bật trong việc tạo ra một hay nhiều trào lưu văn học đáng kể trong cùng giai đoạn đó. Dựa trên những nhận định của Trần Vũ trong "Hợp Lưu 12 năm - trang tôn kinh huyền hoặc" mà tôi có phần đồng ý, Hợp Lưu ít nhất đã có những hoạt động đáng kể trong việc bảo trợ và khuyến khích những táo bạo trong thơ, đặc biệt là những bài thơ diễn đạt/chuyên chở "dâm tính" trong những năm tháng điều này còn bị xem là cấm kỵ trên các tạp chí văn học trong và ngoài nước. Theo anh thì Hợp Lưu đã có những tác động nào trong sự xuất hiện của một hay nhiều trào lưu văn học trong thời gian qua?*

Khánh Trường (KT): - Theo tôi nghĩ, có lẽ chúng ta - những người cầm bút ở hải ngoại - cần nhìn lại chính mình, để thấy rõ hơn vị trí và vai trò của chúng ta đối với văn học Việt Nam, bao gồm cả trong lẫn ngoài nước.

Sau biến cố 1975, suốt thời gian dài gần ba thập niên, đã có trên hai triệu người bỏ nước ra đi, qua nhiều hình thức. Hai triệu người ấy sinh sống rải rác khắp mọi lục địa trên hành tinh này. Ở nhiều nơi, nhờ điều kiện địa dư, khí hậu, kinh tế... họ quần tụ thành cộng đồng lớn. Điển hình như tại hai miền Nam Bắc California, Mỹ quốc. Đã có cộng đồng lớn, tất nhiên không thể không có những sinh hoạt mang tính văn hóa sắc tộc. Một trong các sinh hoạt mạnh mẽ và đa dạng, đa hiệu nhất là báo chí, sách vở, âm nhạc... Nhờ báo chí, sách vở, âm nhạc..., qua báo chí sách vở, âm nhạc... chúng ta có phương tiện để giải bày nỗi niềm nhớ thương quê xưa, để nguôi ngoai mối sầu xa xứ, để thét gào cơn đau "mất nước," để vạch trần tội ác của "kẻ thù không đội trời chung," để nuôi dưỡng hờn căm hầu mong một ngày trở về.... giải phóng quê hương!!!

Văn học Việt Nam Hải Ngoại hình thành và phát triển trong chiều hướng đó.

Nếu có thì giờ nhẩn nha soát lại những tác phẩm tiêu biểu của hai thập niên đầu tính từ 1975, chúng ta sẽ thấy hầu hết đều xoay quanh các tiền đề vừa nêu trên. Những "Cùm Đỏ," những "Đại Học Máu," những "Thép Đen," những "Cuộc Chiến Chưa Tàn"... cùng vô số tác phẩm đại loại như thế đã ra đời, tràn ngập các hiệu sách, báo hòa trên báo chí. Tôi tự hỏi, liệu chúng ta có nên đặt tên và gọi là trào lưu này khuynh hướng nọ cho một dòng văn học ngập ngụa máu me căm thù và đặc sệt tính thời sự như thế chẳng?

Tất nhiên tôi không phủ nhận vào những năm cuối của thập niên thứ hai và đầu thập niên thứ ba, đã xuất hiện một số người viết mới. Lớp người này không liên hệ nhiều với quá khứ, nhờ thế, tầm nhìn của họ rộng hơn, bao dung hơn, công bình hơn, khai phóng hơn, nhân bản hơn, và đáng mừng vô cùng là họ đã thoát được ra khỏi vòng vây trùng điệp mùn chông ý thức hệ của lớp đàn anh. Trong giới hạn nào đó, họ đã có những đóng góp đáng kể cho dòng văn học lưu vong. Nhưng theo tôi, những đóng góp ấy chỉ nên xem là những thành tựu có tính cách cá nhân. Họ không đủ sức và cũng không thể làm thành trào lưu hay khuynh hướng văn học. *Ngó đồng nhất điệp lạc/ thiên hạ cộng tri thu.* Chỉ một chiếc lá ngô đồng cũng đủ để báo cho thiên hạ biết mùa thu đã đến. Nhưng anh A vừa có được một truyện ngắn khai mở lạ lùng, chị B vừa xuất bản một tuyển tập âm áp chất liệu hiện đại, không có nghĩa anh A chị B này đã dự báo hay đã tạo nên trào lưu, đã gây thành khuynh hướng.

Công việc ấy, phải do những tờ báo, những diễn đàn văn học uy tín chủ trương, khơi động.

Hợp Lưu đã hơn một lần thử nỗ lực làm công việc ấy.

Nhưng cũng đã hơn một lần Hợp Lưu thất bại!

Với lớp già, viết, là phương cách để giải tỏa một nỗi niềm, biện minh một quá khứ, hoài vọng một tương lai, u hoài một thân phận (lưu vong). Với lớp trẻ, viết, để tiêu khiển, để giết bớt thì giờ của một cuối tuần "em (anh) có hẹn nhưng em (anh)... cóc đến," để thư giãn giữa hai múi thời gian ngồi dán mắt vào màn hình *computer*, trong văn phòng, nơi làm việc. Viết, với họ, không bao giờ và chưa bao giờ trở thành nhu cầu thiết thân, như hơi thở, như khí trời, như "tôi cần viết như tôi cần sống!" Chưa kể, lực lượng cầm bút cả già lẫn trẻ ấy mỗi ngày mỗi rơi rụng dần theo năm tháng lưu vong. Lớp già, tay run, mắt mờ, nối đuôi nhau vào viện dưỡng lão. Lớp trẻ, xa dần tiếng Việt. Trong giao tiếp, trong công việc, họ đối thoại với nhau bằng ngôn ngữ bản địa, suy nghĩ cùng nhau qua ngôn ngữ bản địa, đến một lúc họ mặc nhiên trở thành người bản địa. Tiếng Việt, văn chương Việt, nghệ thuật Việt chỉ còn là một hoài niệm, lâu lâu, nghĩ về với một tâm thức dửng dưng, hay khá hơn, nhói nhói một tí bụi ngùi. Dù dửng dưng hay nhói nhói bụi ngùi, cuối cùng, cũng chỉ để... quên! Chưa kể sự cũ mòn, cliché, đồng dạng và nghèo (tác giả). Hãy thử lật vài ba tạp chí văn học tiêu biểu của hải ngoại mà xem! Quanh đi quẩn lại cũng chừng ấy tên tuổi, với chừng ấy cách viết, bằng chừng ấy văn phong, lặp lại chừng ấy cấu trúc... Hôm nay, xuất hiện trên báo này, tháng sau, có mặt ở báo khác..., cứ vậy, luân chuyển mãi miết trong vòng quay luân hồi nghiệt ngã. Tài năng cỡ Tolstoi mà bị xoay hay tình nguyện xoay kiểu ấy, cũng phải đến lúc chỉ sản sinh ra... rác!!!

Thế còn các hiện tượng mới?

Xin thưa, họa hoằn lắm mới thấy xuất hiện một, hai. Điều cưỡi ra nước mắt là bên cạnh vài tài năng thực sự, đa phần, nếu công bình nhận xét với ít nhiều hào phóng, thì cũng chỉ "thường thường bậc trung" Vậy mà, rất nhanh, họ trở thành đối tượng tuyên dương, ca tụng, đánh bóng, săn lùng, mời mọc của các chủ bút. Tại sao? Giản dị: Người viết hiếm hoi quá, lại cứ hao hụt dần. Thôi thì, có còn hơn không, nỗi lo "chạy bài" như nhà nghèo chạy gạo của các chủ bút đầu thế nào cũng nhẹ đi đôi phần. Cứ nhắm mắt tán hươu tán vượn vung vít vào, cho "nhà văn" sừng. "Nhà văn" sừng, ắt sẽ cộng tác dài dài với mình. Lấp đầy được năm mươi trang báo trong thời buổi kiếm ước văn khôn bài khó này kể cũng đáng bỏ công.

Tôi không cường điệu. Thực trạng tôi vừa trình bày là có thực, sự khán kiệt trầm trọng các tác giả là điều không thể chối cãi. Từ đó suy ra, Phùng nghĩ xem, với số ngòi bút có thể đếm được trên mười đầu ngón tay, lại chỉ xem công việc viết lách như một trò tiêu khiển, thì việc tạo ra trào lưu, dựng nên khuynh hướng, coi bộ cũng chả khác chi chuyện mấy chàng thi sĩ tiền chiến nằm dài cạnh bàn đèn thuốc phiện, rít khói, ngửa mặt, nhắm mắt "mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây!" Nói cách ví von kiểu Mai Thảo, thì "Có chứ, thỉnh thoảng ta cũng có làm ra gió, có tạo ra bão đấy chứ. Nhưng mà, bố khí, chỉ là gió và bão trong... tách trà!"

Để kết luận, tôi có thể khẳng định không chút đắn đo: Trong môi trường văn học hải ngoại, chuyện tạo nên một trào lưu, một khuynh hướng là chuyện viễn mơ, không tưởng. Hợp Lưu không làm được. Các tờ báo khác cũng thế, không làm được.

Tuy nhiên, trong giới hạn khiêm tốn hơn, tôi tạm bằng lòng với thành quả này: Suốt 12 năm qua, trên diễn đàn Hợp Lưu, không ít những tài năng mới đã xuất hiện, đã trưởng thành, đã dành được cho mình một chỗ đứng vững vàng trong dòng văn học lưu vong. Họ là ai? Nếu đọc giả theo dõi kỹ tạp chí Hợp Lưu từ số đầu tiên đến hôm nay, hẳn biết. Tôi nghĩ không cần phải kê khai tên tuổi họ ở đây.

PN: *Nhà văn/chủ bút Nguyễn Mộng Giác bảo tôi "Làm biên tập một tờ báo văn chương cũng giống như làm bức vách cho người treo tranh. Tranh có đẹp thì người ta mới kéo đến xem. Gỡ tranh đi thì chỉ còn trơ lại... bức tường xám xịt!" Nhà văn/chủ bút Nguyễn Xuân Hoàng thì khẳng định "Không có nhà văn viết bài làm sao ra báo!" Còn chính anh, họa sĩ/nhà văn/chủ bút Khánh Trường, thì so sánh công việc biên tập với công việc của người dọn bàn trong tiệm ăn. Món*

ngon do đầu bếp nấu nướng, anh chỉ lo dọn ra cho gọn gàng đẹp mắt, không có nhiều... lỗi 'chín tã' quá là được! Đây là những lời vàng ngọc cho tên lính mới tò te là tôi. Tuy nhiên, thí dụ như tôi có tham vọng dọn một bữa tiệc thực ngon, thực độc đáo, thực... Hợp Lưu, trong bảng thực đơn gồm có món gan kangaroo bên Úc, món cây tơ ở quê nhà yêu dấu, cặp nhung hươu sao Gia Nã Đại, mấy cái hamburger khổng lồ của Mỹ, kèm theo thùng bia đen và mấy chai rượu vang đỏ ở tận trời Tây mà quý ông/bà đầu bếp mãi hục hặc nhau vì một hay nhiều lý do nào đó cho nên cứ em chả với thêm vào thì tôi phải làm sao?

KT: Câu hỏi "tôi phải làm sao?" đề có được "một bữa tiệc thật ngon, thật độc đáo" không phải chỉ là "tham vọng" của riêng Phùng, mà chắc chắn đã là "tham vọng" của bất cứ ông/bà chủ bút nào, từ Đông sang Tây, từ xưa đến nay.

Cá nhân tôi, rất nhiều lần tự hỏi thế. Có lúc trả lời được, thành công. Nhiều khi bí, thất bại. Qua những thành công và thất bại ấy, tôi rút được kinh nghiệm: làm chủ bút một tờ báo, nghĩa nào đó, là làm dâu trăm họ. Ý này thực ra chả mới mẻ gì. Cũ xì. Nhưng khổ thay, lại đúng vô cùng. *Văn minh, vợ người*. Nói cách khác, mỗi ông/ bà nhà văn là một ông/bà trời con. Cho nên, khi tiếp xúc với họ, cách tốt nhất là tìm cách quên mình đi, triệt tiêu mình đi. Nếu quên không được, triệt tiêu chả xong, thì gắng thu nhỏ mình lại, dấu kỹ mình vào một xó góc nào đó, và nhớ sắm cho mình một bộ mặt thực dễ thương, thực hiền lành, thực "nai". Trong nhân giới của các thiên tài văn học nghệ thuật đã, đang, hoặc sẽ cộng tác với các tạp chí, thì chỉ có hai loại chủ bút. Một: tài năng phải siêu quần bạt chúng, có thể xếp ngang hàng với họ, hoặc nếu thua, cũng chỉ chút đỉnh không đáng kể. Loại chủ bút ấy xứng đáng cho họ cộng tác. Loại thứ hai, tuy tài năng chả có gì, nhàn nhàn thôi, nhưng "vô hại," "chơi được." Trường hợp thứ nhất, nếu tôi đoán không lầm, hình như rất hiếm, hiếm đến độ gần như... tuyệt chủng! (Cũng hợp lẽ thôi, mỗi nhà văn/nhà thơ là một ông/bà trời con. Vậy thì, ngoài trời ra, thử hỏi, còn gì nữa???!!!). Trường hợp thứ hai chiếm đa số. 12 năm đảm nhiệm chức vụ chủ bút Hợp Lưu, tôi may mắn được xếp vào loại thứ hai. "Vô hại," "Chơi được!" Chỉ cần được phê chuẩn như thế, là xem như ta đã thành công đến 60%. Tôi từng nhận không ít những cú điện thoại: "Bài này tôi viết theo yêu cầu của báo A, nhưng thẳng ấy (chủ bút báo A) nói năng, cư xử khó ưa quá, thành ra tôi đổi ý, gửi cho KT."

Đã có được 60%, vậy, 40% còn lại nằm ở đâu? Vẫn theo kinh nghiệm bản thân, đó là sự tinh nhạy trong nhận xét, có một khả năng cảm ứng văn học ở tầng cao. Nói theo ngôn ngữ bình dân tôi vẫn thường sử dụng với bạn bè: có "khứu giác" của loài... cẩu, đánh hơi được ngay mùi vị thơm tho của tác phẩm. Điều này tương đối dễ dàng với một bản văn xuôi, một bài tiểu luận, một đoạn tùy bút... Nhưng sẽ vô cùng khó khăn với một tác phẩm thơ ca. Ai cũng biết, nhiều vị viết văn xuôi tuyệt vời, thế mà khi đụng đến thơ thì... - xin lỗi - không ngửi được! Ngược lại, nhiều nhà thơ viết mãi không xong một đoạn văn xuôi cho ra hồn, nhưng nếu cho sử dụng đến món tử, thơ, thì lắm khi ta thất kinh hồn vía, tự hỏi làm cách nào tên ấy có thể nghĩ và sản sinh ra được những dòng chữ diệu kỳ đến thế?

Đã nói đến cách ứng xử của chủ bút với tác giả. Cũng như đã đòi hỏi ở chủ bút một trực giác bén nhạy, một cảm thụ văn học ở tầng cao, cùng một vốn liếng văn học cần thiết. Như thế, đủ chưa?

Tôi nghĩ, hình như còn thiếu.

Thử duyệt qua nội dung của bất cứ tờ báo nào đang hiện diện trên thị trường chữ nghĩa, trong lẫn ngoài nước, xưa và nay, ta sẽ thấy dấu ấn rất đậm của người chủ bút. Dấu ấn này làm nên vóc dáng và hấp lực của tờ báo. Nó phản ảnh trung thực cá tính, thói quen, trình độ, tài hoa và khả năng quyền biến của người chủ bút. Nó bàng bạc khắp nơi, trên từng trang báo, qua khuyển hướng chọn bài, qua cách duy trì và triển khai các mục thường xuyên theo một mục tiêu định trước; rồi thư tòa soạn, trả lời thư tín,... Kể cả những yếu tố có vẻ không dính dáng gì đến nội dung, như cách sắp xếp mục lục, bài nào đi trước, bài nào đi sau, làm cách nào tạo được ở độc giả cảm giác xuyên suốt, nhất quán, khi theo dõi trọn vẹn một số báo, dù đôi khi,

túng bài, cả số báo chỉ là tổng hợp một số bài vở hồ lớn, đầu cua tai nheo... Đó là chưa kể cách trình bày quảng cáo, quyết định dùng font chữ gì, kích thước bao nhiêu cho những nhan đề... Tất cả, bìa bạc khắp nơi, mỗi nơi một tí, sẽ làm thành một tổng thể. Tổng thể này là dấu ấn của người chủ bút. Dấu ấn có nhiều hấp lực quyến rũ, tờ báo đông độc giả. Dấu ấn nhợt nhạt, lũng củng, độc giả ra đi, tờ báo tiêu tùng.

Tóm lại, vẫn theo ngôn ngữ Mai Thảo, một chủ bút giỏi chả khác gì một con dao pha. Dùng chặt xương cũng được, dùng thái thịt cũng xong, dùng tách mỡ cũng đặng... Hấn, chủ bút, phải trang bị cho mình thực nhiều khả năng, càng nhiều càng tốt. Từ chuyện gần gũi thiết thân như văn học, nghệ thuật, thơ ca, âm nhạc... đến chuyện "ngoại khoa" lĩnh lĩnh lũng củng như biết... nốc cognac hai chữ, bốn chữ tựa rỗng cuốn nước khi gặp Kiệt Tấn, Lâm Chương, Nguyễn Trọng Khôi, Trần Vũ, Phan Huy Đường... Biết chửi thề như máy khi cụng ly cùng Cao Đồng Khánh, Tường Năng Tiến, Bùi Chí Vinh, Lưu Hy Lạc... Biết...phạng vỏ chai lên đầu đối phương khi đối ẩm cùng Nguyễn Tiến, và... tôi... Biết "thốt" giọng Quảng Nôm trơn tru ngon lành khi đấu khẩu với Thái Tú Hạp, Hoàng Lộc, Thành Tôn, Nguyễn Hoàng Văn, Nguyễn Hưng Quốc, Phạm Phú Minh... Biết chuyển giọng vịt đực du côn du kê đá cá lặn đưa thành ní non nhỏ nhẹ du dương trầm buồn theo đúng thể điệu trai thời trung hiếu làm đầu, gái thời tiết hạnh làm câu trau mình khi hầu chuyện Mai Ninh, Trần Mộng Tú, Lê Quỳnh Mai, Phan Thị Trọng Tuyền, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Miêng, Nguyễn Thị Thanh Bình,... Biết sắm cho mình một bộ mặt luôn ở tư thế sắp cãi nhau khi đàm đạo cùng Lê Thị Thắm Vân, Dương Thu Hương, Nguyễn Thị Hoàng Bắc... Biết hò "Huệ" với các mợ và rành sáu câu cầu Tràng Tiền sáu vài mười hai "dịp" khi tranh luận với Đức Phổ, Hoàng Xuân Sơn, Trịnh Công Sơn, Hồ Đình Nghiêm, Sâm Thương, Đình Cường, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Khai... Biết dẫn thơ Lý Bạch, ngâm thi Đỗ Phủ, tán chuyện "Tô Đông Pha, những phương trời viễn mộng" lúc diện kiến Nguyễn Tôn Nhan, Đào Mộng Nam, Trần Văn Giáp, Phạm Hải Anh, Trương Huyền Khanh... Biết cả những danh thủ phá lưới, làm bàn khi ngồi trước màn hình ti vi coi thiên hạ giành nhau một quả bóng với Hoàng Ngọc Tuấn (trong nước), Huy Tường, Nguyễn Chí Kham, Cung Tích Biền, Nguyễn Trung, Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Quỳnh... Biết chuyện Đình Bộ Lĩnh, chuyện thái hậu Dương Vân Nga, chuyện đề thành Cổ Loa, chuyện đền chùa miếu mạo ông tiên này bà thánh nọ khi tham quan danh lam thắng cảnh với Nguyễn Huy Thiệp... Biết vào bia ôm, ghé xóm chi em ta và tán chuyện màn tình đêm bảy ngày ba vô ra không kể với Bảo Ninh, Phạm Xuân Nguyên, Nguyễn Quang Lập, Dương Thụy, Nguyễn Trọng Tạo... Biết cả đi coi vũ cỡi trường có nhét tiền "típ" vào háng các em hẳn hoi với... (thôi, tên tuổi các vị này sống để dạ, chết mang theo, khai ra, e tan nát gia cang các điển hình đạo đức tiên tiến!) Và, dĩ nhiên, biết tán dương mùi vị thơm tho béo bở ích thiện lợi tiểu của trà đá chanh đường khi bàn luận văn học với Nguyễn Mộng Giác, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Mạnh Trinh, Lê Thọ Giáo, Võ Thắng Tiết... Biết vuốt tóc làm duyên (nhưng không vôn về tà áo) hay nhấp nháy mắt sau cặp kính cận dày như hai đít chai khi có ý đồ... "em ơi hãy ngủ, anh hầu quạt đây" với các chị xuân xanh e đã đến hồi... mãn... (chữ này, xin hiểu ngầm) cùng... (lại xin tự kiểm duyệt, kéo không, có thể bị lôi ra tòa vì tội bôi nhọ đời tư cá nhân!). Sau rốt, biết ngu khi diện kiến các nhà viết biên khảo, tiểu luận chữ nghĩa kinh điển đầy mình nhưng chuyện giảng gió cuộc đời thì vẫn cứ "con nai vàng ngơ ngác, đập trên lá vàng khô"...

PN: Tại sao Phùng Nguyễn? Hợm đã! Chọn Đặng Hiền để giao trách nhiệm trị sự của tờ báo là một điều không khó. Đặng Hiền tháo vát, vén khéo, cần trọng, và năng nổ. Cũng như anh, tôi hy vọng rất nhiều vào Đặng Hiền trong việc quản lý cái hủu bao lép kẹp của Hợm Lưu. Còn tôi? Xem ra công lực của tôi còn mỏng hơn giấy lụa. Tôi mới tập tành viết lách cách đây mấy năm, đóng góp cho Hợm Lưu thì cũng gần với "không có gì," vài ba truyện ngắn, một cái truyện dịch. Mỗi giao tình của anh và tôi, tuy thân thiết, nhưng không hẳn là vì chuyện văn chương chữ nghĩa! Chúng ta hiếm khi thảo luận về Hợm Lưu, mà nếu có, cũng chỉ để ... cãi nhau! Dù sao thì chúng ta đã có ít nhất một lần đồng ý với nhau về một điều rất quan trọng: Ở một nơi nào đó

trong Tình Yêu (viết hoa đầy nhé), có chỗ cho một ... chiếc giường. Nhưng sự nhất trí của chúng ta chấm dứt ngay tại đây bởi vì anh cứ khăng khăng bê chiếc giường kê ngay ở cổng vào thiên đường tình ái! Người đi qua giường tôi, không nhớ gì sao người... Ngay cả những điều anh đề cập trong thư chủ nhiệm số trước, tài năng, kiến thức, giao thiệp rộng, những điều mà tôi sẽ vô cùng ngại ngùng chỉ để nghĩ đến, nói chi đến chuyện vợ vào mình, chưa hẳn là đủ cho công việc khó khăn này. Vậy thì, tại sao Phùng Nguyễn?

KT: Đúng, chọn Đặng Hiền để giao trách vụ trị sự tòa soạn, quả, không khó. Tháo vát, vén khéo, cần trọng, và biết tổ chức mọi việc một cách khoa học, hợp lý. Tất cả các đức tính trên Đặng Hiền có đủ. Cũng có nghĩa, khi giao Đặng Hiền nắm hầu bao tờ báo, chúng ta vững bụng. Riêng Phùng Nguyễn có thể yên tâm sử dụng hết khả năng của mình vào việc kiêm toàn nội dung Hợp Lưu. Kinh nghiệm 12 năm cho tôi biết, công việc Đặng Hiền đang phụ trách có khi còn khó khăn và quan trọng nhiều lần hơn chuyện bài vở nội dung Hợp Lưu.

Và tại sao Phùng Nguyễn? A, xem chừng cũng không khó trả lời lắm đâu. Không khó, như đã không khó, khi chọn Đặng Hiền làm trị sự.

Thứ nhất, lời Phùng, vì "công lực của tôi còn mỏng hơn giấy lụa. Tôi mới tập tành viết lách cách đây mấy năm..." Với những ai khác, còu thể đây là một nhược điểm, nhưng với tôi, lại là ưu điểm. Tôi ăn nằm trong thế giới chữ nghĩa kể cũng nhiều năm, nhờ vậy, tôi đủ kinh nghiệm để hiểu, đối với những vị "dày công lực" (hay tưởng rằng mình "dày công lực"), thường, có tiếng mà chẳng có miếng. Nói, vung vít ba hoa chích chèo không ai theo kịp (tôi thường gọi những vị này là chuyên viên thuốc nổ), nhưng làm, thì ôi thôi, lam nham lở nhỏ, trây trét bầy hầy như gà bới rác. Tệ hại hơn nữa, vì luôn mang ảo tưởng "công lực" của mình "dày," nên, khi nắm được một diễn đàn văn học, quý vị ấy nhanh chóng hóa thân thành những người khổng lồ, để rồi lên giọng phê người này, phán kẻ kia, nay ra tuyên ngôn, một thảo cương lĩnh, vung vít linh tinh chuyện lấp biển vá trời. Làm được hay không chưa biết, nhưng rõ ràng là độc giả và văn hữu cộng tác sẽ rất mệt.

Do kinh nghiệm nhãn tiền ấy, dựa vào cái vốn văn học *mỏng hơn giấy lụa* của Phùng, tôi lạc quan tin rằng anh chả dại gì bày vẽ những trò vừa nêu. Nghĩa nào đó, Hợp Lưu, trong tay Phùng, sẽ tiếp tục đóng vai trò tuy khiêm nhường, nhưng vững vàng, bên cạnh những tạp chí bạn, như đã 12 năm qua.

Lý do thứ hai giúp tôi có quyết định chọn Phùng làm chủ bút Hợp Lưu, là qua các tác phẩm của Phùng, tôi rất vui khi nhận thấy tuy tuổi tác anh không kém tôi bao nhiêu (anh thuộc thế hệ tôi, thế hệ của chiến tranh, của hần thù Bắc Nam cốt nhục), vậy mà trên những trang chữ anh viết, gánh nặng quá khứ hầu như không có, hoặc nếu có, cũng chỉ thấp thoáng, như cơn mộng dữ cần được xóa quên. Nghĩa nào đó, qua những trang chữ này, vô hình chung anh đã bày tỏ cùng độc giả quan niệm của mình, về văn học, về thái độ chính trị. Quan niệm ấy, có thể khác tôi trong tiểu tiết, như ng chắc chắn phù hợp với đường hướng của Hợp Lưu.

Lý do thứ ba, quan trọng không kém hai lý do đầu.

Từ lúc Hợp Lưu ra đời đến nay, một mình tôi quán xuyến mọi công việc, từ nội dung, hình thức, đến kỹ thuật. Nội dung, đã có các văn hữu trong, ngoài nước đóng góp. Tôi - như đã từng nói nhiều lần - chỉ là anh dọn bàn. Các món cao lương mỹ vị đã được chế biến sẵn, tôi chỉ việc cân nhắc, tính toán sao cho vén khéo, hợp lý. Món nào ăn trước, món nào dùng sau, món nào tráng miệng, món nào đậm thêm... Hình thức, tôi khá an tâm, để làm đẹp tờ báo, đối với một họa sĩ, không khó. Riêng phần thứ ba, kỹ thuật, là phần tôi sợ nhất. 12 năm, 65 số báo, ngày nào tôi cũng ngồi trước màn hình *computer* ít nhất đôi ba giờ đồng hồ. Thế mà kiến thức của tôi về "nó" vẫn không khá hơn ngày đầu bao nhiêu. Nghĩa là cũng chỉ quần quanh năm bảy phím chữ trên bàn chữ đã được Phan Tấn Hải và Đặng Hiền dạy "thuộc lòng" theo kiểu nhồi sọ: "Đừng hỏi tại sao, cứ bấm phím này ra cái này, bấm phím kia, ra cái nọ..." Hôm nào chẳng may gặp phải sự cố nằm ngoài bài bản, là lập tức, tôi... "ngong." Lại hốt hoảng nhắc phone kêu cứu Hiền ơi, Phùng hỡi, Hải hời nặng xì!

Bây giờ, hai nhân vật trực tiếp trông coi Hợp Lưu lại là Phùng Nguyễn, Đặng Hiền. Cả hai, ngoài nghiệp văn chương thi phú, còn là hai chuyên gia *computer* thuộc hàng cự phách. Đặng Hiền, xếp xòong đại công ty ACS, chuyên trị các bệnh ung thư, ho lao, thương hàn, cảm mạo... "còm bu tò" mắc phải. Và Phùng Nguyễn... (vì đức khiêm cung, đã gọi phone *warning* tôi, ngoài chuyện văn chương thi phú, cảm tuyệt không được đụng đến nghề nghiệp, chức vụ "đời thường" của đương sự - Âm ức lắm, song tôi đành thủ khẩu như bình!). Thời điểm bây giờ, như chúng ta đều biết, khi đã sử dụng và khai thác được hiệu năng của *computer*, là xem như đã điều hành và quản lý hiệu quả công việc hành chánh cùng kỹ thuật của một báo quán và một phân xưởng in ấn hiện đại.

Chùng ấy yếu tố liệu đã đủ chưa, để trả lời câu hỏi: "Tại sao, Phùng Nguyễn?"

PN: *Cũng trong thư chủ nhiệm kỳ trước, anh có đề cập đến dấu hiệu "lão hóa" của Hợp Lưu trong vài năm trở lại đây. Tôi không biết chắc sự lão hóa, nếu có, là do điều kiện khách quan (người viết, người đọc, những biến động/thay đổi chính trị, văn hóa) hay chủ quan (tôn chỉ, mục tiêu của Hợp Lưu), hay cả hai. Cái tên Hợp Lưu trong 12 năm qua đã được gắn liền với nỗ lực giao lưu văn học giữa những người viết (và trong một chừng mực hạn hẹp hơn, người đọc) trong và ngoài nước. Có thể những điều Hợp Lưu đã hướng đến để "dấn thân, khai phá" nay đã trở thành lối mòn và "người khinh binh số một" không còn cần thiết ở tuyến đầu nữa. Có thể người chủ trương Hợp Lưu và ban bè của ông đang lúng túng trong việc tìm kiếm những vùng đất mới để khai phá trong giai đoạn "hậu-Hợp Lưu." Thay vì lão hóa, có thể gọi là "bế tắc" hay không? Nếu có, đâu là những lời khuyên của anh cho tên lính mới này trong việc định hướng cho Hợp Lưu?*

KT: Ở đây, tôi xin phép được "khoanh vùng" hai chữ "lão hóa" trong giới hạn nhỏ, là cá nhân tôi, vì cá nhân tôi, từ cá nhân tôi.

12 năm dài, nhìn lại, tôi thấy đoạn đường mình đã đi qua sao mà thăm thẳm. Ngày bắt tay làm số Hợp Lưu ra mắt, tôi chỉ trên bốn mươi. Vậy mà giờ đây, chỉ vài năm nữa tôi sẽ bước vào tuổi lục thập. Thực thà thú nhận: Tôi mệt mỏi rồi. Thời gian và tuổi tác đã bào mòn trong tôi ý hướng dấn thân, khai phá mạnh mẽ một thời. Những năm gần đây, rõ ràng tôi đã "lười nhác" thái quá. Có những chuyện tôi muốn làm, có những dự tính tôi muốn thực hiện, nhưng, tôi hư đốn tự khát lần hẹn lửa, để cuối cùng, buông trôi. Ví dụ rõ ràng nhất có lẽ các văn hữu khắp nơi đều nhận thấy: Vào những năm đầu, liên hệ giữa tôi và quý vị trong, ngoài nước rất mật thiết. Hàng ngày, qua thư từ, email, điện thoại, chúng ta đã say sưa trò chuyện, bàn bạc với nhau về nhiều vấn đề liên quan đến chữ nghĩa, về nội dung của Hợp Lưu, về những số chủ đề sắp thực hiện... Nhờ đó, mỗi số báo ra đời, có mặt trên kệ sách các nhà sách, là một hiện hữu sinh động, chất chứa một dung lượng xúc taùc đầy hiệu năng, giúp chúng ta tiếp tục nuôi dưỡng, vun bồi cho diễn đàn ấy mỗi ngày mỗi thêm phong phú, đa dạng. Thế nhưng, vài năm trở lại đây sự mật thiết kia gần như bị khai tử. Tự tôi đã cắt dần mọi mối quan hệ. Cho đến hai năm sau cùng này, ngoại trừ phải trả lời khi cần trả lời, tôi không còn liên lạc với bất cứ ai. Tôi tự hỏi tôi, do đâu có tình trạng đổi thay ấy? Chẳng khó khăn gì, tôi nhanh chóng tìm ra lời giải: Ngoài lý do sâu kín xảy ra trong tâm thức tôi, sẽ nói sau, lý do còn lại, đúng như Phùng vừa nhận xét: "*Những điều Hợp Lưu hướng đến để dấn thân, khai phá, nay đã trở thành lối mòn, và 'người khinh binh số một' không còn cần thiết ở tuyến đầu nữa.*" Hơn ai hết, tôi hiểu rõ điều đó, cũng hơn ai hết, tôi phải tự đặt tôi vào chọn lựa dứt khoát: Hoặc khai tử Hợp Lưu, để "giữ tròn tiết tháo," hoặc tiếp tục duy trì, nhưng nhất định phải có một cuộc hóa thân. Xin độc giả và Phùng cảm thông cho tôi, như đã nói, tôi sắp bước vào tuổi sáu mươi, ý hướng dấn thân đã tắt, chắc chắn tôi không làm nổi cuộc hóa thân ấy. Khai tử Hợp Lưu, nghĩa nào đó, là phụ lòng độc giả và văn hữu, những người đã thủy chung với tờ báo rông rã 12 năm. Lòng tự trọng không cho phép tôi chọn quyết định ấy.

Vậy, phải duy trì Hợp Lưu, và phải tìm cho ra người kế thừa tốt.

May mắn cho tôi, và cho độc giả, Phùng đáp ứng được được yêu cầu đó.

Vì thế, Hợp Lưu của giai đoạn mới đã chào đời.

Tôi tin nó sẽ định hình và tiếp tục lớn mạnh, trở thành một diễn đàn văn học mãi mãi ở tuổi thanh xuân, mãi mãi tự ném mình vào những khai phá. Đường đi của văn học không bao giờ là những lối mòn. Nhiều chân trời mới, các cảnh thổ lộ luôn luôn thôi thúc bước chân lên đường. Với tư cách người đã khai sinh và ăn nằm cùng Hợp Lưu ròng rã 12 năm dài, tôi chúc Phùng chân cứng đá mềm.

PN: *Có vẻ như mọi người đều tin rằng anh nhất quyết rửa tay vào chậu vàng, treo ... giường báu, gởi mình vào chốn không môn. Liệu anh sẽ cạo đầu và khoác áo cà sa? Làm sao chúng tôi có thể hình dung ra Khánh Trường trong một phong vận bình hòa, từ ái như thế được? Điều này khiến chúng tôi, gồm có độc giả và bạn hữu xa gần vô cùng băn khoăn. Anh có lời gì để trấn an chúng tôi về điều này hay không?*

KT: Lẽ ra tôi không nên trả lời câu hỏi này. Nó thuộc đời tư của cá nhân tôi. Cái đời tư chả khác chi "một tiếng thờ dài," và nhất là chẳng dính dự gì đến Hợp Lưu. Nhưng vài tháng qua, rất nhiều tin đồn về tôi đã lan truyền trong giới văn nghệ. Những tin đồn lắm khi rất kỳ cục, kỳ quặc. Gần đây nhất, có người gọi điện thoại tìm tôi, hốt hoảng: "*Nghe nói anh lên cơn điên, cảnh sát phải còng tay ném lên xe cứu thương mang vào bệnh viện. Đúng không?*" Đúng thế... chớ nào được hờ trời! Nếu đúng, thì ai đang trả lời phone đây?

Vì những tin đồn càng lúc càng lệch lạc, tôi buộc phải lên tiếng một lần, cho xong.

Dự tính thôi không làm Hợp Lưu đã mạnh nha trong tôi để chừng đã hai năm. Hai năm trước, lúc còn ở một mình trong một nhà kho trên đường Bolsa, cạnh nghĩa trang đường Beach, nơi yên nghỉ của Mai Thảo, Lê Uyên Phương, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyên Sa, Phạm Đình Chương, và rất nhiều văn nghệ sĩ khác. Một buổi sáng tôi thức dậy, bước chân xuống đất, bỗng hụt hẫng, mất thăng bằng té ngã. Trưa hôm ấy ấy vợ chồng một người bạn bác sĩ đến thăm, anh khám phá ra tôi bị tai biến mạch máu não (tôi cao máu, rất cao, có lúc cao đến 325/175). Vợ chồng người bạn gọi ngay xe cấp cứu đưa tôi vào bệnh viện (nếu tôi nhớ không lầm, hôm ấy có cả Phùng và Th., một cô bạn cũng đang hành nghề y sĩ cùng đi chung với Phùng, thì phải). Mấy ngày nằm viện, trở về, vẫn một mình trong khu nhà kho mênh mông lạnh lẽo. Ban đêm, trời lạnh, lại là mùa mưa, nước từ *parking* tràn vào, lấp xấp chân giường. Mưa quật đập trên mái tôn, luồn vào lỗ thông gió, thấm ướt một góc nệm. Lạnh, rất lạnh. Buồn tiểu, nhưng bán thân bên trái bất khiển dụng, và cột sống, vì một lần phải gánh chịu cả sức nặng toàn thân để giữ thăng bằng khi tôi cố thủ đứng lên, đã trật khớp, đau buốt, chỉ có thể vào *restroom* bằng cách duy nhất: bò! Nhưng lên lảng thế kia, bò lối nào? Cuối cùng, tôi phải dùng chiếc bình chứa nước uống trên bàn ngủ, tiểu tiện vào đó! Ban ngày, không thể ra ngoài được, do bệnh, trời lại vẫn mưa, lạnh, nên bạn bè chả ai đến thăm. Tôi đói, thùng mì gói cũng hết. Đành uống nước mưa trừ cơn! Suốt nhiều ngày như thế, trần trọc, quần quanh một mình giữa đêm ngày lê thê dằng dặc. Chung quanh không một bóng người. Không cả tiếng động, ngoại trừ tiếng gió luồn qua lỗ thông gió u u, buồn nhão ruột. Một lần nhà văn Ngô Thế Vinh tình cờ ghé thăm, anh nói ở thế này thiếu tiện nghi và buồn quá, chịu nổi không? Tôi nói chẳng những buồn, mà có khi giữa khuya thức giấc, nhìn quanh, có cảm tưởng như mình là một thứ đồ vật phế thải, đã bị vất bỏ. Ngô Thế Vinh bảo tôi hãy viết lại cảm tưởng ấy. Cảm tưởng một hình nhân bằng xương bằng thịt, có đủ linh hồn, trí tuệ, nhưng mang tâm trạng một món đồ phế thải, giữa căn nhà kho mênh mông, lạnh lẽo, với những bức tranh câm nín vây bọc ngổn ngang. Tôi nói với Ngô Thế Vinh sẽ có lúc tôi viết. Nhưng cảm tưởng ấy, may thay rồi cũng qua đi. Tôi tiếp tục sống một mình trong khu nhà kho với nửa phần thân thể bất khiển dụng, những bức tranh và xấp bản thảo Hợp Lưu số sắp mang in. Ban ngày, công việc bận rộn, tôi không nghĩ ngợi nhiều, nhưng đêm xuống, nằm trần trọc cùng bóng tối vây quanh, đầu óc tôi ngập chìm trong hồi ức.

Ta đã làm chi đời ta? Hơn 50 năm sống và chạy đuổi mãi mê theo những ảo ảnh phù du, những thúc gọi thấp hèn. Có lúc tôi quên mất mình đã từng là chồng, là cha, là rường cột chính

của ít nhất một mái gia đình. Tuổi nhỏ, giận mẹ ghẻ bỏ nhà ra đi, sống bụi đời, làm du đãng. Lớn hơn, đi lính, lấy vợ, sinh con, rồi ngoại hôn, rồi tình nhờn tình bèo, tình chẵn tình lẻ, con rơi con rớt. Có đứa tôi biết mặt, có đứa chỉ nghe tên, có đứa... hình như là, thực hư không rõ... Người đàn bà đầu tiên ấy đã tiêu phí cả quãng đời thanh xuân vì tôi, đã nhẫn nhục vì con suốt 20 năm làm kiếp sương phụ. Giờ đây, cũng như tôi, tóc đã điểm bạc, mắt đã kính lão, vẫn chưa, và không bao giờ, tìm thấy một ngày hạnh phúc. Tôi nhớ, và thắm thía vô vàn một nỗi đau. Tôi muốn làm điều gì đó để chuộc lại tội lỗi đã gieo. Nhưng tôi biết sẽ chẳng khi nào có được cơ hội ấy.

Ta đã làm chi đời ta? Đồi ba cuốn sách, một tờ báo, vài trăm bức tranh, một chút tên tuổi... Còn gì nữa? Bao nhiêu năm loay hoay với những cái tưởng chừng không có không được. Không có, ta chẳng phải là ta. Không có, ta chẳng nên... người! Thực tế, có phải thế chẳng? Năm mươi mấy năm đã sống tận cùng cái sống. Đã thả mình nổi trôi theo bản năng. Đã thù hằn. Đã yêu thương. Đã chấp nê. Đã tha thứ. Đã buông trôi, đã vượt thắng... Năm mươi mấy năm, bây giờ nằm đây, giữa lạnh lẽo buốt xương mùa Đông quê người, ngoài trời giông mưa quật đập, bên trong bóng tối vây bủa, cùng cánh tay và cái chân bắt khiến rụng, khoang bụng rỗng, và trong đầu, lòng bùng trăm vạn hồi ức đắng cay. Tôi chợt nhớ đến những người anh, người bạn đã chết. Mai Thảo, Nguyên Sa, Phạm Đình Chương, Lê Uyên Phương, Nguyễn Tất Nhiên... Giờ này, ngoài kia, chỉ cách chỗ tôi nằm vài trăm mét, mộ bia của họ hẳn đã chìm ngập trong nước. Chẳng xa xôi gì. Có người, năm bảy năm, có người chỉ mới một hai năm, nhưng tất cả hầu như đã ra khỏi trí nhớ nhân gian. Tất cả đều đã mục rữa, tất cả đều đã tan hòa cùng đất! Hốt nhiên, tôi bừng tỉnh. Hốt nhiên, tôi cảm nhận sâu sắc lẽ vô thường, giả ảo của kiếp sống con người, Hốt nhiên, tôi hiểu ra, mấy chục năm qua tôi đã nỗ lực một cách vô vọng đuổi theo cái bóng của chính mình.

Những điều tôi vừa tỏ bày hẳn chả có chi mới lạ. Phụng từng đọc, từng biết. Tôi đã đọc, đã biết. Nhưng tôi tin rằng Phùng, bây giờ, và tôi, trước đây, chỉ *biết* trên chữ nghĩa, qua chữ nghĩa. Cái *biết* này chẵn chẵn cũng giả ảo, như cái bóng của chính mình.

Chỉ khi nào bị ngập chìm trong một trạng huống, hoặc trạng thái nào đó, ta mới có thể *chứng ngộ* được cái *biết* ấy thực sự. Khởi từ đó, quan niệm của ta, tương quan của ta với cuộc đời, dần dà thay đổi hẳn.

Ta đã làm chi đời ta? Tôi lại hỏi tôi. Tận đáy sâu tiềm thức, tôi lờ mờ hiểu "điều gì đó" tôi sẽ làm, phải làm, có lẽ chỉ thực hiện được khi nào tôi đủ can đảm dứt khoát từ bỏ mọi vọng động, mọi đam mê, mọi đuổi bắt mãi miết ảo ảnh phù du...

Việc làm cụ thể trước tiên: hãy dứt mình ra khỏi hệ lụy bao nhiêu năm. Hợp Lưu là một trong những hệ lụy caàn tước bỏ.

Hợp Lưu hoặc sẽ đóng cửa, hoặc sẽ được giao cho người khác.

Nhưng từ ấy đến nhiều tháng sau, tôi vẫn còn tiếc nuối, vẫn thấy đứa con này tôi đã sinh ra trong vô vàn khốn khó, đã khổ nhọc nuôi dưỡng suốt 12 năm dài, đã gắn liền với đời sống tôi như một phần cơ thể. Tôi không đành lòng từ bỏ. Tôi vẫn chưa *biết* tận cùng cái *biết*.

Cho đến ba tháng trước, một buổi sáng tôi đang ngồi trước giá vẽ, chuông điện thoại reo. Tôi nhắc ống nghe. Đầu dây bên kia, giọng nữ, trẻ: - *Cho con gặp bác KT. - Tôi đây.* Một vài giây ngập ngừng - *Có biết con là ai không? - Cô là ai?* Lại một vài giây ngập ngừng: - *Con.... Con.... là NTKL, con má Y.* Tôi sửng người, sống lưng lạnh toát. *Con là NTKL, con má Y.* Dĩ vãng 20 năm ùa về. Một chuyện tình "bất chính." Những khổ đau người thiếu nữ ngày ấy đã hứng chịu. Những khốn khó áo cơm đến triệt tiêu nhân cách. Một đứa con đói sữa, thiếu ăn... Và vượt biên, và hải tặc, và 10 ngày lênh đênh giữa đại dương đầy sóng gió trên một can dầu. Rồi trại tị nạn, rồi định cư, rồi chồng con... Thôi thế cũng đã êm thấm cho thân phận một con người. Tôi mừng. Nhưng còn đứa con rơi rớt oan khiên kia? Mẹ vượt biên một mình, bỏ lại cho ông bà ngoại. Tuổi thơ âm thầm cô đơn, thiếu cha, vắng mẹ, đã khắc sâu trong đời mắt thiếu nữ bây giờ, sau hai mươi năm lần đầu tôi nhìn thấy, một màu xám sầu buồn rã rượi. Cái màu làm tim

tôi đau nhói.

Lần thứ hai trong đời, một tội lỗi cụ thể đang hiện diện trước mắt.

Tôi nhớ lại sự kiện tương tự xảy ra tám năm trước. Đó là lần đầu tiên tôi qui hồi cố hương sau 10 năm đào thoát. Suốt ba ngày - từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều - tôi bị cục AR25 "làm việc" tận tình. Ngày cuối cùng, trung tá Thuận, một trong ba chức sắc trực tiếp "làm việc" với tôi mấy ngày qua, bỗng nói: - *Anh có muốn đi thăm con anh không?* - *Con tôi, chúng đã theo mẹ sang Tây sau ngày tôi vượt biên một tháng. Còn đứa nào ở đây nữa?* Tôi hỏi lại với sự ngạc nhiên.

Thuận cười: *Con rơi của anh ấy mà.* Và anh ta tiếp: - *Anh bình tĩnh và yên trí, cháu hiện ở quận Tân Bình. Vợ anh Huỳnh Tấn Mẫm đang phụ trách ngành giáo dục ở đấy, chúng tôi đã chỉ thị cho chị ấy hãy quan tâm đến cháu....* Sau đó, Thuận chở tôi bằng xe hơi của sở xuống quận Tân Bình, chạy vòng vèo trong xóm đạo Tân Việt, và, khi bước vào cửa một căn nhà, tôi cũng đã sững người, nước mắt bỗng trào ra không cầm giữ được. Trước mặt tôi, đứa con gái 13 tuổi, gầy, cao, da ngăm đen, khuôn mặt xương, miệng quai xách, mũi lớn... Đó là một bản sao không mấy trung thực lắm, nhưng làm sao nhằm lẫn được, cùng một khuôn với người cha hoang đàng, là tôi.

Chưa bao giờ một tội lỗi cụ thể như thế, hiện diện trước mắt tôi.

(Nhân đây, tôi nhận thấy cần phải mở một dấu ngoặc, để tỏ tấm lòng tri ân của tôi, với trung tá Thuận. Tôi không thích chủ nghĩa CS, trừ chủ nghĩa CS trên lý thuyết. Tôi càng không phục người CS, trong nhiều hành động. Tuy nhiên, cũng có một vài chuyện tôi thực tình xin ngả mũ chào. Cụ thể ở đây là tổ chức tình báo cực kỳ hiệu quả của họ. Chuyện tình ái nhặng nhít của tôi, chuyện con rơi con rớt rất đỗi riêng tư, ngay cả vợ tôi, và chính tôi có khi còn không rõ, nhất là chuyện đã xảy ra mấy mươi năm, tít mù trong dĩ vãng, thuở quý vị còn lặn lội trên rừng Trường Sơn âm u kì bí. Thế mà quý vị biết, lại biết tường tận, chi li, như một cộng một bằng hai! Tôi phục và trân trọng cảm ơn. Dù các vị biết, cố tìm biết, vì bất cứ động cơ nào, thiết nghĩ, tôi không cần phải quan tâm. Chỉ thấy, nhờ quý vị, tôi tìm được con tôi. Nhờ quý vị, tôi có cơ hội chuộc lại phần nào lỗi lầm đã gieo trong quá vãng).

Những đứa con rơi! Tôi biết mình còn đâu đó trên mặt đất này một hai đứa con rơi!

Phải làm cách nào tìm ra chúng nó. Rất nhiều đêm tôi tự hỏi tôi.

Gần một năm nay tôi chuyển cư trú đến địa chỉ mới. Cũng lạnh lẽo, tịch mịch, nhưng không đến nỗi hoang vu như nhà kho cạnh nghĩa trang. Nơi này, khi dọn vào, tôi nhanh chóng "tái cấu trúc" lại tất cả. Mua ảnh, tượng và biển hai căn phòng rộng nhất trong số bốn căn thành hai phòng Thiền. Một, cho con chiên Công giáo. Một, cho tín đồ Phật giáo. Hàng đêm, không ngủ được, tôi lặn vào một trong hai phòng Thiền, ngồi quán tưởng nhiều giờ giữa vũng sáng lung linh đèn nến. Trên cao, hình ảnh Chúa dang rộng đôi tay, đầu cúi xuống hiền từ. Hoặc trước mặt, Phật ngồi bình yên trong tư thế kiết già, với đôi mắt khép hờ, nụ cười mím bao dung. Dần dà, tâm tôi bình lặng. mọi vọng động cũng lắng xuống. Tôi thấy rõ hơn những tội lỗi mình đã phạm, những việc mình sẽ phải làm trong tương lai, và tôi có ngay cho mình một quyết định, trước tiên, về từ Hợp Lưu.

Phùng Nguyễn và Đặng Hiền được mời đến.

Tôi có đi tu, cạo đầu, khoác áo cà sa hay không?

Tên đồ tể một thời đã buông dao chưa?

Đó là chuyện của tương lai. Tôi không biết, và cũng không muốn dự phóng.

Tôi không đến với Chúa, Phật như một con chiên, một Phật tử thuần thành. Tôi không đọc được kinh, không thích hương khói, không quen qui lạy, và sẽ ngủ gục ngay nếu buộc phải ngồi hàng giờ giống tai nghe một ông cha, một đại đức thuyết giảng giáo lý của Chúa, Phật... Tôi không cầu mong ở các ngài ấy bất cứ lợi lộc nào, tinh thần lẫn vật chất. Thiện, ác, đúng, sai, tốt, xấu, thiên đường, địa ngục không ở đâu xa, nó nằm ngay trong mỗi chúng ta. Khi ta sân hận, hằn thù, cuồng điên, nhỏ nhen, ti tiện, đó là lúc ta ngập chìm dưới đáy địa ngục. Khi ta yêu thương, bao dung, tha thứ, ta đang an lạc giữa cõi thiên đường. Chân lý vỡ lòng này, chẳng cần phải thông qua kinh kệ, chỉ cần lắng tâm *nhìn* vào bên trong, lập tức ta sẽ thấy ngay.

Chỉ chừng ấy thôi, với tôi, đã đủ. Cần gì Tân Ước Cựu Ước, cần gì Trường Bộ, Trung Bộ, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, Lương Hoàng Sám, Đại Bảo Tích...

Vậy, tại sao tôi thôi không làm Hợp Lưu nữa. Tôi muốn gì?

Tôi không muốn gì hết. Chỉ thấy, bây giờ, rất rõ, tôi không thích làm bất cứ chuyện gì liên hệ đến những tương quan cũ. Sách vở, hội họa, văn chương, nghệ thuật, báo chí, bạn bè, những quan hệ sắc dục, những "cuộc vui suốt sáng trện cười thâu đêm," những sáng đông dài bù khú chuyện văn chương thì phú trước tạch cả phê với các "thiên tài" quán cóc, những tối đàn ca hát xướng, tung hứng đầu mỳ cuối mắt trong các club văn nghệ bỏ túi lớn nhỏ ca sĩ, nhạc sĩ thiệt, dỏm, nghiệp dư; những người đàn bà ít nhiều hệ lụy tình ái ... Tất cả bỗng trở nên phù phiếm, lạ lẫm.

Thú vui của tôi hiện tại, nếu có thể xem đó như một thú vui, là ngồi lặng lẽ trước những tượng đồng, hay sành, đất, nhấm nháp, *nhìn* vào chính mình, *nhìn* sâu vào mọi góc ngách bí ẩn trong bản thể mình. Tìm kiếm, tra vấn, khai giải...

Tôi đã tìm kiếm, khai giải được những gì?

Sẽ khó mà trả lời cụ thể câu hỏi này, nếu Phùng chưa từng ngập chìm trong tội lỗi, như tôi, mấy mươi năm qua. Chưa chạm mặt với cái chết rõ dần hình thù từng giây từng phút, như tôi, sáu năm trước (ngày ấy, gần 500 người, từ khắp nơi đổ về quận Cam để... tiễn đưa tôi, trong tương lai gần, và nơi... an nghỉ cuối cùng!). Chưa bỏ như một con chó trên nền xi măng sũng nước vào phòng vệ sinh giữa đêm hôm khuya khoắt, như tôi, hai năm gần đây. Chưa đối diện với sự cô đơn cùng cực trong dày vò tự hối, với cảm tưởng mình là một thứ đồ vật phế thải. Và nhất là chưa từng sững người, sống lưng lạnh toát trước những tội lỗi cụ thể, bằng xương thịt, có khả năng làm lương tâm ta chấn động tận cùng căn rễ.

Thôi thì, Phùng hãy lên đường, hãy đi tiếp quãng đường tôi đã đi. Mỗi người một định mệnh.

Mỗi người, trên từng quãng ngắn của dặm trường dẫn về chung cuộc, có những việc phải làm, những chọn lựa phải quyết định, và những đổi thay tự nguyện. Tôi đã làm nhiều việc muốn làm, đã chọn lựa nhiều việc cần chọn lựa, và giờ đây, tôi tự nguyện ném mình vào thử thách mới.

Tôi làm được gì cho chính bản thân? Và cho những hệ lụy? Tôi không rõ.

Chỉ cảm nhận, tâm tôi đang bình yên. Lòng tôi đang nhẹ.

Một lần nữa, tôi thành tâm chúc Phùng chân cứng, đá mềm.

Phụ đính:



Bìa ôm

Căn phòng nằm ở tầng thứ ba. Những chiếc ghế nệm dài bọc vải nhựa màu đen đặt dọc ba phía vách tường bao lấy chiếc bàn dài la liệt ly thủy tinh, khăn lạnh, và gạt tàn thuốc. Phía vách

tường còn lại, đối diện cửa ra vào là chiếc TV và giàn máy Karaoke hiện đại. Đám người cùng ngồi với hắn từ buổi trưa ở cái tiệm ăn đặc sản phía bên kia Kinh Tàu Hũ bây giờ đều có mặt trong phòng, bận rộn ca hát, hút thuốc, uống bia, hoặc sờ mó mấy cô gái non choẹt đang ôm họ chặt cứng như thể họ có thể sống ra chạy bất cứ lúc nào! Hắn cảm thấy ngạt thở vì mùi sơn phấn, khói thuốc, tiếng hát âm điệu be bét, tiếng cười tán thưởng gượng gạo, tiếng máy lạnh gầm gừ... Hắn đứng dậy, len qua khoảng cách chật chội giữa chiếc bàn dài và dãy ghế bọc nệm đầy giò căng đàn ông đàn bà, miệng lắp bắp lời xin lỗi, tung cửa bước ra ngoài

Không khí bên ngoài nóng và ẩm. Con đường phía dưới ướt mềm. Một cơn mưa rào mùa Hè vừa đi qua thành phố mà hắn chẳng hay biết gì hết. Hắn nhòai người ra ngoài lan can, cố níu lấy một cành me đẫm nước mưa. Lúc hắn buông tay ra, cành me văng ngược về vị trí cũ, những giọt nước li ti bắn vào mặt hắn mát lạnh. Có tiếng hỏi cất lên từ phía sau:

- Anh mắc tiểu hả? Trong phòng có toa-lét mà!

- À không, anh chỉ muốn ra ngoài một chút...

Hắn ngập ngừng ở cuối cầu, đầu óc lúng lúng dửng dờ cái tên của cô gái được cô quản lý trẻ măng 'gá' cho hắn ngay từ lúc cả bọn bước vào căn phòng ở lầu ba.

- Sao vậy ông xã? Mỹ Ngọc không làm ông xã vui hả?

Cô gái đến gần, vòng tay ôm eo lưng hắn nũng nịu. 'A, Mỹ Ngọc!' hắn thờ phào, đó là tên cô gái.

- Không có đâu,' hắn từ tốn trả lời, 'tại trong đó ngộp quá!

- Anh mới đến đây lần đầu?

- Ờ, lần đầu.

- Hèn chi em thấy anh lạ ghê! Mấy anh kia thì tới đây hoài.

Ngưng một chút, Mỹ Ngọc hỏi tiếp:

- Anh Việt kiều phải không?

Hắn cảm thấy bực bực trong người. Hắn thấy mình có khác gì mấy người cùng đi với hắn đâu! Trông vẻ ngoài còn tệ hơn họ là đằng khác! Mấy người đó, kể cả thằng em họ của hắn, ai cũng ăn mặc bảnh bao, da dẻ hồng hào, điện thoại di động bỏ trong cặp da hoặc trong túi quần liên tục kêu reng reng... Chỉ có mỗi mình hắn là không có điện thoại di động. Có lẽ vì vậy chăng?

- Phải đó. Mà sao biết? - Hắn hỏi cộc lốc.

- Tại thấy anh hút thuốc gì lạ quá đó.

Hắn bật cười, nghĩ thầm thì ra là vậy. Hôm về hắn mang theo một cây thuốc, hút gần hết, còn chưa biết chạy mua ở đâu. Hắn nhận ra ở đây ba số năm và Dunhill là thông dụng nhất. Chắc rồi cũng phải hút ba số năm thôi, hắn tự nhủ.

- Anh về làm ăn hả? - Cô gái lại hỏi.

- Làm ăn gì đâu! Về thăm nhà mà! Bộ anh giống... Tàu Đài Loan hả?

- Đâu có. Tại thấy anh đi với mấy anh cán bộ đó. Họ tới đây giao tế hoài hà.

Tối hôm qua thằng em họ gọi điện thoại dặn hấn đừng đi đâu: 'Sáng mai em đến đưa anh đi chơi' 'Đi đâu?' 'Thì mai rồi tính. Bộ anh có hẹn sao?' Hấn có hẹn hò gì đâu! Về được vài hôm, những nơi cần đến đã đến, những người cần gặp đã gặp. Thời gian còn lại không còn đủ cho một chuyến du ngoạn ra hồn, hấn bỏ luôn ý định đi chơi xa như đã dự định. Hấn nghĩ mình lè mề như ông già! Mà cũng già thực rồi chứ còn gì nữa!

Buổi trưa thằng em họ đến đón, đưa đến một quán ăn kín đáo nằm ở phía bên kia Kinh Tàu Hũ. Thằng này ngày xưa hiền khô mà bây giờ coi bộ rành ăn chơi quá mạng, mấy cái quán đặc sản trong hốc kẹt như vậy mà nó cũng tìm ra. Có một nhóm bạn của thằng em đã đến từ trước, đang ngồi quanh chiếc bàn tròn phủ vải trắng nhảm nháp bia Tiger và thảo luận sôi nổi về những món ăn nên gọi cho hôm nay. Chừng mười phút sau thì hấn hiểu ra đây là những người bạn đồng sự ở cơ quan của thằng em họ. Họ còn trẻ, ăn mặc chững chạc, và đầy tự tin. Đây là thành phần lãnh đạo của một địa phương lớn ở ngoại thành. Hấn được đón tiếp vào bàn niềm nở. Chẳng ai tỏ vẻ hiếu kỳ về cái mác Việt Kiều của hấn, ngoại trừ một lần anh chàng ngồi kế bên sầm soi gói Benson & Hedges màu xanh lá cây và hỏi xin một điếu hút chơi.

Bữa ăn gồm toàn những món lạ hoắc hấn chưa từng được ăn bao giờ, và đắt khủng khiếp. Đám hầu bàn người gốc Hoa lượn tới lượn lui như chong chóng, mắt chăm chăm vào ly bia sủi bọt của hấn chực rót thêm. Đám thực khách ăn uống hoặc háng hái hoặc uể oải, miệng la hét vào chiếc máy điện thoại di động, nói về những công việc vô cùng xa lạ với hấn. Thằng em họ chặc nại hấn cảm thấy lạc lõng, cứ quay qua hỏi những câu không đâu vào đâu để cho hấn trả lời, cũng không đâu vào đâu! Khi món cá chình hầm thuốc bắc, sáng chế của anh chàng chủ trường trẻ măng, nằm thừa mứa trên chiếc bàn tròn bây giờ trông rất bừa bộn, bữa ăn chấm dứt. Hấn giành trả tiền, thằng em họ gạt đi bảo để cho tài vụ nó lo rồi kéo hấn xuống dưới đường, móc túi lấy điện thoại di động ra gọi mấy chiếc taxi 'Bây giờ mình đi bia ôm,' nó tuyên bố tỉnh queo.

Hấn vung tay liệng mạnh mẩu tàn thuốc xuống bãi đất nhỏ vuông vức nằm ở góc đường cạnh căn nhà bốn tầng. Hình như chủ nhà đã cho dọn dẹp khoảnh đất này để xây cất gì đó thì phải. Mỹ Ngọc lên tiếng với vẻ thán phục:

- Cái mặt bằng đó bây giờ mắc lắm. Chỗ đó mà xây lên làm tiệm uốn tóc thì hết xẩy đó ông xã!!!

Cô kéo tay hấn đi trở vào căn phòng lúc nãy, nói tiếp:

- Em mà có đủ tiền em mua cái mặt bằng đó liền tay!

Căn phòng lúc hấn trở vào trông bừa bãi dễ sợ. Từng cặp từng cặp dính chặt vào nhau trên mấy chiếc ghế bọc da màu đen cười giỡn, ca hát, ăn uống. Hấn len lỏi trở về chỗ của mình, nâng ly bia mát lạnh uống tí tí. Cô gái lúc này đã nhảy tót lên đùi của hấn ngồi gọn lỏn. Xua tay từ chối cái microphone thằng em họ đưa qua, hấn rừ rì vào tai cô gái, hỏi han đủ thứ chuyện. Mỹ Ngọc mười tám tuổi, học xong lớp Bảy ở nhà phụ mẹ bán rau cải. Cô làm nghề bán bia ôm được hơn một năm, đang để dành tiền để sang lại một tiệm uốn tóc.

- Bao giờ thì em mới có đủ tiền để sang tiệm?

- Chắc cũng mấy năm nữa ông xã ơi. Mặt bằng bây giờ mắc quá! - Mỹ Ngọc than thở.

- Làm gì khác không được sao mà phải mở tiệm uốn tóc?

- Làm gì bây giờ ông xã? Bán cà phê thì tới lúc đó em... già rồi, khách nào thèm tới uống?

- Già? - Hấn ngờ ngẩn hỏi.

- Thấy chị Tuyết Nga chưa? Chỉ hai mươi bốn rồi đó, không làm được nữa may nhờ chủ thương cho chỉ quản lý tụi em đó!

- Hai mươi bốn!!! - Hấn làm bầm, thì ra cô gái sắc sảo mặc chiếc áo đỏ chói đó mới hai mươi bốn tuổi...

Lúc cả bọn kéo nhau ra về, hấn không còn quan tâm đến việc trả tiền nữa. Đã bảo có tài vụ lo rồi mà!

o o o

Hấn trở lại quán Cây Đào hai ngày sau cùng với một người bạn. Thằng này ngày xưa nghèo mạt rệp, bây giờ làm giám đốc một xưởng may xuất khẩu gì đó ở Biên Hòa. Hai thằng dắt nhau đi ăn cơm niêu ở Tú Xương, mấy miếng đất nung màu gạch non văng tứ tung khi đám hầu bàn đập vỡ cái niêu đất còn mới tinh lấy ra miếng cơm cháy vàng lươm thơm ngạt mũi. 'Minh đi bia ôm!' Thằng bạn nói lúc hai đứa rời quán ăn. 'Lại bia ôm?' Hấn cần nhần. 'Giờ này không bia ôm thì đi đâu?' Thằng bạn tỉnh queo! Hấn thấy thằng bạn mình sao lạ quá đi, chẳng giống hồi đó chút nào! Trông nó chẳng khác gì thằng em họ mình với đám bạn đồng sự của nó, hấn nghĩ. Chắc nó cũng thấy mình khác đi nhiều lắm, hấn nghĩ tiếp. Bỗng dưng hấn nhớ đĩa lòng heo lóng chổng mấy miếng gan miếng huyết và xì rượu thuốc cay nồng ở mấy cái quán cóc dọc chợ Tân Định hai đứa vẫn thường la cà ngày xưa!

Hấn ngồi trong căn phòng nhỏ ở lầu bốn nhẩn nha lột mấy trái vải ngọt lịm bỏ vào miệng nhai chóp chép, quan sát thằng bạn đang làm ăn àm ỉ ở chiếc ghé bên kia. Cô gái còn rất trẻ, trạc tuổi Mỹ Ngọc, và ý định cũng như Mỹ Ngọc, cô có cái tên đẹp như tên ca sĩ. Không biết cô này thích làm gì sau khi giải nghệ, hấn lần thần tự hỏi: 'Kêu đại em nào cho rồi, ở đây thiếu gì cô xuất sắc,' thằng bạn đề nghị. 'Tao đợi Mỹ Ngọc,' hấn trả lời cụt lủn. Lúc này cô quản lý cho biết Mỹ Ngọc đang bận khách, nếu hấn có thể chờ khoảng nửa tiếng thì cô sẽ tiếp hấn. Thì chờ vậy, có gấp gáp gì đâu! 'Mới về mà đã kết em rồi à?' Thằng bạn hỏi về trêu chọc. Hấn cười cười, không trả lời.

Mỹ Ngọc nhận ra hấn ngay, nhờ vào gói thuốc màu xanh lá cây hấn vắt trên chiếc bàn nhỏ. Cô bước đến ôm hấn hôn chùn chụt, mùi Hennessy nồng nặc.

- Em uống rượu mạnh hả? - Hấn hỏi.

- Vậy thôi đừng uống nữa nghe. - Hấn tiếp.

Mỹ Ngọc tỉnh bơ khui bia lộp bộp, cụng lon với hấn và thằng bạn.

- Em quen rồi, ông xã. Với lại em phải uống với khách mà!

- Không uống là bị phạt đó mấy anh ơi! - Cô gái ở trong lòng thằng bạn tiếp lời.

- Luật gì mà kỳ cục. - Hấn làm bầm.

Hấn có hơi thất vọng. Mỹ Ngọc không có vẻ hào hứng cho lắm khi được hỏi về cái tiệm uốn tóc tương lai của cô. Đã vậy, cứ liên tục khui bia cùng hấn và thằng bạn côm cốp. Thằng bạn cười ha hả, uống cạn ly rồi thò tay qua bàn gỡ gác tùm lum trên người Mỹ Ngọc. Cô gái trong lòng thằng bạn la oai oái làm như đang ghen tuông ghê gớm! Hấn tham dự vào trò chơi một cách uể oải. Không chơi thì còn biết làm cái gì bây giờ!!!

Cuộc vui chấm dứt có hơi đột ngột. Tự dưng Mỹ Ngọc than nhức đầu. Hấn cần nhả một cách xót xa, đã biểu dừng có uống mà không nghe. Cô nhăn nhó ôm đầu chúi vào lòng hấn rên rỉ, em đau quá anh ơi! Hấn luống cuống xoa bóp hai bên màng tang của cô, miệng hỏi thấy đỡ không. Mỹ Ngọc nằm yên được một lúc, chợt vùng ngồi dậy, nắm tay phải thu lại đánh mạnh vào đỉnh đầu mình như để xua đuổi cơn đau khủng khiếp đang hoành hành. Rồi cô bật khóc nức nở, con đau quá mẹ ơi!!! Đến lúc Mỹ Ngọc cong mình động đầu thình thình vào vách tường sau lưng, thằng bạn tung cửa chạy đi kêu cô quản lý trẻ tuổi. Hấn kéo Mỹ Ngọc sát vào người, giữ chặt đầu cô vào ngực mình không cho nhúc nhích, một tay móc túi lấy ra nắm tiền đưa cho cô quản lý, miệng lắp bắp, cô chịu khó đưa Mỹ Ngọc đi nhà thương ngay đi. Thằng bạn giật mớ tiền từ tay cô quản lý áo đỏ, tách ra làm hai bảo:

- Cái này là tiền bia, cái này để lo cho Mỹ Ngọc. Phần em để anh tính.

- Đ. mẹ, không vui gì hết! - Thằng bạn cần nhả.

Lúc hai đứa đi dọc cái lan can hấn và Mỹ Ngọc có lần đứng nhìn cái 'mặt bằng' mơ ước của cô hai hôm trước. Hình như người ta sắp xây một cái gì đó trên khoảnh đất trống đó thì phải. Hấn thấy chông gạch ống màu đỏ và mấy bao xi măng sắp ngay ngắn dọc vách tường của ngôi quán.

- Thôi mày đưa tao về ngủ sớm, mai ghé uống cà phê. Cứ đặc sản với bia ôm hoài, tao mệt. - Hấn nói với giọng mệt mỏi thực sự

Hai người chưa ra về ngay. Chuyện xảy ra thực bất ngờ! Tiếng chân người chạy rầm rập, và tiếng hô hoán vang lên lúc thằng bạn dắt xe ra cổng. 'Có người nhảy lầu!!!' Có người nhảy lầu? Hấn hấp tấp chạy băng qua cái sân nhỏ, hướng về phía khoảnh đất trống. Có mấy người trong quán đã có mặt ở đó. Một người đang cúi mình trên thân hình bất động của Mỹ Ngọc khóc rưng rức. Cô nằm nghiêng, mắt mở hé, giòng máu đỏ bầm ứa ra từ một khóe miệng. Hấn quỳ xuống cạnh Mỹ Ngọc, đưa tay vén mớ tóc đen nhánh xõa rũ rượi. Máu cũng đang ứa ra từ lỗ tai Mỹ Ngọc. 'Cô ấy chết ngay tức khắc lúc chạm đất,' hấn nói với gã thanh niên đang khóc rưng rức ở phía bên kia cái xác bất động của cô. Hấn hy vọng mình đã nói đúng. Có người kéo hấn đứng dậy: 'Thôi anh hai đi về ngay đi. Chút nữa công an kéo đến phiền phức. Để tụi này lo công chuyện,' người đó bảo hấn.

Hấn rời thành phố hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau đó, lòng phân vân về khả năng của một lần trở lại trong tương lai. Trên chuyến bay dài dằng dặc về lại đất Mỹ, hấn ngủ gà gật và có những giấc mơ lộn xộn. Trong một giấc mơ như thế, hấn thấy mình trở lại quán Cây Đào. Một tiệm uốn tóc đẹp đẽ, khung trang mộc lên cạnh quán, ở ngay cái nơi những giòng máu đỏ bầm từ tai miệng Mỹ Ngọc đã chảy ra và thấm vào đất. Hấn không nhớ được tên của tiệm uốn tóc, nhưng nhứt định không phải là 'Mỹ Ngọc.' Mà hấn cũng không cố nhớ ra. Ở cái thành phố mà hấn đang rời đi, còn rất nhiều cô gái trẻ măng với cái tên đẹp như tên ca sĩ! Có khi họ cũng mong được làm chủ một tiệm uốn tóc.

Cua

Tôi tên Phiên. Tôi đang ở trong một siêu thị khá nổi tiếng nằm trên con đường sầm uất nhất của thành phố đông người Việt nhất ở nước Mỹ.

Bây giờ là chín giờ sáng ngày mùng một tháng Giêng. Buổi sáng của ngày đầu năm không hứa hẹn một điều gì tốt đẹp. Bầu trời thì xám xịt, và tôi thì không được khỏe lắm. Nhất định là mấy chai bia tối hôm qua ở chiếc bàn ngoài hiên một quán ăn ở khu Westminster có liên quan đến điều này. Hoặ? chính cái cảm giác tôi có vào lúc chia tay với người bạn đêm qua vẫn còn đeo đẳng cho đến bây giờ. Chúng tôi đã la cà khá lâu ở quán ăn đó, hai tiếng đồng hồ thuộc về năm cũ và phần còn lại thuộc về năm mới. Chúng tôi ngồi ở chiếc bàn nhỏ ngoài hiên quán, nhìn ra con đường nhựa mỗi lúc mỗi thưa dần xe cộ, nói chuyện lung tung, và đã có một lúc tôi cười thực to. Nhưng cái cảm giác khó chịu vẫn ở đó, lẫn lút một cách kiên nhẫn dưới những nụ cười, trong những ngụm bia uống vội, đằng sau cái tranh tối tranh sáng của hiên quán, rồi bất ngờ xò ra như tiếng vo ve của một con nhặng quái ác. Tiếng vo ve lớn dần trên đường ra bãi đậu xe. Khi tôi về đến căn nhà nhỏ của mình ở phía Đông Bắc của thành phố thì đã gần một giờ sáng. Bây giờ thì tôi hoàn toàn một mình. Con nhặng biết điều đó. Tiếng vo ve của nó vang đến từ mọi góc ngách của căn phòng, bám vào phía trong sọ não của tôi, và tôi biết chỉ có một điều duy nhất tôi có thể làm để xua đuổi nó đi. Tôi bước đến chỗ đặt máy điện thoại và bắt đầu bấm vào những nút số. Cuối cùng tôi đã thực hiện được điều tôi muốn làm, không phải chỉ mới ngày hôm nay, không phải chỉ mới ngày hôm qua, mà đã từ lâu lắm và đã chọn không làm. Con nhặng quái ác vô hình vô tướng kia bỗng im bặt khi tiếng chuông điện thoại vang lên từ đầu giây phía bên kia. Tôi đếm từng tiếng chuông reo, bàn tay cầm ống nói run lên. Một, hai, ba, ..., sáu, bảy, tám. Có tiếng lịch kích ở đầu dây bên kia rồi tiếng người trả lời. 'Rất tiếc tôi không có ở nhà. Xin bạn hãy vui lòng...' Bây giờ là một giờ sáng ngày đầu tiên của một năm. Ở một nơi nào đó, những đôi tình nhân và bạn bè của họ đang tụ họp trong một căn phòng ồn ào, tràn ngập bia rượu và tiếng nhạc. Đời sống có nhiều niềm vui để người ta tìm đến, tại sao tôi lại cứ muốn kéo họ quay về? Tôi đặt ống nói xuống trước khi lời nhắn tin chấm dứt.

Khu chợ vắng hoe. Vắng đến độ tôi có thể nghe được tiếng rần rật của máu từ trái tim mệi mõi của mình đang dồn lên hai thái dương. Tôi nghĩ mình sẽ tốn rất ít thì giờ để mua một vài món cần thiết trong khu chợ này. Tôi không có ý định la cà ở đây. Tôi không có ý định la cà ở bất cứ đâu. Tôi không có ý định gặp ai. Tôi không có ý định bắt chuyện với ai. Đi chợ xong tôi sẽ về lại căn nhà nhỏ của mình. Tôi sẽ lăn ra giường và ngủ một giấc cho hết một ngày, cho dù đó là ngày đầu năm, để bù lại một đêm thức trắng. Đã có những ngày như thế trong đời sống của tôi. Sẽ có những ngày như thế trong đời sống của tôi, những ngày mà tôi và những điều xảy ra chung quanh tôi không có chút liên hệ gì với nhau. Hoặc ít nhất tôi nghĩ vậy. Và muốn như vậy. Hôm nay là một ngày như thế.

Người đàn ông chặn tôi lại trên lối đi nhỏ gần khu bán nước chấm. 'Ông mua giùm tôi bốn con cua đi.' Bốn con cua? Con nhặng quái ác từ một xóm xinh nào đó trong khu chợ bỗng xò ra, vo ve, vo ve.

2.

Tôi là Hoa, còn ảnh là chồng của tôi. Tính ảnh lúc nào cũng vậy, hễ không vừa ý thì chửi, mà toàn là chửi bậy! Tôi cần nhắn ảnh về chuyện này hoài, tôi sợ thằng con bảy tuổi nghe quen rồi bắt chước. Vậy mà cứ chừng nào tậi nấy không chừa.

Sáng nay ảnh hồi tôi đi chợ sớm mua đồ ăn về làm tiệc. Ảnh mời bạn bè khách khứa đến nhà ba giờ chiều nay. Hai vợ chồng ông Long chủ hãng tiện chỗ ảnh làm, còn lại là mấy người bạn nhậu của ảnh, cả thảy là bảy người. Ảnh khoe với họ là tôi làm cua rang muối ngon lắm. Lúc còn ở nhà nghe quảng cáo trên đài chợ này có bán cua tươi với giá rẻ, ảnh chở tôi đến đây. Ai dè họ chỉ bán mỗi gia đình có bốn con mà thôi. Ảnh nói như vậy thì không đủ, phải ít nhất tám con mới đủ. Tôi chắc ảnh tính bảy người khách cộng với ảnh là tám, còn tôi lúc đó lẫn quần trong bếp chắc cũng không ăn uống gì. Thăng Toán, con chúng tôi thì ăn những món khác cũng được, đỡ phải ngồi đó lột vỏ cua hay đập càng đập ngoe cho nó. Ảnh định nhờ mấy người khách đi chợ mua giùm bốn con nữa. Tôi cản, nói người ta bán như vậy là muốn để dành cho người khác. Mình mua hết rồi mấy người tới sau lấy gì mua. Thiếu thì mình đi chợ khác mua thêm hay là làm món gì đó thế vào cũng được. Ảnh gạt đi, nói thay kệ người ta, ai biểu đến trễ làm chi. Với lại mình mua trả tiền đàng hoàng chớ có cướp giật của ai đâu! Vậy là ảnh chặn người ta lại nhờ mua cua. Ai dè gặp cái ông khách khó tính, không chịu mua giùm. Vậy là ảnh chửi người ta là đồ chó đẻ. Bị người ta cự lại ảnh tức tởm làm um sùm, xô đẩy người ta làm bể đồ bể đạc để quản lý chợ kêu cảnh sát vào thu hết giấy tờ, bắt khai báo đủ thứ. Lỡ mà bị bắt nhốt thì khỏi có tiệc tùng gì hết chiều nay. Thiệt là hết chỗ nói!

3.

Tôi là Thuận, làm việc ở sở Bưu Điện gần đây. Vợ chồng tôi có ba đứa con, thằng lớn nhất mười tuổi. Hai đứa kia tám tuổi, sinh đôi mà! Hôm nay là Tết tây, tôi được nghỉ ở nhà. Mấy đứa nhỏ thì được nghỉ hai tuần, bắt đầu từ hôm trước lễ Giáng sinh lận. Tụi nhỏ đòi đi chơi biển, nhưng trời đất âm u như thế này, ra đó lỡ chúng nó bị cảm lạnh thì khổ. Tôi cũng muốn đưa chúng đi biển chơi lắm, đã lâu rồi vì bận rộn công ăn việc làm tôi không có thì giờ đưa chúng đi đây đi đó. Tôi còn nhớ năm ngoái đưa cả nhà ra bãi biển Redondo. Tụi nhỏ đòi ăn cua luộc, tôi mua cho hết cả nhà, mỗi người một con bự. Nhà hàng phát cho mấy cái búa gỗ và một mớ giấy báo cũ. Chúng tôi ngồi ở chiếc bàn gỗ dài gần mé biển, chỗ người ta đến câu cá, vừa ăn vừa cười giỡn với nhau thật là vui. Vui lắm.

Sẵn nghe đài quảng cáo cua tươi đại hạ giá, tôi lái xe đưa vợ tôi ra chợ này mua cua về luộc ăn với muối tiêu chanh. Tôi gọi tụi nhỏ cho bà chị dâu bên cạnh, dặn tụi nhỏ ở nhà ngoan ngoãn, ba má đi mua cua về làm đồ ăn cho cả nhà xong buổi chiều sẽ đưa đi xem phim. Chợ bán cua tươi và rẻ, đúng như họ đã quảng cáo. Ngặt một nỗi họ giới hạn mỗi nhà chỉ mua được có bốn con thôi. Tôi hơi thất vọng. Tôi tính mỗi đứa nhỏ hai con, phần vợ chồng tôi mỗi người một con cũng vừa. Bây giờ chạy đi chỗ khác mua thêm thì chưa chắc đã có, mà có thì cũng chưa chắc ngon và rẻ như ở đây. Tôi nghĩ chỉ có cách nhờ ai đó mua giùm thêm bốn con nữa là tiện nhất. Chắc không có ai nỡ từ chối. Lúc này tôi chỉ mất có hai phút để mua bốn con cua thôi mà. Tôi nhìn thấy một người khách đang nhẩn nha ở khu bán xì dầu nước tương. Tôi nghĩ mình có thể nhờ ông ta giúp được. Tôi đến gần và hỏi ông ta có thể mua giùm tôi bốn con cua hay không. Ông ta khinh khỉnh trả lời là không có thì giờ. Cách trả lời và khuôn mặt khó đăm đăm của ông ta làm tôi có cảm tưởng bị khinh thường. Tôi chưa thấy ai ích kỷ và đáng ghét như ông ta. Ông ta làm hư hết những dự định của tôi. Ông ta làm hư hết niềm vui của mấy đứa con tôi. Tôi giận quá, chỉ muốn đấm vào mặt ông ta!

4.

Tôi tên Quỳnh. Tôi sẽ còn ngủ mê mệt nếu không phải dậy sớm đưa Caroline ra phi trường. Trên đường về, tôi ghé vào khu chợ này để mua một bó rau muống. Tôi thích ăn rau muống xào tỏi. Đêm qua chúng tôi đi ăn tối với nhau ở một quán ăn vùng Tustin gần khu tôi ở và làm việc. Ở đó, tôi đã thổi ngon nển nhỏ trên chiếc bánh sinh nhật xinh xắn mà Caroline đã mua cho tôi khi ghé lại một tiệm bánh ở khu chợ gần đó. Chúng tôi tiêu phí phần còn lại của đêm cuối

cùng của năm cũ trong một quán rượu nhỏ của thành phố bên cạnh. Trên đường về, tôi cảm ơn Caroline đã đến. Tôi sẽ cảm thấy trợ trợ ghê lắm nếu nó đã không vội vã bay đến với tôi chiều tối ngày hôm kia. Caroline nghiêng người qua từ phía bên phải, hôn lên má tôi và nói không có gì đâu cưng, mày biết tao yêu mày mà. Tất nhiên là tôi biết Caroline yêu tôi, theo cách của nó. Tôi còn biết nó sẽ hôn môi tôi nếu được phép, nhưng điều này đã không hề và sẽ không bao giờ xảy ra.

Caroline lăn ra ngủ ngay trên chiếc sofa khi về đến căn apartment một phòng nhỏ xíu của tôi. Nó cần phải giữ sức khỏe cho chuyến bay tám giờ sáng ngày mai ở phi trường Los Angeles. 'Gấp quá, không tìm được vé về phi trường John Wayne,' nó nói như xin lỗi. Tất nhiên điều đó là thừa, tôi không cảm thấy phiền hà gì hết khi phải đi thêm bốn mươi dặm nữa để đưa đón nó, tôi bảo nó như vậy. Tôi vào phòng mình và lập tức nhào đến chiếc bàn đêm nơi đặt chiếc máy điện thoại. Chỉ có một lời nhắn tin trong máy. Tôi đoán là của Frank. Tôi đã đoán đúng. Lời chúc sinh nhật lịch sự và dễ thương, như con người của Frank. Tôi xóa ngay ra khỏi máy lời nhắn của Frank sau khi nghe xong và thả mình xuống giường, với tay tắt ngọn đèn ngủ. Bóng tối tràn ngập căn phòng, và cùng với nó, niềm chua xót. Cú điện thoại tôi chờ đợi suốt ngày hôm nay đã không đến. Là? sinh nhật năm ngoái nó cũng không đến. Lúc bấy giờ tôi và Frank còn sống chung với nhau. Frank đã cố gắng mang đến cho tôi một ngày sinh nhật thực vui vẻ. Đêm hôm đó, căn phòng của chúng tôi tràn ngập tiếng nhạc và tiếng cười cho đến khuya. Nhưng Frank hiểu ra là anh đã thất bại khi căn phòng chỉ còn lại hai đứa chúng tôi. Tất cả chỉ vì cú điện thoại tôi chờ đợi đã không hề đến. 'Tôi không hiểu được bố em. Ông ấy luôn làm hỏng mọi việc.' Frank ném hai tay lên trời, than thở.

Frank không bao giờ hiểu được bố. Frank chưa hề là một đứa bé sáu tuổi mười mấy năm về trước đã lên đèn cùng bố trên chuyến tàu vượt biển hồi thối và đầy nghẹt những người, chỉ ba tuần sau khi người mẹ bệnh hoạn được chôn cất ở một nghĩa địa tồi tàn vùng ngoại ô Sài Gòn. Frank chưa hề có lần hồi tỉnh vào lúc ba giờ sáng sau một cơn sốt cao độ trên chiếc giường ở khu cấp cứu của bệnh viện để nhận được chiếc hôn của bố trên vàng trán vẫn còn nóng hâm hấp của mình. Frank chưa hề cùng với bố thổi tắt những ngọn nến trên chiếc bánh sinh nhật xinh xắn vào mỗi đêm cuối năm. Frank chưa hề biết được cái cảm giác tôi đã có khi bố cúi xuống hôn lên tóc, hơi thở bố len qua những kẽ tóc phả lên da đầu ấm áp, và tiếng bố, ngọt ngào hơn tất cả những chiếc bánh sinh nhật tôi đã từng và sắp được ăn, 'Chúc mừng sinh nhật, Quỳnh của bố.' Tôi luôn luôn là 'Quỳnh của bố,' và Frank không bao giờ hiểu được phải cần có bao nhiêu năm tháng, bao nhiêu gian nan, bao nhiêu nụ cười và nước mắt để ba tiếng giản dị này có được cái ý nghĩa của nó. Vậy mà chính là Frank, cùng với tôi, đã khiến tôi không còn là Quỳnh của bố. Ít nhất là bố đã nghĩ và tin như vậy.

Một tuần trước ngày nhập học của năm cuối cùng của chương trình Đại học, tôi bảo với bố là tôi sẽ dọn ra ở với Frank. Chúng tôi sẽ đi về một tiểu bang miền Đông và sẽ tiếp tục công việc học hành ở đó. Đây là một tin vô cùng bất ngờ cho bố. Bố ngồi lặng đi, một bên khoe môi giần giật. Nhất định tôi đã làm bố đau lòng ghê lắm. Nhất định bố đã không hề chuẩn bị cho việc Quỳnh của bố sẽ ra đi. Nhưng tôi đã quyết định. Tôi có trước mắt cả một thế giới rộng lớn, và tôi có Frank luôn luôn bên cạnh. Sẽ không có gì ngăn cản được tôi. Cánh cửa của căn nhà nhỏ đóng lại thực nhanh sau lưng tôi khi Frank đến đón tôi cùng ra phi trường. Bố đã không hề mở miệng khi tôi bảo là tôi sẽ gọi về cho bố khi đến nơi.

Tôi quen Caroline và những người bạn khác ở ngôi trường mới. Tôi luôn có Frank bên cạnh, lúc nào cũng lịch sự, cũng dễ thương, cũng chiều chuộng. Tôi sẽ cảm thấy hoàn toàn hạnh phúc nếu bố thỉnh thoảng liên lạc với tôi. Nhưng điều này đã không hề xảy ra. Khi tôi gọi về cho bố để báo tin mình đến nơi bình yên, bố đã lạnh lùng cắt ngang cuộc điện đàm. Tôi ngờ ngác nhìn chiếc ống nghe đang phát ra một tràng u u vô duyên, và để cơn giận tràn ngập lấy mình.

Tôi thề sẽ không bao giờ gọi về cho bố nữa. Về sau, tôi vẫn thỉnh thoảng gọi cho bố những tấm bưu thiếp mỗi khi có dịp đi chơi xa với Frank hoặc trong những dịp lễ. Tôi luôn cẩn thận kèm theo địa chỉ và số điện thoại của mình, hy vọng sẽ nhận được hồi âm của bố. Điều này đã không hề xảy ra. Không một bức thư, không cả một lần điện thoại cho Quỳnh của bố!

Frank và tôi chia tay không lâu sau đêm sinh nhật đầu tiên không có bố bên cạnh. Tôi nhìn khuôn mặt ngờ ngác của Frank khi tôi bảo anh điều này và tin rằng mình đã quyết định đúng. Tôi cho rằng mình có thể hiểu Frank rất nhiều trong khi anh giỏi lắm chỉ có thể chạm vào lớp vỏ ngoài của tôi. Bên dưới cái vẻ ngoài rất 'Mỹ' của tôi là một mớ bòng bong những suy nghĩ phức tạp về những giảng co, những phản ứng tâm lý mâu thuẫn của mình, những điều tôi có thể cảm nhận được nhưng luôn luôn thất bại khi tìm cách lý giải. Tôi cũng sẽ thất bại như thế khi tìm cách giải thích điều này cho Frank. Bởi vì Frank sẽ không hiểu gì hết. Đó không phải là lỗi của Frank. Chúng tôi khác nhau, như là một định mệnh. Chúng tôi không thể thay đổi định mệnh của nhau.

Tôi ra trường ít tháng sau đó và tìm được việc làm ở vùng Irvine, ba mươi dặm về phía Nam của thành phố Westminster. Tôi biết tại sao tôi đã cố tình chọn công việc này trong số những đề nghị khác. Đêm qua tôi đã thèm muốn quá đổi, trước khi rơi vào giấc ngủ ngắn ngủi, hơi thở ẩm áp của bố phả trên da đầu và lời chúc sinh nhật ngọt ngào của bố bên tai.

Khu chợ rất vắng, rau cỏ ê hề, nhưng không có rau muống. Bố thích rau muống xào tỏi, và tôi thích theo bố. Khi tôi đủ lớn để quấy rầy bố trong căn bếp nhỏ xíu, bố dạy tôi nấu ăn. Món đầu tiên tất nhiên phải là rau muống xào tỏi. Tôi đã cười đến vỡ bụng nhìn bố vừa bỏ vào chảo những cọng rau muống cong queo và đen xỉn vừa khen 'Quỳnh của bố' nấu ăn giỏi quá. Vậy mà hôm nay lại không có rau muống! Tôi thất vọng, rời khu hàng rau, nhìn quanh quất tìm một món gì đó để mua. Tôi thường không quen ra về tay không. Vào lúc tôi đang phân vân giữa hai bình sữa đậu nành nóng hoặc lạnh, tiếng chai lọ đổ loảng xoảng lẫn với tiếng người ồn ào làm tôi giật mình. Tôi quay lại và nhìn thấy ông ta.

Ông đang ngồi bệt dưới sàn, hai chân bệt ra trông rất thảm hại. Những chai xì dầu, nước mắm nằm vương vãi chung quanh, có ít nhất một chai bị vỡ, giòng nước nâu sẫm từ đó chảy ra, loang dần trên nền gạch men nhộp nháp. Ông ta cầm chai xì dầu vỡ lên, ngắm nghía. Có vẻ như ông ta không gấp gáp để đứng dậy. Có vẻ như ông ta chỉ muốn ngồi mãi ở đó, suy ngẫm về một điều gì đó, một điều rất quan trọng.

Khi ông ta ngẩng đầu lên, tôi nhìn thấy đôi mắt buồn thảm của ông. Tôi giật bán người, quay mặt đi thực nhanh, nhưng đã trễ. Ông ta nhất định đã bắt gặp tôi đang quan sát ông tự nãy giờ. Nhất định là ông không muốn tôi hay bất cứ ai bắt gặp mình trong một hoàn cảnh như thế. Tôi cảm thấy bút rứt quá đổi như thể đã làm một điều gì vô cùng tàn nhẫn. Tôi cầm đại một bình sữa đậu nành nguội lạnh, quay người đi như chạy về phía quầy tính tiền. Tôi chần chờ ở đó vài phút, lòng dạ rối tung. Tôi chỉ muốn rời khỏi nơi này ngay lập tức, và trong cùng một lúc, tôi biết mình không thể bỏ đi. Tôi hít vào một hơi thực sâu, vòng trở lại khu bán nước chấm, bước những bước ngắn, khẽ khàng đến nơi ông ta đang ngồi dạng chân dưới đất. Nhẹ nhàng quỳ xuống bên cạnh ông, tôi đặt bình sữa đậu nành qua một bên, nhặt những chai nước chấm đủ loại đang lăn lóc trên sàn chợ đặt lên kệ, cố gắng giữ vẻ bình thản như thể không có ai đang ở bên cạnh. Cố gắng của tôi chỉ là một nỗ lực tuyệt vọng. Tôi len lén quan sát từng cử chỉ của ông. Từ một góc mắt, tôi có thể nhìn thấy ông ta né người qua một bên, chống hai tay lên sàn, xoay mình lại và cuối cùng thẳng người lên trong tư thế quỳ tương tự như tôi. Ông ta nhặt một chai nước mắm còn nguyên vẹn đặt lên kệ và quay lại nhìn tôi. Tôi để cho ông tha hồ ngắm nghía một nửa khuôn mặt bên phải của mình, trái tim chùng xuống trong nỗi chờ đợi. Ông sẽ nói với tôi điều gì? Ông sẽ cảm ơn tôi đã giúp ông thu nhặt những chai nước chấm vương vãi

dưới sàn chằng? Hơn mười giây trôi qua, ông vẫn không mở miệng. Tôi không còn chịu đựng được nữa, thu hết can đảm quay lại nhìn thẳng vào ông. Đôi mắt ông âm u như màu trời ngoài kia. Một bên khước môi ông rung rung, nhưng vẫn không có âm thanh nào phát ra từ đó.

Có tiếng nói phát ra từ phía sau, 'Tôi có thể làm phiền ông một chút hay không?' Chúng tôi cùng giật mình quay lại. Đó là một viên cảnh sát trẻ, cao lớn. Cùng với anh ta là một người đàn ông trung niên, có lẽ là nhân viên quản lý của khu chợ. Bây giờ thì ông ta chịu lên tiếng, nhưng không phải với tôi. 'Tôi có thể làm được gì cho ông, thưa ông cảnh sát?' Giọng ông cứng cỏi, mang nặng âm sắc của người học nói tiếng Anh khi đã lớn tuổi. 'Chúng ta có thể lại đằng kia một chút hay không? Tôi cần hỏi ông vài câu.' Viên cảnh sát lễ độ trả lời, tay chỉ về phía một góc vắng của khu chợ. Viên quản lý cúi xuống nhặt những mảnh chai vỡ trên sàn, cảm ơn tôi đã giúp thu dọn chỗ này. 'Cô ngưng tay đi nhé, nhân viên của tôi sẽ lo việc này.' Tôi đứng lên, hấp tấp bước theo hai người kia. Tôi đã không hề tự hỏi mình đi theo ông ta để làm gì. Tôi chỉ muốn đi theo ông ta.

Người vợ, đang cúi xuống nói gì đó với người chồng, đột ngột đứng thẳng lên, hai tay thông xuống nghiêm chỉnh khi viên cảnh sát đến gần. Người chồng, ngồi bó gối trên sàn chợ dơ bẩn, ngoảnh mặt nhìn ra phía quầy tính tiền, về hướng bình. Lúc này một vài người khách đi chợ sớm kéo đến và dừng lại ở một khoảng cách vừa phải, nhìn. Viên cảnh sát chỉ tay về phía người chồng và hỏi ông khách. 'Có phải người này đã hành hung ông khi nãy không?' 'Không!' Ông ta trả lời một cách dứt khoát, và gần như quyết liệt. Nhất định ông đã suy nghĩ về câu trả lời trên đường đến góc chợ này. Viên cảnh sát, và tôi nữa, nhìn ông, chờ một lời giải thích. 'Người này và tôi có một cuộc thảo luận ngắn về ... cua. Chúng tôi không đồng ý với nhau về việc cua thực sự có bao nhiêu càng và ngoe. Vậy thôi.' Tôi chưa thấy ai nói dối dở như ông ta. Có lẽ viên cảnh sát cũng có cùng nhận xét. Anh ta nhăn mặt như thể bị xúc phạm, đưa tay chỉ vào những vết bẩn loang lổ trên quần áo ông ta, hỏi, 'Thế thì những vết bẩn này từ đâu ra?' 'Tôi sơ ý ngã vào ngăn kệ đựng mấy thứ nước chấm, một vài chai bị vỡ.' Ông ta thoáng có vẻ lúng túng, tôi nghĩ vậy. Thực không dễ dàng khi phải nói dối hai lần trong vòng một phút. Viên cảnh sát lên tiếng một cách chán ngán, 'Vậy sao?' Anh ta tiếp, cố tình không che dấu vẻ tinh quái trong giọng nói, 'Cảm ơn ông, ông thật là hữu ích cho bản báo cáo của tôi.' Tự dưng tôi cảm thấy bực bội. Tên cảnh sát non choẹt này làm chỉ giỏi làm bộ làm tịch! Riêng ông ta thì chẳng có phản ứng gì đặc biệt. Có vẻ như ông biết mình muốn gì. 'Này ông cảnh sát, ông định làm gì với chàng trẻ tuổi này vậy?' Ông ta vừa hỏi vừa nghiêng đầu về phía người chồng. 'Chỉ giữ ông ấy lại làm biên bản thôi. Nếu ban quản lý khu chợ này khiếu nại, ông ấy sẽ phải ra hầu tòa.' 'Khiếu nại về chuyện gì?' 'Về tội hành hung khách hàng và gây tổn thất hàng hóa của cơ sở thương mại này.' 'Hành hung? Tôi đã xác nhận với ông là không có chuyện đó mà! Tôi nghĩ ông không nên làm khó dễ người ta chỉ vì một chuyện hiểu lầm. Anh này phải là một người tốt. Người xấu không hời hả đi chợ vào buổi sáng sớm ngày đầu năm để mua thức ăn cho con cái mình.' Lý luận của ông thực buồn cười. Làm sao ông ta biết được người ta có con. Tôi tự hỏi không biết ông ta đã làm điều gì tệ hại với người ta rồi bây giờ phải cất công bênh người ta chàm chập để chuộc lỗi như thế. Viên cảnh sát trẻ, tuy vậy, có vẻ hơi bất ngờ bởi câu nói của ông ta. 'Thế còn những món hàng bị hư hỏng thì sao?' 'Đó là trách nhiệm của tôi mà. Tôi sẽ giải quyết ổn thỏa với nhân viên ở đây.' Ông ta nói tiếp, giọng thấp hẳn xuống như thể xấu hổ vì đang xin xỏ cho chính mình một điều gì đó, 'Cho anh ấy đi về đi, làm ơn...' Viên cảnh sát trẻ tuổi hơi ngần ngừ, có thể bởi vì anh ta không muốn bị thuyết phục dễ dàng bởi một di dân nói tiếng Anh cứng như gỗ. Tôi bước tới một bước, lặp lại câu nói của ông ta với viên cảnh sát, 'Let the man go, please...' Tất nhiên là tiếng Anh của tôi gần như hoàn hảo, và đầy tính thuyết phục. Có ít nhất vài người đàn ông đã bảo tôi như vậy.

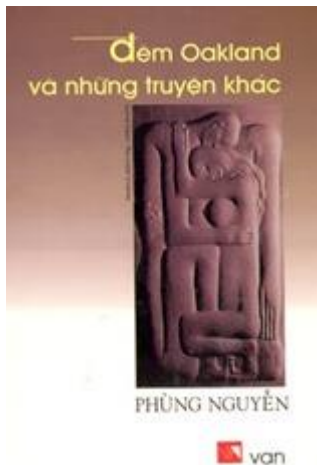
Trên đường trở lại quầy tính tiền, ông ta xoay người nhìn vào mắt tôi. Ông ta vẫn không chịu mở miệng, nhưng đôi mắt ông rõ ràng đang nói với tôi một hay nhiều điều gì đó. Có lẽ ông ta

đang cảm ơn tôi đã đứng về phe ông. Có lẽ ông ta đang hỏi tôi tại sao lại ở đây, một mình. Nhất định là ông không tin rằng tôi sống một mình, đã từ lâu. Nhưng tôi không thể đứng mãi ở đây với bình sữa đậu nành vô duyên trên tay và suy đoán mãi về một hay nhiều ý nghĩa có thể được hay không được gởi theo cùng ánh mắt của ông. Tôi cần phải đến khu bán hải sản ngay lập tức, may ra... Và tôi ù té chạy vào phía trong.

Tôi bắt kịp ông ta ở bãi đậu xe. Ông nghiêng đầu qua nhìn tôi, vẻ dọ hỏi. Tôi đoán ông muốn hỏi bao giờ thì tôi mới chịu buông tha cho ông. Nếu quá thực ông nghĩ vậy thì đừng hòng, tôi nói thầm. Tôi nâng túi giấy trong tay lên, liến thoắng khoe với ông là tôi mua được hai con cua. 'Chỉ còn có hai con cuối cùng thôi đấy nhé. Thực là may mắn!' Ông vẫn không chịu mở miệng, chỉ gật đầu tỏ vẻ đồng ý. Tôi âm ức trong lòng, nhưng cố gắng không để lộ ra ngoài. Tôi làm ra vẻ tươi tỉnh, nói tiếp là ông ta cũng may lắm bởi vì tôi sẽ chia cho ông một con. Nhịp đi của ông ta bỗng chậm lại, mặt lộ vẻ hoài nghi. Tất nhiên ông ta có quyền nghi ngờ. Mấy con cua mắc dịch từ sáng đến giờ đã làm phiền ông không ít. 'Thực đấy.' Tôi ngưng đứng hai giây rồi tiếp 'Chúng ta sẽ ăn cua luộc chấm muối tiêu chanh. Luộc xong là ăn ngay, nóng hôi hổi!' Tôi tin rằng lúc này thì ông đã hoàn toàn bị thuyết phục. Bởi vì ông đột ngột dừng lại, và trời đất ời, ông đang nhìn tôi mỉm cười. Nụ cười làm không những khuôn mặt ông mà cả bầu trời Westminster âm u bỗng như sáng lên rực rỡ. Cùng với nụ cười là đôi cánh tay ông, dang rộng, mệnh mông.

Trong không đầy một sát na, tôi thấy mình đang ở trong lòng ông, mặt dúi vào ngực ông, khóc rấm rứt. Rồi tôi bỗng nhận ra ông đang cúi xuống hôn lên tóc mình, hơi thở của ông len qua những kẽ tóc phả lên da đầu tôi ấm áp. Và cuối cùng điều tôi mong đợi, không phải chỉ từ lúc gặp ông sáng nay, không phải chỉ suốt ngày và đêm hôm qua, mà từ đã lâu lắm rồi, đang xảy đến. Tiếng ông vang lên, ngọt ngào hơn tất cả những chiếc bánh sinh nhật tôi đã từng ném qua, ấm áp hơn ngọn lửa của tất cả những ngọn nến sinh nhật tôi đã từng thổi tắt, 'Chúc mừng sinh nhật, Quỳnh của bố!

Phùng Nguyễn: phỏng vấn với VNNP



VNNP: Mền chào anh Phùng Nguyễn. Tại sao tập truyện thứ hai của anh lại là 'Đêm Oakland và Những Truyện Khác' mà không là 'Đêm Bakersfield', nơi anh đang cư ngụ, hay một thành phố nào khác vậy anh ?

PN: Chào Tường Vi. Chỗ bạn bè sao lại nở bắt đầu câu chuyện bằng một câu hỏi có tính ... phá phách như vậy? :-) Bakersfield vào mùa Hè rất nóng và rất khô, ngay cả vào ban đêm. Mang tên thành phố này vào tựa của tập truyện e rằng sẽ làm người đọc ... khát nước. Thực ra, cái tựa chung đến từ 'Đêm Oakland. Câu Hỏi,' một trong vài truyện hiếm hoi trong tập truyện mà tôi mong độc giả chú ý.

2.

VNNP: Từ tập truyện ngắn đầu tiên của anh là 'Tháp Ký Úc' do Văn xuất bản năm 1998 cho đến 'Đêm Oakland và Những Truyện Khác' vừa xuất bản năm nay 2001, khoảng cách là 3 năm. Theo anh, khoảng thời gian 3 năm để có thêm một tác phẩm như vậy là quá dài, hay quá ngắn, hay vừa đủ cho một nhà văn ?

PN: Một, hai, hay ba năm có thể là quá ngắn hay quá dài, tùy theo khả năng làm việc của người viết. Trong trường hợp tôi thì hơi ngắn. Nếu Tường Vi để ý, 'Dựng Truyện' hoàn tất vào tháng Sáu, 2000, và từ đó cho đến lúc tập truyện được in ra, tôi đã không có thêm truyện nào khác.

3.

VNNP: Vi đọc 'Đêm Oakland và Những Truyện Khác' thấy phảng phất có anh trong nhiều câu chuyện lắm. Một nhà văn, một cựu chiến binh, một cuộc tình từ chatroom, v.v. Nhưng Vi vẫn xin anh tự giới thiệu với độc giả VNNP.

PN: Một cuộc tình từ chatroom? Chatroom là cái gì vậy? :-)

Tôi sinh ra ở một ngôi làng nhỏ thuộc tỉnh Quảng Nam. Thiên cư vào Sài Gòn lúc còn nhỏ. Lớn lên cũng đi lính như hầu hết những người cùng trang lứa. Đến Mỹ vào giữa những năm 80. Bắt đầu viết cuối năm 94. Đã từng có một thời gian sinh hoạt gần gũi với tạp chí điện tử Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng và đặc biệt diễn đàn Ô Thước, nơi tôi có cái hân hạnh được quen biết một số bạn bè trong đó có Tường Vi. Các tạp chí khác đã cộng tác: Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Việt, Thế Kỷ 21, Phố Văn.

4.

VNNP: Nguyên nhân nào khiến anh bắt đầu viết văn từ năm 1994, và anh có cho là anh đã chọn lựa đúng khi bắt đầu gia nhập vào thế giới văn chương không ?

PN: Tôi thực không biết chuyện viết lách của mình có phải là một chọn lựa đúng hay không. Trong một truyện ngắn đăng trên tạp chí Việt, tôi cho nhân vật chính trong đó nói như thế này: 'Ở vào một thời điểm không lấy gì làm vui vẻ trong đời sống của mình, tôi cho rằng mình cần phải làm một điều gì đó, bất cứ điều gì, bên cạnh chuyện sinh nhai nhàm chán mà tôi vẫn phải làm hàng ngày. Tôi chọn viết lách thay vì đầu tư vào thị trường chứng khoán, đánh cá ngựa, chơi ma túy, hoặc la cà hàng đêm ở những quán rượu có nhảy còi truồng, những điều mà hậu quả chưa hẳn sẽ tệ hại hơn hậu quả có thể xảy ra cho điều mà tôi đã chọn lựa.' Có lẽ quá trình chọn lựa của tôi cũng gần gũi với lời 'trần tình' của nhân vật này.

5.

VNNP: Anh là một trong những người Vi quen rất khuyến khích mọi người, nhất là giới trẻ, cầm viết; anh thích có những khuôn mặt mới xuất hiện trên Văn. Xin anh lại một lần nữa khuyến khích các độc giả VNNP cầm viết bước tới văn chương (nghĩa là nêu ra những lý do vì sao mình nên viết).

PN: Tường Vi và tôi đã có một thời gian dài sinh hoạt với nhau trong nhóm VHNT Liên Mạng tất không lạ gì cái tật hay ... xúi dục của tôi. Thực ra tôi chỉ mong được đóng góp phần nào trong việc phổ biến rộng rãi hơn những tác phẩm của các cây viết có triển vọng trên liên mạng bằng

cách giới thiệu chúng (tác phẩm) đến các tạp chí văn học định kỳ của người Việt hải ngoại. Tôi không biết chắc 'khuyến khích' có phải là một từ thích hợp hay không. Tôi nghĩ rằng điều kiện đầu tiên cho một người cầm bút là phải thích/muốn chia sẻ cảm xúc/tư tưởng của mình với một hay nhiều người khác. Khi đã muốn đủ thì sẽ có nhu cầu diễn đạt những cảm xúc/tư tưởng này dưới một dạng thích hợp nào đó, văn, thơ, nhạc, họa. Nếu có thể nói một điều gì đó để khuyến khích các bạn trẻ, tôi xin mượn lời của nhà thơ Ba Lan Wislawa Szymborska khi được hỏi một câu tương tự: '... Trong một giai đoạn nhất định nào đó của đời sống, khi bắt đầu lìa xa tuổi ấu thơ, người ta bước vào cái thế giới của bất trắc và của trách nhiệm cá nhân, và không làm sao tránh được. Thử làm thơ [viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc] xem sao! Có thể sẽ là những bài thơ chẳng ra gì. Hoặc có thể nhà thơ sẽ thành công.'

6.

VNNP: Trở lại 'Đêm Oakland...', có đôi câu chuyện ('Bước Hồi Sinh' và 'Khách Quen'), anh đặt nhân vật chính là nữ, so với 13 truyện có nhân vật chính là nam. Tại sao lại có sự thay đổi này, và khi làm một người nữ trong câu chuyện, anh có thấy thoải mái để diễn tả tâm tư, tình cảm mình dù là tréo ngoe như vậy không ?

PN: Tại sao ư? Tại vì thế giới này không chỉ có mỗi đàn ông! Đây là một điều vô cùng may mắn. Tôi chưa bao giờ thoải mái khi phải ... đoán mò về tâm tư tình cảm của phụ nữ. Tuy nhiên tôi đã có những cố gắng đặt mình vào vị trí của nhân vật khi viết những truyện kể trên. Nếu tôi thất bại trong việc diễn tả tính cách của nhân vật, đó chính là vì sức người có hạn. Mong Tường Vi và các nữ độc giả rộng lượng chỉ giáo.

7.

VNNP: Quá khứ có nhiều điều muốn nói. Có phải vì vậy mà hình ảnh và cuộc đời của Phùng Nguyễn phảng phát rất nhiều trong từng câu chuyện của anh ?

PN: Có khi nào Tường Vi nghĩ rằng vì mối quan hệ bằng hữu giữa chúng ta đã khiến cách nhìn của Tường Vi về tương quan giữa tôi và truyện của tôi có khác hơn của một người đọc hoàn toàn không biết gì về tác giả hay không? Thường thường những gì mà Tường Vi 'thấy phảng phát' hình ảnh của tôi trong đó là những điều được mang vào truyện như là 'điểm quy chiếu' hơn là một nỗ lực tự khai báo. Quá khứ đối với tôi là một tài sản không còn sinh sôi nảy nở trừ phi chúng được sử dụng như là một món đầu tư cho tương lai. Tôi sử dụng 'quá khứ' trong tinh thần đó.

8.

VNNP: Vi biết là anh rất bận rộn. Công việc làm đòi hỏi anh nhiều thời gian, có khi phải đi đó đây cho training, v.v. Ngoài ra còn có bạn bè văn nghệ, gia đình. Anh dành thời gian nào cho việc viết lách thưa anh ?

PN: Những lúc không có ai bên cạnh. Cũng may (!) là những lúc như thế không hiếm hoi lắm.

9.

VNNP: Văn của anh rất mượt mà. Khi viết, điều gì dễ gây cho anh nhiều cảm hứng nhất ? Có cần phải có một 'nàng văn' cho các nhà văn không ? (giống như để làm thơ phải có nàng thơ vậy)

PN: Cảm xúc, nhất định phải là như vậy. Thường thì truyện bắt đầu với một cảm xúc kéo đến bởi một sự kiện nào đó. Sau đó thì dĩ nhiên là phải quan sát, suy nghĩ về sự kiện. Và rất nhiều tưởng tượng.

'Nàng văn' ư? Cần lắm chứ. Tất cả mỗi chúng ta đều cần một nàng hay một chàng. Nếu không

có thì hãy tưởng tượng ra một nàng văn thực kiều diễm. Tôi vẫn làm như thế!

10.

VNNP: Trong tất cả các nhân vật mà anh dựng nên trong tập truyện, nhân vật nào gần với anh nhất, và nhân vật nào được anh ưa thích nhất ?

PN: Nhân vật đưa bé trong 'Đêm Oakland. Câu Hỏi.' Có một phần của tôi trong chú nhỏ này.

11.

VNNP: Thịnh thoảng có thấy anh làm thơ. Thì vẫn biết là anh thích viết văn hơn làm thơ, nhưng khi nào thì anh có hứng làm thơ ? Nó có liên hệ đến một 'chuyện tình không đoạn kết' nào không anh ? :-))

PN: Tôi chỉ làm thơ khi đầu óc không được bình thường. Những lúc khác (nghĩa là bình thường) thì lại không có can đảm để làm thơ (bởi vì sẽ không chịu đựng nổi 'tác phẩm' của mình). Đáng tiếc là mọi chuyện tình đều có đoạn kết. Bất kể người ta có làm thơ hay không.

12.

VNNP: Xin cảm ơn anh đã bỏ thời gian nói chuyện với độc giả VNNP. Mến chúc anh sáng tác thật nhiều để có tập truyện thứ ba sau một thời gian ngắn hơn, như là 1 hay 2 năm nữa chẳng hạn.

PN: Xin cảm ơn Tường Vi đã cho tôi cơ hội chia sẻ với bạn đọc của VNNP.

(...theo Tạp chí Văn Nghệ Ngân Phương)

Tuổi thơ

Khi những người lính biệt kích tình mặc kaki đen và mang giày bố màu xanh bước thành hàng dọc trên con đường chính xuyên qua làng, mặt trời đã lên quá đỉnh đầu. Thằng Phú mặc chiếc quần đùi mốc còi, ở trần, lưng cồng đưa em nhỏ ba tuổi, đứng cạnh cổng vào nhà Hương Văn nhìn trân trối những người lính lần lượt bước qua trước mặt họ. Đây là "lính Đại Úy Sáu," những người lính thám báo tình nổi tiếng gan dạ và dữ dằn.

Đám lính bước đi lặng lẽ, tiếng giày vải sột soạt dưới nhịp chân, tiếng lắc cắc của băng đạn kim loại chạm vào bá súng các bin, tiếng chó sủa ông ổng ở phía đầu của đoàn người. Có những người lính mặt khó dăm dăm, có những người lính mặt mũi tươi tỉnh. Có người còn cười với thằng Phú nữa!

Người lính cuối cùng trong hàng đã qua mặt thằng Phú cả trăm thước. Có tiếng chó sủa ran ở Tứ Điện, ngôi làng phía trên. Chắc là khúc đầu của đám lính đã tới trên đó rồi. Thằng Phú quay lại dòm mấy cây "keo" trồng làm hàng rào, lựa hái mấy trái keo non lấy hột nhai cho đỡ buồn. Đưa em nhỏ trên lưng nó bỗng dựng trở nên nặng ì. Thằng Phú ngồi thụp xuống, hai tay vòng ra sau lưng đỡ em mình xuống đất, miệng la lối, "Xuống mi, nặng tổ cha!"

Cuộc hành quân của đám lính Biệt Kích tình xảy ra đúng như dự đoán của dân chúng khu "Gò Nổi" này. Mới tuần trước, thằng Phú nghe bà hàng xóm than thở với mẹ nó, "Mấy ông làm kiểu ni thì trước sau chi lính Đại Úy Sáu cũng lên càn cho mà coi!" Mẹ hắn chép miệng, tiếp lời, "Thằng Tín hắn ý y quạ Thời buổi chi mà chết dễ như không!"

Anh Tín là cháu họ xa của mẹ thằng Phú, nhà ở làng kế cận. Anh đi lính Đại Úy Sáu, thỉnh

thoảng về làng, mặc đồ lính màu xanh, đội lệch chiếc " bê rê" màu đen ra chợ tán tỉnh mấy cô thợ may. Đôi khi thằng Phú gặp anh ở tỉnh lỵ, nơi nó đang ở trọ đi học Trung học, anh niềm nở hỏi thăm, " Cô Út có khỏe không mi. " Út Giỏi là tên của ba thằng Phú nên mọi người đều gọi mẹ nó là chị Út Giỏi, thím Út Giỏi, hay cô Út Giỏi. Tháng trước, mấy ông về làng, chụp được anh Tín ngoài chợ bèn mang ra chỗ cây " gạo" cổ thụ bắn mấy phát vào đầu rồi bỏ đi. Cũng chính ở chỗ gốc cây " gạo" đó, nơi anh Tín nằm chết với cái đầu bể nát, máu óc văng tung tóe trên đám cỏ còi cọc, hai tháng trước phe Quốc Gia đã kéo hai cái xác chết thuộc phe mấy ông chung để mấy ngày để thị oai. Hôm đó thằng Phú đi học ở tỉnh về, nhìn thấy hai xác chết ở trần, da trắng nhợt nhợt, miệng há hốc, đám ruồi nặng bay lên đáp xuống quanh đồng dãi nhớt kêu o o, nó về nuốt cơm không vô.

Bỗng dựng tiếng súng nổi lên như bắp rang. Đứa em nhỏ của thằng Phú òa lên khóc, miệng há hốc để lộ mớ hạt keo xanh lè trong miệng. Thằng Phú háp tấp xốc em lên, ẵm chạy lúp xúp vào căn nhà bếp trống hoang của bà Hương Vãn, trống ngực đánh ầm ầm. Đạo sau này nó ở dưới tỉnh thường, ít nghe súng đạn nên trở thành nhát hít. Tiếng súng vẫn nổ giòn giã, tiếng các bin lộp bộp, tiếng đại liên oang oang, thỉnh thoảng lại có tiếng lựu đạn nổ đánh ầm. " Không biết mấy ông bắn cái chi mà bắn dữ rứa" Thằng Phú nghĩ thầm. Con nhỏ em của nó vẫn khóc ngất, mấy hạt keo trộn lẫn với nước dãi nhều lộp độp trên tấm lưng trần của thằng Phú nhớt nhớt.

Tiếng súng bây giờ đã thưa hẳn, chỉ còn vài tiếng nổ lộp bộp lẫn với tiếng chó sủa ran ở làng trên. Tự dưng thằng Phú cảm thấy đói bụng. Nó quay đầu nhìn quanh quất, cặp mắt lúng lúng cái bếp trống bằng sắt bám khói đen thui, đến bức vách bằng phen tre với mớ song chảo, nồi đồng móp méo treo lỉnh kỉnh, và sau cùng dừng lại ở chiếc lu sành đựng gạo đặt cạnh bếp. Thằng Phú thả đứa em xuống nền đất, với tay nhắc chiếc rổ tre đan thưa đầy chiếc lu, vục một tay vào mớ gạo lức trộn bắp xay nhỏ tìm kiếm. Dân trong làng thường hay giấu máng cầu ta hoặc " sa bô chề" trong lu gạo cho mau chín. Tay thằng Phú chạm phải một vật gì cứng cứng. Nó hí hục lôi ra. Đó là một khẩu súng lục có hình ngôi sao năm cánh ở bả súng. Nó đưa khẩu súng lên ngang tầm mắt, dùng một ngón tay chà lớp bột gạo bám trên bả súng, ngắm nghía một cách thích thú rồi cẩn thận bôi mớ gạo độn bắp " chôn" mún vũ khí xinh xắn đó về chỗ cụ " Của thằng Trường chớ còn ai vô đây!" Thằng Phú lẩm bẩm.

Thằng Trường là cháu ngoại bà Hương Vãn. Mẹ nó chết từ hồi nào, còn cha nó thì đi tập kết cả mười năm nay. Thằng này lớn hơn thằng Phú ba tuổi, lớn đầu mà học ngu như bò! Học hết lớp nhì trường làng, thằng Trường nghỉ học, tối ngày lang thang ngoài đồng bẫy mấy con cu ngói, cu đất bằng những cái bẫy chim làm bằng cãm xệ. Mùa hè năm ngoái, thằng Trường cho thằng Phú đi theo bẫy chim, hai thằng bắt được ba bốn con cu đất mập ù về làm " nhưn" ăn với bún tươi ngon hết biết. Mới tuần trước, tuần đầu tiên của kỳ nghỉ hè năm nay, thằng Phú lại kiếm thằng Trường thì bà ngoại nó bảo, " Thằng Trường về bên nội nó ở Đại Lộ chơi mấy tháng rồi cháu" Kiểu ni thì bà Hương Vãn " phỉnh" mình rồi, thằng Phú nghĩ thầm. Hấn đi mô mà súng ống bỏ đây. Chắc lại theo đám huyện ủy Quý, tối tối mới mò về! Thằng Phú liếc nhìn cánh cửa hông thông lên nhà trên của bà Hương Vãn - tự nãy giờ vẫn đóng im ỉm - một cách e dè. Biết đâu thằng Trường hay huyện ủy Quý nãy chừ nấp trong nhà thấy nó lục lọi trong lu gạo. Thằng Phú xốc đứa em nhỏ, rón rén bước ra đường. Nó nghe ớn ớn ở chỗ mấy bãi nước dãi trộn lẫn hạt keo đang se dần lại trên lưng nó.

Không biết đám biệt kích tình có làm ăn được gì không mà mới chập tối đã nghe tiếng loa oang oang của anh Thôi kêu mọi người đi dự phiên xử của Tòa Án Nhân Dân. Anh Thôi là nhân viên thông tin của xã ăn lương " Quốc Gia" Đạo sau này anh kiêm luôn chức vụ thông tin liên lạc cho Mặt Trận, lương hưởng bao nhiêu thì không ai biết. Thực ra nhiệm vụ của anh cũng dễ thôi! Chỉ cần đổi cách xưng hô từ " yêu cầu toàn thể đồng bào" sang " yêu cầu toàn thể nhân

dân" là xong ngay Hôm nay anh yêu cầu toàn thể " nhân dân" có mặt tại đình Tứ Điện để tham dự cuộc xử án Trần Tư Giá, phụ tá tài chánh kiêm quản trị lò gạch công cộng của xạ Thăng Phú có nhiệm vụ đi thế mẹ nọ Mỗi nhà phải có ít nhất một người hiện diện.

Đình Tứ Điện nằm dưới gốc một cây " gạo" sum suê mà phần gốc được phủ đầy bởi những ông bình vôi sứt mẻ và những ông táo, vòng kiềng nấu bếp đen kịt. Những đồ thờ cúng linh kính trong ngôi đình ba gian được dọn đi đâu không biết. Trên vách tường gian giữa là chiếc cờ đỏ búa liềm ngụy chễm chệ phía trên lá cờ nửa đỏ nửa xanh của Mặt Trận. Vị chánh án mặt mày xương xẩu, đen đúa mặc chiếc áo len đỏ có những sọc nổi vặn vẹo hình con rết ngồi trước chiếc bàn nhỏ xem lại mớ giấy tờ Bị cáo đứng gần một cây cột đình, nhỏ thó, lơ lảo, thỉnh thoảng đưa hai bàn tay trói chặt với nhau lên gãi gãi vào mặt. Một giải phóng quân cầm súng canh bị cáo, khuôn mặt nghiêm trọng.

Phiên tòa bắt đầu Ông chánh án đọc bản cáo trạng dài ngoằng, nhưng thăng Phú chẳng nghe được gì hết. Nó đang nhìn con Xuyên. Con nhỏ này học sau nó một lớp ở trường tỉnh, nhà ở gần nhà nọ Thăng Phú đưa tay giật nhẹ một món tóc của con Xuyên. Con nhỏ quay lại, cặp môi chu ra sẵn sàng để gậy gỗ bỗng nở ra thành nụ cười bên lên khi chủ nhân của chúng nhận ra thăng Phú Lúc này bản cáo trạng đã đọc xong, đến phiên " nhân dân" đóng góp. Một chị chừng mười bảy tuổi đưa tay phát biểu. " Tên ác ôn Trần Tư Giá có lần đòi xáng hòn gạch vô mặt tui. Tui còn nhỏ mà hấn bắt tui phải rinh một lần mười cục gạch!" Một người khác tố cáo bị cáo đã ỷ quyền thế đòi ăn hối lộ cặp gà mới chịu chứng giấy làm khai sinh tòa án cho con của bà ta. Ngoài ra còn vài vụ xích mích lật vật giữa Trần Tư Giá với mấy người trong làng cũng được đem ra mổ xẻ Cuối cùng thì ông ủy viên Mặt Trận phải tuyên bố là ngoài các tội lỗi ghê gớm kể trên, bị cáo còn mang tội làm tay sai cho bè lũ bán nước, tức là phụ tá ủy viên tài chánh xã kiêm nhân viên quản trị lò gạch cộng đồng. Ông đề nghị nhân dân tuyên án tối đa tên ngụy có nợ máu với nhân dân này để làm gương. Chị trẻ trẻ hồi nãy đòi xử tử hình! Có tiếng xì xào trong số thính giả. Thăng Phú nghĩ thầm trong bụng, " Vậy là chết cái lão Giá rồi! " Nó không ưa lão này, có lần nó vô vườn mía của lão bè có hai cây mía mà lão vác gậy rượt nó thiếu điều muốn ná thờ. Chương Một Mắt, ủy viên thanh thiếu niên Giải phóng đề nghị Cách mạng khoan hồng cho bị cáo học tập cải tạo cho đến ngày thành công rồi hãy đưa ra xét xử. Mọi người hình như có vẻ hài lòng với bản án này Ông ủy viên tuyên án đúng như anh Chương đề nghị Anh sướng quá, mặt mày dáo dác, nhìn ngang nhìn ngửa, con mắt trái đục lờ thiếu điều muốn nhảy ra ngoài.

Trên đường về, con Xuyên phàn nàn: " Ông Giá có làm chi mô mà bắt người ta!" Thăng Phú làm ra vẻ thông thái, trả lời: " Không có chó bắt mèo ăn cứ chó chị Mấy ông đại diện với tư pháp xã chạy về quận hết trơn, thì cha Giá lãnh tội chó còn ai vô đây!" " Thấy ổng tội nghiệp quá hà," con Xuyên than thở Con nhỏ này thì cái gì cũng tội nghiệp! " Chắc họ nhốt ổng mấy bữa rồi thả ra, Xuyên đừng có lo," thăng Phú an ủi Thăng Phú hoang đàng nghịch ngợm có tiếng, cả làng cứ kéo tới nhà mẹ nó mắng vốn tối ngày Vậy mà đối với con Xuyên lúc nào nó cũng dịu dàng, cái mới lạ! " Lão Chương Một Mắt bữa ni ngon dữ," thăng Phú nhận xét. Con Xuyên chột dừng bước, giật giật lưng áo thăng Phú:

--" Ông Chương nói sẽ họp kiểm thảo anh Phú đó."

--" Kiểm thảo chi."

--" Thì ai biểu anh đánh thăng Hải, hấn đi báo cáo ông Chương."

--" Cái thăng đó ỷ có cha đi tập kết, nói xấu ba anh thì anh đánh hấn chó rằng!"

--" Ông Chương nói anh có đầu óc chống phá cách mạng."

--" Răng Xuyên biết?"

--" Thì ông Chương nói với mẹ em đó!"

Thím Bích góa chồng năm sáu năm nay, lão Chương cứ theo cà rà mãi, có chuyện gì cũng đem kể lể để làm quà.

--" Rồi thím có nói chi không?"

--" Mẹ em nói thằng Phú con nít biết chi mà chống với phá, nói rứa tội nghiệp hần. Ông Chương nói biết mô thằng Phú giống cha hần không chừng!"

Thằng Phú thấy tức trong bụng. Ba nó mà có ở đây thì ông nội lão Chương cũng không dám hó hé. Mà ba nó đi đâu mất tiêu mấy năm nay, bỏ mẹ con nó côi cút, ai cũng hiếp đáp được hết. Thằng Phú cảm cúi bước đi, lòng nặng trĩu. Con Xuyên lúp xúp chạy theo, nói nhỏ:

--" Mẹ em nói anh Phú đừng có cứng đầu với mấy ông, rui có chuyện chi tội nghiệp thím Út."

--" Chuyện chi là chuyện chi."

Thằng Phú trả lời cảm cần rồi bỏ đi một nước. Ánh trăng hạ tuần đầy bóng nó ngã dài, nhảy nhót trên những bụi cây ven đường. Bỗng nó ngừng lại, nghe ngóng. Có tiếng vật gì đang xé gió kêu u u trên đầu nọ Thằng Phú cảm đầu chạy ngược lại con đường lúc nãy, miệng kêu lớn " Xuyên ơi Xuyên ơi!" Con Xuyên đứng nép vào hàng rào keo cạnh bờ giếng, hai tay bưng chặt lấy tai, thân hình run rẩy. Thằng Phú nhào lại ôm chặt lấy con Xuyên cùng lúc viên đạn trái phá nổ đánh ầm ở một nơi nào đó gần bờ sông Cái Lại có tiếng đạn trái phá kêu xè xè trên đầu Kinh nghiệm cho thằng bé mười bốn tuổi biết rằng lần này đạn sẽ nổ gần hơn. " Hần kêu u u thì còn đỡ, kêu xè xè là đang chúm xuống, mi lo mà nằm xuống đi," chú Năm Hồ dặn nó như vậy. Hai tiếng nổ choáng óc vang lên trước sau chỉ có vài giây, khu đầu làng sáng rực lên trong khoảnh khắc và mặt đất rung lên như động đất. Có tiếng con Xuyên khóc thút thít, đòi về nhà Thằng Phú gắt, " Nằm im đọ Bộ Xuyên muốn chết rặng mà đòi về!"

Cuộc oanh kích kéo dài khoảng mười lăm phút. Những viên trái phá được gởi đi từ những họng đại pháo bố trí ở một nơi nào đó trong quận lỵ cách ngôi làng của thằng Phú trên mười cây số đường chim bay tiếp tục kêu u u, xè xè trên đầu hai đứa trẻ và nổ tung chung quanh chúng cùng với những búng lửa sáng lòe và mặt đất nghiêng ngả như đang dậy sóng. Thằng Phú tựa lưng vào hàng rào " keo" lờm chờm, ôm chặt thân hình run rẩy của con Xuyên vào người. Chen lẫn giữa những tiếng nổ là tiếng thở hào hển đứt quãng của hai đứa bé trong nỗi kinh hoàng. Chúng chia tay nhau ở bờ giếng sau đó, ù té chạy về nhà của mình. Ở đó, có mẹ của chúng đang lo lắng mong đợi chúng, nếu chính họ may mắn không bị tên bay đạn lạc.

Thằng Phú giật mình choàng tỉnh. Lưng nó ướt sũng mồ hôi dính vào chiếc chiếu cũ mềm trải trên miếng vạt giường làm bằng những thanh tre mỏng rít chặt. Lỗ tai vẫn còn lũng bưng bởi tiếng đạn trái phá hồi chập tối khiến nó không hiểu chuyện gì xảy ra. Nó dụi mắt và nhận ra dáng người nhỏ thó của mẹ nó đang cúi xuống lay nhẹ vai nó " Con dậy xuống bếp rửa mặt cho tỉnh táo lên mẹ biểu" Mẹ nó thì thào.

--" Chuyện chi rứa mẹ ? Con buồn ngủ quá mà!" Thằng Phú cần nhần.

--" Dậy mau đi." Mẹ nó thúc, giọng vẫn thì thào nhưng quyết liệt.

Lúc thằng Phú trở lên nhà trên, nó bắt gặp mẹ nó đang ngồi khóc thút thít trên chiếc chõng tre ọp ẹp của nó.

--" Chuyện chi rứa mẹ? " Thằng Phú lo sợ hỏi.

--" Chút nữa chú Năm Hồ qua dẫn con đi ra bến đò Phong Thu. Con đón xe ra Đà Nẵng để chị Giang đưa con đi Sài Gòn."

Tự nhiên lại đi Sài Gòn! Thằng Phú thích đi Sài Gòn lắm, nhưng mà tại sao lại đi Sài Gòn bây giờ :

--" Răng phải đi gấp rứa mẹ? "

--" Mi mà còn ở đây mấy ông bắt mi đem xử tội!"

--" Con có làm chi mô?"

--" Mi chửi lính huyện đội, đòi oánh người ta học máu!"

--" Tại thằng nó gây sự trước chớ bộ! Con qua thím bảy Vượng kiếm thằng Mỹ chơi, hấn nói giặc Mỹ ở bên Mỹ chớ đâu ở đây mà kiếm. Hấn ý có cái " sào đuổi vịt" đó rồi làm trò! Cái mặt thằng nó mà không có súng con đá một cái học máu. "

Thằng Phú gân cổ cãi.

--" Thôi đi. Còn thằng Hải con cán bộ tập kết mắc chi mi oánh hấn?"

--" Tại hấn nói ba là đồ phản động chi! Mẹ nói hồi đó ba là anh hùng kháng chiến đánh giặc bị thương mà!"

--" Đó là hồi nó, bây chừ khác rồi. "

Mẹ hấn nói tiếp:

--" Chú Năm Hồ nói huyện ủy Quý nghi mi do thám cho Quốc Gia! Mi vô nhà Hương Văn lục lạo lão thấy hết!"

Vậy là lão Quý trốn trong nhà Hương Văn sáng nay rồi, thằng Phú nghĩ thầm.

--" Mà con có lấy chi mô! Con kiếm đồ ăn thôi mà!"

--" Mi đi kiếm mấy ông mà cãi," mẹ nó gắt.

Thằng Phú nghĩ bụng nếu gặp huyện ủy Quý thì nó cũng cãi tuốt chớ sợ chi! Cùng lắm ông móc súng ra dọa cho nó sợ rồi cũng tha thôi chớ không lẽ ông bắn nọ Mới hai tháng trước đây, mấy ông bên phe Quốc Gia cũng làm dữ với nó mà có sao đâu! Hôm đó cơn bão ở đâu kéo qua tỉnh lỵ nơi nó trọ học, trời mưa tầm tã, gió mạnh làm tróc nóc mấy lớp học, trường cho học trò nghỉ mấy hôm để sửa chữa Thằng Phú nóng ruột mẹ và em nó, lội bộ mấy chục cây số về

nhạ Cảnh hoang tàn dọc con đường về làm nó càng lo hơn, cứ muốn chạy về nhà cho nhanh. Về đến chỗ giáp ranh của Đông Đài và Định An, thằng Phú bắt gặp một nhóm người mặc bà ba đen mang súng tiểu liên thấp thoáng trong mấy khu vườn đổ nát. Thằng Phú làm ngơ, tiếp tục dấn bước. Được một quãng, hai người đàn ông trung niên mang tiểu liên Tôm Xông ở đâu không biết xuất hiện ngay trước mặt nó. Người mập lùn cất tiếng hoạnh hợ:

--" Mi ở mô về đây?"

--" Tui đi học dưới Hội An về."

--" Mi về mô."

--" Về La Khom chớ về mô. " Thằng Phú quạu quọ trả lời.

La Khom là làng của nó, giáp ranh với Định An. Lão mập lùn trừng mắt nhìn nó, tra vấn tiếp:

--" Nãy chừ mi có gặp ai mang súng ống như tau không?"

--" Có thiếu chi! Mấy ông cu dê dê mang súng ca răng nóp đi đầy đàng dưới kia."

Thằng Phú trả lời, tay chỉ về hướng nó vừa đi qua. Cu dê dê là chữ tắt của Quốc Dân Đảng, thằng Phú nghe người ta kêu như vậy thấy ngồ ngộ nên bắt chước. Lão mập lùn biến sắc, nạt lớn:

--" Mi nói cái chi bậy bạ đó!"

Tự dưng lão nổi quạu, kéo tai thằng Phú đau điếng, dúi nó vào vách tường của trạm thông tin cạnh đọ Lão kéo cò khẩu tiểu liên kêu rôm rốp, chĩa mũi súng vào ngực nó, quay qua người đồng hành, một lão ốm nhách mặt mày sần sùi tự nãy giờ im như thóc, nói:

--" Tui làm thằng ni nghe anh Ba. Để hấn về trên kia nói bậy nói bạ không được đâu. " Thằng Phú dương mắt nhìn mũi súng đen ngòm, thấy ớn ớn, nhón nhột trước ngực. Lỡ mà lão mập bóp cò một cái thì rồi đời! Mà không biết tại làm răng khi không lão lại nhảy dựng lên rứa không biết. Nó đưa mắt nhìn lão ốm nhách, hy vọng lão nói đỡ cho vài câu. Lão ốm vẫn làm thỉnh quan sát họ. Cuối cùng lão lừ lừ bước đến gần, mở miệng:

--" Mi con cái nhà ại"

--" Tui con ông Út Giỏi," thằng Phú lẹ làng trả lời.

--" Mi con Út Giỏi thiệt ha" Lão mập vọt miệng hỏi

--" Cha mi đang làm chi trên nỏ" Lão ốm hỏi tiếp.

--" Tui đâu biết. Ba tui bỏ đi đâu mấy năm ni rồi. "

--" Rứa là đúng rồi," lão ốm nhách quay lại nói với bạn mình.

Lão quay qua nói với thằng Phú:

--" Mi về trên nớ không có nói bậy bạ coi chừng mất đầu như

không nghe chưa!"

Thằng Phú làm thình làm thế quày quả bước đi, nghe ơn ớn sau lưng. Đi được một quãng khá xa, nghĩ bụng hai lão đó không đuổi kịp, nó la lớn " Tổ cha mấy người ỷ lớn ăn hiếp con nít" rồi ù té chạy

--" Con mà không đi cho lẹ thì nguy lắm. Chú Năm Hồ nói ..."

Bỗng nhiên mẹ nó ngừng bật. Có tiếng sột soạt như vuốt mèo cào nhè nhẹ trên tấm cửa liếp ở nhà bếp. Hai mẹ con rón rén đi xuống phía nhà bếp, ngọn đèn dầu tù mù trên tay mẹ thằng Phú chao qua chao lại như muốn tắt. Mẹ nó cất tiếng hỏi nhỏ:

--" Ai rứa ? "

--" Tui Năm đây chị Út."

Chú Năm Hồ len qua tấm phên đóng khung bằng những nẹp tre mỏng một cách gọn gàng. Chú trừng mắt nhìn thằng Phú nạt nhỏ:

--" Mi hoang đàng chi địa làm khổ mẹ mi, mi có biết không?"

Thằng Phú cúi mặt nhìn xuống đôi chân sứt sẹo, im thin thít. Chú Năm là xã đội trưởng du kích. Nghe nói hồi Kháng chiến chú ở trong tổ của ba nó, hai người thân nhau như anh em. Từ hồi ba nó bỏ đi, mấy ông về làng thường xuyên, chú Năm ra coi đội du kích của xã. Khi nào lính Quốc Gia lên thì chú Năm đi theo mấy ông rút đi đâu mất biệt. Có lần chú rút không kịp, mẹ nó đưa chú vào trốn trong hầm trú ẩn nhà thằng Phú. Chú thường hay giúp mẹ thằng Phú những công chuyện lật vật như leo lên mái nhà thay tấm tranh cũ nát hay ra ngoài vườn đốn tre chẻ lạt đan cái rổ mới cho nhà nọ. Đôi khi chú nhìn thằng Phú chăm chú rồi quay lại nói với mẹ nó, " Thằng ni giống anh Út như đúc." Thường thì mẹ nó trả lời bằng nụ cười buồn bã.

Chú Năm quay qua mẹ nó, hỏi:

--" Chị Út sửa soạn xong chưa tui đưa hấn đi cho ròi Trời sắp sáng bết rồi đó!"

Mẹ thằng Phú quày quả đi lên nhà trên, trở lại với cái túi xách bằng cối trên tay. Bà đưa chiếc túi xách cho thằng Phú, dặn nhỏ:

--" Có lá thơ của mẹ viết cho chị Giang trong nớ, con nhớ đừng làm mất nghe"

Quay qua chú Năm, bà nói:

--" Thôi trăm sự nhờ chú. Thằng Phú còn nhỏ dại có biết chi mô. "

Câu nói bị cắt ngang bởi tiếng nấc nhỏ Thằng Phú nhìn lên, bắt gặp cặp mắt sưng nước của mẹ. Tự dưng mắt nó nhòe đi, tay nó níu lấy vạt áo của mẹ nó không muốn rời. Chú Năm Hồ đẩy nó ra cửa, nói nhỏ:

--" Thôi đi đi Phú!"

--" Khoan đã chú!"

Thằng Phú lật đật chạy lên nhà trên, len lén bước vào buồng ngủ của mẹ nó. Đứa em nhỏ ba tuổi của nó nằm co quắp trên chiếc chõng tre, ngủ say mê. Nó cúi xuống hôn lên trán em mình, nói nhỏ " Thôi anh đi nghe," rồi len lén bước ra.

Thằng Phú ngập ngừng bước theo chú Năm Hổ, thỉnh thoảng quay lại nhìn về phía cánh cửa liếp bây giờ đã khép lại. Nó biết chắc có đôi mắt ướt đẫm nước mắt của mẹ nó ở đằng sau cánh cửa đang dõi theo từng bước chân của mình.

Còn khoảng hơn một cây số nữa thì sẽ tới bến đò. Thằng Phú mà qua lọt tới bờ bên kia là kẻ như thoát nạn. Chú Năm đã quay trở lại sau khi dẫn nó đi xuyên qua làng, chui vào khu vườn sau của ông Hương Trà, băng qua đám mía mật rậm rịt của lão Xã Hành để tránh đám anh em trong đội du kích của chú Lúc chia tay, chú chỉ nói " Chú gửi lời thăm cha cháu mạnh giỏi" rồi mất hút trong đám mía dày đặc.

Thằng Phú lúi thúi bước trên con đường rợp bóng tre. Ánh trăng hạ tuần ném những mảng ánh sáng yếu ớt xuống con đường đất mấp mọ. Chân nó vấp phải một mớ đất, đau điếng. Nó tức giận nghĩ đến khuôn mặt láu cá của thằng nhóc có cây súng dài như sào đuổi vịt. " Cái mặt nó tau đá một cái là học máu," thằng Phú lầm bầm. Nó lại nghĩ đến hai người đàn ông đã chặn nó lại ở ranh giới làng Định An và Đông Đài. " Đồ người lớn ăn hiếp con nít!" Nó nhớ lại nhân dáng nhỏ thó và khuôn mặt chịu đựng của lão Giá, thỉnh thoảng đưa hai bàn tay bị trói lên mặt gãi gãi. Rồi khuôn mặt lạnh tanh của chị tre trẻ đằm đẹp ở Tư Phú, " Tui đề nghị tòa án Mặt trận xử tử tên ác ôn Trần tư Giá để làm gương!" Rồi tiếng u u xè xè của những viên đạn trái phá trên đầu nó lẫn với tiếng thút thít của con Xuyên đang nằm run rẩy trong lòng nó, " Xuyên muốn về nhà!" Rồi tiếng mẹ nó than thở, " con tui còn nhỏ dại có biết chi mẹ" Bỗng dưng thằng Phú nghe có tiếng chân ai nện thỉnh thỉnh ở phía sau. Nó hoảng hồn quay lại nhìn. Mặt trăng đã biến đi đâu mất. Con đường sau lưng nó vắng tanh. Xa hơn nữa, phía trên cái rặng tre xám xịt nó vừa đi qua là dãy Trường Sơn với ngọn núi Quắp sừng sững dọa nạt. Và vắt ngang đỉnh núi Quắp là dải mây đen kịt, bằng tam tấp như dải lụa đen ai kéo ngang chân trời. Mây thành, nó nghe người lớn gọi như vậy.

Thằng Phú quay lưng hướng về phía bến đò. Bỗng dưng tai nó ù đi. Âm vang những bước chân của chính nó dội lên như tiếng trống làng, phóng lớn mãi ra thành tiếng sấm gầm ghì. Nổi kinh hoàng mênh mông như bầu trời xám trên cao úp chụp lên đầu thằng bé mười bốn tuổi, sinh ra trong căn hầm tránh bom ở vùng tản cư thời Kháng chiến, lớn lên cùng với tiếng bom rơi đạn réo, cùng với hoang tàn của chiến chinh và điều linh của lòng người. Nó ngã khụy xuống trên đám cỏ mềm cạnh bờ sông, miệng kêu nhỏ, " Mẹ ơi!"

Bờ sông vắng tanh, rặng tre đen thẫm phía sau đứng im lìm, và ở phía chân trời, dải mây thành đen kịt vẫn sừng sững vắt ngang dãy Trường Sơn như đã ngàn năm.

Khi nhà văn không chỉ là kẻ đồng loã

Trong bài tham luận "Khi kẻ đồng loã là nhà văn" ^[1] đăng trên diễn đàn Hội luận Văn học Việt Nam gần đây, tôi có đề cập đến vai trò và trách nhiệm của nhà văn (ở đây được sử dụng như là một từ chung cho nhà văn, nhà thơ, và các nghệ sĩ sáng tạo thuộc các bộ môn nghệ thuật khác) như là một nhân chứng quan trọng của lịch sử. Cần phải nói thêm là vai trò này đòi hỏi không chỉ có trách nhiệm bảo vệ và xiển dương Sự Thật mà còn cần thiết phải lật mặt nạ, đưa ra ánh sáng những trá ngụy, như là đối nghịch của Sự Thật, mà từ đó nọc độc văn hoá mọc ra như những chiếc vòi bạch tuộc âm độc. Tại sao điều này lại vô cùng cần thiết sẽ được trình bày

dưới đây.

Tôi có niềm tin rất lớn vào lòng tự hào của nhà văn. Họ luôn muốn được xem như là một ngôi bút công chính, đầy lòng nhân ái. Chỉ có điều là không có mấy ai đạt được "cảnh giới" cao quý của lòng công chính thực sự. Có quá nhiều điều luôn rấp tâm kéo nhà văn xuống thấp, có khi thấp hơn cái mức độ cho phép. Đó là khi họ, vì một hay nhiều lý do, phải nín thở qua sông, phải viết điều không muốn viết, phải ca tụng điều không xứng đáng, phải báng bỏ điều họ thực sự quý trọng. Họ buộc phải đứng về phía của kẻ mạnh. Nhưng cũng có khi, không phải luôn luôn là vô tình, họ chọn đứng cùng phía với những thế lực đen tối một cách tự nguyện, gieo rắc mầm độc hại xuyên qua việc xiển dương điều trá ngụy. Chính là ở đây, nhà văn trở thành không chỉ là kẻ đồng loã.

Vào tháng 11 năm 2002, tôi có cơ hội đọc [Đi tìm nhân vật](#)^[2] của Tạ Duy Anh trên mạng talawas. Tác giả của "Bước qua lời nguyện" nằm trong danh sách những ngôi bút ưa thích của tôi đã từ lâu. Tôi "khám phá" Tạ Duy Anh qua tập *Truyện ngắn chọn lọc 1975-1990*^[3] của Nhà xuất bản Văn Học in năm 1993 cùng lúc với Phạm Thị Hoài ("Chín bỏ làm mười") và Nguyễn Huy Thiệp ("Tướng về hưu"). Tôi theo dõi *Đi tìm nhân vật* một cách thích thú, cho đến gần hết chương 6. Cũng trong năm 2002, tôi có dịp đọc *Cõi người rung chuông tận thế*^[4] của Hồ Anh Thái. Vào lúc bấy giờ, hình như ông là Chủ tịch Hội Nhà văn thủ đô Hà Nội. Ở một trang nào đó cũng nằm trong chương 6, tôi ngừng đọc. Nơi tôi đã dừng lại ở hai tác phẩm, có một điểm rất chung.

Phần trích dẫn dưới đây từ *Đi tìm nhân vật* đề cập đến sự tàn bạo của chiến tranh. Tôi không biết Tạ Duy Anh đã gặp những khó khăn nào trong việc cho ra đời cuốn sách này với phần diễn tả sự thống khoái bệnh hoạn của người lính bộ đội trong khi tàn sát lũ "lính nguy" và đám "ngụy cái" dưới đây, nhưng tôi phải thú thực đã cảm thấy có sự khiên cưỡng trong tâm lý nhân vật:

"... Quân ta ào lên, bắt giết, đâm, giẫm đạp. Một mụ nguy cái, ngực để trần, miệng há ra ú ớ. Niềm căm thù kẻ hạnh phúc hơn mình bốc lên ngùn ngụt trong ngực mình. Mình găm vào ngực mụ cả loạt khiến ngực mụ vỡ toác mà mặt mụ vẫn chưa tắt hy vọng. Giết người lúc ấy sao thấy sướng thế! Một thằng nguy bị mình xọc lê vào bụng, nghe 'thụt' một cái. Mình nghiêng rặng vịn lê rồi trở báng súng phang vào giữa mặt hắn. Hắn lộn một vòng, gồng mình giãy chết như con tôm sống bị ném vào chảo mỡ."

Đoạn kể tiếp là một xung đột đầy kịch tính, phục vụ cùng một mục đích: diễn tả sự tàn bạo của chiến tranh, trong đó người lính là con thú mắc bẫy. Người lính chọn ném dứa bé hai tuổi xuống ao nước cho chết đuối thay vì để nó, một cách chắc chắn, bị sát hại bởi "Mỹ nguy" sau đó. Bất kể có đồng ý với cách hành xử của người lính hay không, tôi ghi nhận nỗ lực của Tạ Duy Anh trong việc chuyên chở khá thành công điều xem chừng như một nghịch lý: những tư duy nhân bản có khi được thể hiện dưới những dạng tàn bạo nhất. Đoạn này chấm dứt như sau:

"Hai ngày sau bọn địch phản công. Cả trung đội mình bị băm nát. Thằng Thiết bị đạn găm đầy mình, vừa đưa tay ấn ruột vào, vừa bóp cò. Bọn nguy ào lên như lũ quỷ, quyết bắt sống thằng Thiết. *Như sau này anh em trình sát kể lại, chúng quay thằng Thiết như quay một con lợn rồi róc thịt uống rượu trả thù cho đồng đội. Nó đã hy sinh như một người anh hùng trên chiến trận.*"

Dưới đây là đoạn trong chương 6 của *Cõi người rung chuông tận thế* của Hồ Anh Thái mà tôi muốn chia sẻ cùng bạn đọc:

"Hùng lao người bơi xuôi theo dòng suối tương đối cạn, xa hẳn chỗ Hoa đang nấp. Lũ thám

báo vắng tục chạy men bờ đuổi theo. Có những chỗ suối cạn không bơi được, Hùng phải chạy. Bốn tên thám báo nhảy chồm chồm trên những tảng đá giữa lòng suối, rồi quây được Hùng vào giữa. Anh quật ngã một thằng. Nó cắm đầu xuống nước, không thấy động đậy gì. Nhưng những thằng kia đã xúm lại. Chỉ một lát sau, chúng đã lôi xềnh xệch Hùng lên bờ. Thân thể anh bầm dập đẫm máu. Chúng đấm đá túi bụi để lấy cung cho tới khi anh ngất đi. Anh tỉnh lại, chúng đánh tiếp. *Hoa hiểu vì sao chúng không dùng đến súng. Chúng cũng không muốn gây ra tiếng nổ ở vùng rừng này.*

Cuối cùng, điều Hoa không ngờ đã tới. Cô chỉ nghĩ rằng bọn thám báo sẽ lôi Hùng đi làm tù binh để tiếp tục lấy khẩu cung. Nhưng thằng cầm con dao găm của anh đã cúi xuống rạch một đường thành thạo trên bụng Hùng. Anh quặn quại hét lên một tiếng rùng rợn. Ở trên cao, Hoa nghiêng chặt răng gần như ngất đi. Hai thằng kia đè chặt chân tay Hùng cho thằng mổ bụng moi tim gan ra. *Chúng nỏ lửa nướng tim gan ăn ngay tại chỗ.* Hai hột tinh hoàn thì được phân chia cho hai thằng chắc là cấp cao hơn."

Tạ Duy Anh là nhà văn có tay nghề cao. Chỉ cần một câu ngắn, "... *chúng quay thằng Thiết như quay một con lợn rồi róc thịt uống rượu trả thù cho đồng đội*", ông đã làm được nhiều việc. Trước hết ông xác lập "thực tế" dựa vào cung cách diễn đạt ngắn, gọn như một mệnh lệnh của cấu trúc câu. Người đọc không có thì giờ, và do đó, cơ hội để hoài nghi khẳng định của ông. Thứ đến, ông "tâm thường hoá", không phải bản chất và mức độ tàn độc mà là sự hiện hữu và khả năng tái diễn của, một tội ác khủng khiếp bằng cách nói về nó một cách坦然 như đang nói về một sự kiện vô cùng bình thường, cho dù có trông đợi hay không, sẽ chắc chắn xảy ra một cách đều đặn và tự nhiên như người Hà Nội sẽ tiếp tục đi ăn chả cá Lã Vọng. Sau hết, ông xác định "ranh giới" của những tội ác được phép xảy ra: tất cả những gì khác hơn việc ăn thịt đồng loại, và trong *Đi tìm nhân vật*, đó là những tội ác xảy ra trước và sau câu văn ngắn gọn nói trên! Không giống như những đoạn trích dẫn ở trên, Tạ Duy Anh xây dựng đoạn này một cách thoải mái và tự tin, tôi có thể hình dung. Ông không hề ngay cả trong một sát na hoài nghi điều mình viết xuống. Bởi vì "lính nguy ăn thịt người" là điều có thực, cũng thực như mặt trời sẽ mọc ở hướng Đông vào mỗi buổi sáng. Ông không phải hư cấu, và ông yên tâm vô cùng.

So với câu văn nói trên của Tạ Duy Anh, có người sẽ bảo ít nhất Hồ Anh Thái đã bỏ công "hư cấu" đoạn tôi trích dẫn từ *Cõi người rung chuông tận thế*. Tôi e rằng mình không thể đồng ý với nhận định này. Nhân nhượng lắm thì tôi sẽ chấp nhận câu "*Hai hột tinh hoàn thì được phân chia cho hai thằng chắc là cấp cao hơn*" là một công trình hư cấu bởi vì nó có thể đã được chuyển hoá từ kinh nghiệm ứng xử trong đời thường của chính tác giả. Phần còn lại là một sao chép vụng về và mâu thuẫn từ một điều đã nghe/đọc/nhặt từ một hay nhiều nơi nào khác. Sao chép? "Thám báo nguy" và "ăn thịt người" luôn luôn là cặp bài trùng trong "cổ tích dân gian" kể từ hậu bán thế kỷ 20! Mâu thuẫn? Trong đoạn văn trích dẫn ở trên, có hai chi tiết không ăn khớp:

Hoa hiểu vì sao chúng không dùng đến súng. Chúng cũng không muốn gây ra tiếng nổ ở vùng rừng này.

Chúng nỏ lửa nướng tim gan ăn ngay tại chỗ.

Tất nhiên Hồ Anh Thái chưa từng ở hay đưa trí tưởng tượng của mình vào cái khung cảnh ông đang diễn tả như là một người lính, thám báo "nguy" hay trinh sát "Việt cộng." Cho nên ông không chỉ rón rén mỗi lửa mà "nỏ lửa" nướng thịt người và trong cùng một lúc lại rất cẩn thận không dùng đến súng vì sợ gây tiếng động! Ông không hề biết gì về khoảng cách và tốc độ mà khói và mùi thịt [người?] cháy khét có thể đạt đến! Tôi ngạc nhiên là những tên "thám báo nguy" này đã không ăn... sống nhân vật Hùng, vốn có thể làm cho câu chuyện trôi chảy hơn! Khi

Jorge Amado, trong "Phép lạ của bầy chim" ^[5], tả Ubaldo Capadócio cu dái lòng thòng bay lên trời cùng với bầy chim đủ loại [một cách rất đáng tin], đó là hư cấu. Cần phải dùng đến một từ khác để diễn tả chính xác hơn công trình "sáng tạo" của nhà văn Hồ Anh Thái.

Không thể nói là tôi đã không cảm thấy xúc phạm ở cương vị một người lính của Quân lực Việt Nam Cộng hoà, một tập thể nay đã thuộc về lịch sử, và trên hết, như là một người Việt Nam khi đọc những đoạn trích dẫn nói trên. Cái huyền thoại "lính nguy ăn thịt người," đối với tôi, là chuyện láo khoét, bắt đầu với những tuyên truyền dối trá vào những thời điểm rất sớm trong chiến tranh, và trong khi vô cùng bần thiêu khi xét trên các phương diện văn hoá và đạo đức, đã được áp dụng triệt để với mưu đồ gán ghép cái đầu ác thú lên thân thể của kẻ thù. Những tuyên truyền láo khoét và vô đạo đức này, bắt kể xuất phát từ bất cứ từ phe nào, nếu có ai đó cho rằng cần thiết trong giai đoạn chiến tranh, lẽ ra phải được chấm dứt và mầm độc của nó phải được hoá giải ngay lập tức vào ngày hôm sau của ngày tàn cuộc chiến. Điều này đã không hề xảy ra, và càng tệ hơn nữa, điều trá nguy được tiếp tục củng cố, nuôi dưỡng không chỉ bởi những đầu óc ngu muội mà còn bởi những người mà dựa vào chức năng của họ, trí tuệ và khả năng tư duy phải vượt trội hơn những tầng lớp khác trong xã hội. Tôi muốn nói đến nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ sáng tác, và trong một giới hạn nhất định, trí thức.

Những người vẫn đang tin tưởng vào huyền thoại "lính nguy ăn thịt người" (hoặc những huyền thoại ghê rợn nhắm vào phe này hay phe kia trong cuộc chiến) sẽ nhảy lên đòi tôi trưng ra bằng chứng về sự "vô tội" của họ. Bằng chứng? Trách nhiệm đưa ra bằng chứng thuộc về kẻ buộc tội, phe công tố, những người đã dựng lên câu chuyện hoang đường này trước tiên, những người nay hoặc đã qua đời hoặc quá hèn nhát để đứng ra thú nhận tội ác làm ô nhiễm văn hoá dân tộc của mình. Về phần mình, tôi không có bằng chứng nào hết! Nói cách khác, bằng chứng của tôi về sự láo khoét và vô đạo đức của cái gọi là "lính nguy ăn thịt người" chính là sự thiếu vắng bằng chứng về cái tội ác vượt quá ranh giới giữa người và thú được đổ lên đầu cái tập thể bất hạnh này. Những người đã, đang, và sẽ tiếp tục tin tưởng, viết xuống, hoặc nói về cái tội ác tưởng tượng này, có trong tay mình những gì? Có bao nhiêu chứng cứ cụ thể hoặc có thể kiểm chứng được về "lính nguy ăn thịt người" trong những phòng trưng bày "tội ác Mỹ nguy" trên cả nước? Hình ảnh? Tên tuổi nạn nhân? Ngày tháng, nơi chốn? Nhân chứng? Đã có những kết quả nào đến từ nỗ lực của nhà nước sau chiến tranh trong việc tầm nã hung thủ để thực thi công lý? Bao nhiêu phiên toà đã được dựng lên để xét xử những con "ác thú kinh tởm" này? Bọn chúng gồm những ai, tên tuổi, ngày tháng tội ác xảy ra, bản cung khai? Tôi e rằng không có bằng chứng nào hết ngoài những lời kể lẽ lẽ ỏi đi kèm với những thề thốt long trọng về sự chân thực của những câu chuyện bịa đặt! *Vạn nhất nếu có, và điều này vô cùng quan trọng, sẽ là vô cùng hiếm hoi và vô cùng cá biệt, không bao giờ đủ để bất cứ một ai có thể gán ghép những tội ác phi nhân tính này như là một thuộc tính lên bất cứ một tập thể, một nhóm người nào hết.*

Trong một bài viết cách đây không lâu nhằm phân tích tiểu luận "The Long Road Home: Exile, Self-Recognition, and Reconstruction" ^[6] của "nhà thơ có tác phẩm nằm trong danh sách 100 bài thơ hay nhất thế kỷ 20" Nguyễn Bá Chung, tôi có đề cập đến vấn đề tương tự và áp dụng cho giới trường ốc Âu Mỹ, xin được trích dẫn ở đây:

"Làm thế nào để chúng ta có thể dễ dãi đến độ cầu thả với chính mình như thế và trong cùng một lúc lại có cái nhìn vô cùng nghiêm ngặt đối với người khác? Tôi cho rằng sự lười biếng có phần đóng góp không nhỏ trong đó. Chúng ta tránh, càng nhiều càng tốt, kiểm tra những 'thực tế' đã được công nhận bởi đa số. Tệ hơn nữa, sự lười biếng cho phép chúng ta không chỉ chấp nhận mà còn áp dụng những 'thực tế' này cho những điều tương tự hoặc có vẻ tương tự. Chúng ta lười biếng đến độ không thèm tự hỏi mình nếu bánh xe có hình tròn, liệu mọi hình tròn có phải là bánh xe hay không? Liệu trung uý William Calley, người chịu trách nhiệm tối hậu

cho cuộc tàn sát Mỹ Lai năm 1968, có biến tất cả quân nhân Mỹ tham chiến ở Việt Nam trở thành những kẻ giết người hàng loạt? Liệu những kẻ chủ sự trong vụ thảm sát Tết Mậu Thân ở Huế có biến tất cả đảng viên cộng sản Việt Nam thành tội phạm chiến tranh? Liệu Jeffrey Dahmer^[7] có biến dân tộc Mỹ thành bọn mọi ăn thịt người? Hoặc giả chỉ có người Mỹ tư bản và người Việt cộng sản mới được hưởng quyền đặc miễn tài phán?"

Có người sẽ bực bội nếu tôi bỏ qua/không bỏ qua những thước phim ghi lại giây phút tướng cảnh sát Nguyễn Ngọc Loan bắn bỏ một tù binh cộng sản giữa thanh thiên bạch nhật. Hành động này, bất kể động cơ thúc đẩy, là một tội ác khó thể biện bạch và đã biến Nguyễn Ngọc Loan thành một người vô cùng nổi tiếng và đồng thời một mục tiêu của chỉ trích và lên án trong và sau chiến tranh Việt Nam. Bên cạnh việc chà đạp lên công ước quốc tế về tù binh, coi rẻ mạng sống con người, hành động thiếu suy xét ở cương vị một tướng lãnh, Nguyễn Ngọc Loan còn bắt cả một tập thể vô cùng đông đảo phải trả giá cho hành động không thể bào chữa của một cá nhân riêng lẻ. Quân lực Việt Nam Cộng hoà, trong mắt của công luận thế giới từ sau biến cố đáng tiếc này, là một tập thể tàn bạo, giết người như ngóe! Đây là hiệu ứng độc hại nhất và khắc nghiệt nhất của "guilty by association", tạm dịch một cách vô cùng lóng lẻo là "con sâu làm rầu nồi canh". Trên thực tế, trong suốt cuộc chiến tranh mười ngàn ngày, có bao nhiêu người lính miền Nam đã thực sự cầm súng hạ sát một người không có tấc sắt trong tay? Chắc là có, nhưng nhất định không ở cái mức độ để được gọi là "tàn sát" (massacre). Bởi vì không phải họ ở Mỹ Lai, Thanh Phong. Không phải họ ở Huế, vào dịp Tết!

Cũng không phải Hoàng Phủ Ngọc Tường, nếu chúng ta có thể tin vào lời tuyên bố của ông. Bất kể oan ung, Hoàng Phủ Ngọc Tường là người may mắn. Ông được chiếu cố, được bào chữa, hoặc ít nhất, được cho cơ hội để biện minh, để được soi rọi. Một Ngô Minh viết bài minh oan. Một Nguyễn Đức Tùng tặng thơ, ước mơ xây nhà máy lọc để biến nước thành thủy tinh trong vắt cho chúng ta có thể nhìn thấy Lư Sơn chân diện mục. Đã có bao nhiêu nỗ lực tương tự dành cho những oan khuất, những ngộ nhận đến từ sự trá ngụy phủ chụp lên đầu một hay nhiều tập thể bất hạnh khác chỉ vì thể đứng của họ trong cuộc tranh chấp áp đặt lên số phận của dân tộc bởi những thế lực ngoại lai? Tôi không nghe tiếng trả lời!

Hoặc giả chỉ có văn nghệ sĩ mới có đặc quyền được lên tiếng và được lắng nghe? Tôi e rằng điều này không xa lắm với thực tế. Nhà văn nhà thơ, bất kể ở phía nào của cuộc tranh chấp, quả thực có một số đặc quyền nhất định, trong đó có quyền, cùng với thời gian và cùng với lịch sử, được xem xét, phê phán, minh oan, và phục hồi. Có bao giờ họ tự hỏi cái đặc quyền này đến từ đâu, bởi vì cái gì. Có bao giờ họ nhận ra đặc quyền này thực ra là một trách nhiệm, một nghĩa vụ đến từ kỳ vọng chính đáng của lịch sử và của xã hội về họ, dựa trên chức năng cao quý của họ, như là một nhân chứng trung thực và công chính của đời sống, và đời sống ở đây không chỉ là đời sống ngắn ngủi và riêng tư của chính họ. Rất đáng tiếc, rất mỉa mai nếu cái đặc quyền này chỉ để phục vụ cho riêng bản thân của họ! Như Wiesel, trích dẫn trong bài tham luận xuất sắc "Hội nhập và nơi chốn"^[8] của Đặng Thơ Thơ, đã viết: "*Nhân chứng bắt buộc chính mình phải cung khai. Cho tuổi trẻ hôm nay, cho những đứa bé sẽ sinh ra ngày mai. Hẳn không thể để quá khứ của hấn trở thành tương lai của những thế hệ sau.*"

Bài viết này hoàn toàn không phải để bào chữa cho bất cứ tội ác nào của bất cứ phe phái nào trong chiến tranh hoặc trong bất cứ bối cảnh nào khác. Tôi không hề nghi ngờ cái sự thực là đã có những tội ác ghê rợn xảy ra trong chiến tranh Việt Nam xuất phát từ những động cơ cá nhân hay từ chính sách của một hay nhiều phe tham chiến nhân danh những điều cao quý nhất hoặc tệ hại nhất. Tôi là một trong số những người viết hiếm hoi ở hải ngoại đã quan tâm và lên án Bob Kerry, vào năm 2002 là thượng nghị sĩ liên bang Hoa Kỳ, về vụ thảm sát ở làng Thanh Phong^[9] tháng 12 năm 1969 bởi toán người nhái hải quân Mỹ do ông cầm đầu (Có thể xem

Thanh Phong như là một "mini" Mỹ Lai về số lượng nạn nhân (21) cũng như về tầm phổ biến trên các mạng truyền thông). Tôi tán thành việc truy nã và đưa ra trước công lý những tội phạm chiến tranh, bất kể thuộc về phe tham chiến nào, và buộc họ phải trả giá cho những tội ác họ đã thực hiện trong quá khứ, tương tự như thế giới vẫn đang truy tìm và kết án những hung thủ sống sót từ Đệ nhị Thế chiến. Nhưng tôi chống lại âm mưu liên kết tội ác cá nhân với tập thể liên hệ với mưu đồ đen hình ảnh của tập thể đó. Tôi lên án những chính sách, những cử chỉ trá ngụy ví dụ như "khoan hồng", "tha thứ" một người hoặc một tập thể về những tội ác tưởng tượng gán ghép cho họ và trong cùng một lúc, tiếp tục bằng cách này hay cách khác nuôi dưỡng và bơm đầy những vi khuẩn độc hại vốn phát khởi và tăng trưởng từ trá ngụy vào mạch máu văn hoá của dân tộc. Bởi vì, tầm tác hại của nọc độc văn hoá gây ra bởi những chính sách gian trá này vô cùng lớn lao ở cả ba chiều kích, rộng, dài, và sâu!

Chính vì bài viết này nhắm vào trước hết giới cầm bút, như đã được định nghĩa ở trên, "những người mà dựa vào chức năng của họ, trí tuệ và khả năng tự duy phải vượt trội hơn những tầng lớp khác trong xã hội", tôi hy vọng mình sẽ không phải kể lể, lý luận dông dài về những điều tôi muốn đề cập về ba chiều kích mà tầm tác hại của nọc độc văn hoá có khả năng chạm đến. Tôi tin rằng nhà văn, với khả năng phân tích tinh cảm nhân vật và phản ứng tâm lý của người đọc, sẽ không khó hình dung những tác hại về phương diện tâm lý mà những huyền thoại kiểu "lính nguy ăn thịt người" gây ra cho tập thể "lính nguy" và những thành viên của gia đình họ. Điều gì sẽ xảy ra nếu con cái của "lính nguy" tin rằng họ, trong một thời điểm nào đó của quá khứ, đã thực sự ăn thịt người? Tôi e rằng mầm tác hại đã lan rộng và xa hơn tầm kiểm soát, và sâu hơn cả những toan tính/mưu đồ ác độc của những kẻ chủ mưu.

Nếu điều tôi trình bày ở trên vẫn chưa đủ, hãy cùng nhau thử một điều khác, theo đề nghị của Đặng Thơ Thơ, cũng từ "Hội nhập và nơi chốn?", "... chúng ta nên hoán vị cho nhau, đi vào đôi giày của nhau, để những nỗi đau không tương phân mà nhập một." Bắt đầu như thế này, cứ cho rằng người Việt Nam từ Bắc chí Nam, lúc chào đời tâm hồn trắng như tờ giấy. Người miền Nam vì kém may mắn nhiễm phải nọc độc văn hoá đòi truy "Mỹ nguy", khi lớn lên đi lính giết hại nhân dân và ăn thịt người, đặc biệt thịt bộ đội. Trong khi đó, ở miền Bắc, dưới ánh sáng quang vinh của Bác và Đảng, thanh niên lớn lên xung phong đi bộ đội chống Mỹ cứu nước, luôn trung với Đảng và hiếu với dân, chỉ ăn lương khô. Giả thiết này đối với một số người xem ra có vẻ chấp nhận được. Số còn lại thì nhất định đang nhướng một hoặc cả hai hàng chân mày, và có lẽ không chỉ có vậy! Hãy kiên nhẫn để tiếp tục với phần kế tiếp của giả thiết. Thay vì sinh ra ở miền Bắc, toàn bộ cái tập thể anh hùng đã xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước này "bị" sinh ra ở miền Nam. Câu hỏi cho cái tập thể trên thực tế đã sinh ra ở miền Bắc nay "bị" sinh ra ở miền Nam trong giả thiết của tôi rất đơn giản, có bao nhiêu trong số họ lớn lên đi lính giết hại nhân dân và ăn thịt bộ đội? Dĩ nhiên là cũng nhiều bằng số người thực sự sinh ra ở miền Nam cho mỗi thể loại, "đi lính", "giết hại nhân dân", và "ăn thịt bộ đội". Nói lại cho đúng: cũng nhiều bằng số người tin vào cái huyền thoại "lính nguy ăn thịt người". Yêu cầu còn lại là những nhà văn nhà thơ, kể cả Tạ Duy Anh và Hồ Anh Thái, một cách tình cờ "bị" nằm trong giả thiết này, xin vui lòng giúp tôi hình dung ra cảm giác của "mình" mỗi khi nghe, đọc về cái gọi là "lính nguy ăn thịt người." Tôi biết quý vị có thể làm được điều này, quý vị là nhà văn, chuyên trị việc chơi đùa với cảm giác của nhân vật và của người đọc!

Cái giả thiết "thứ vị" ở trên dành cho việc đo lường sự tác hại về chiều sâu của những nọc độc văn hoá. Chúng ta vẫn phải tiếp tục thảo luận về những tác hại ở chiều rộng và dài. Theo cung cách cái huyền thoại/tín điều "lính nguy ăn thịt người" được phổ biến và tin tưởng trong các tầng lớp quần chúng bao gồm các thế hệ già trẻ và đặc biệt trong giới làm văn học/văn hoá ở Việt Nam trong mấy mươi năm qua, tôi cho rằng huyền thoại này đã hội đủ điều kiện về số đông cần thiết ("critical mass", Wikipedia tiếng Việt dịch là "khối lượng tới hạn") để trở thành một thuộc tính của "lính nguy", nghĩa là "lính nguy" thì đương nhiên là ăn thịt người, tương tự

như lá cây có màu xanh hoặc chim thì bay và cá thì lội! Tiếp tục "tư duy" theo chiều hướng này, bởi vì tập thể "lính nguy" có đến hàng triệu người, "ăn thịt người" nhất định phải trở thành thuộc tính của người Việt Nam ở phía Nam, và sau đó là của cả nước. Xin được long trọng tuyên bố, Việt Nam, quê hương tôi, xứ sở của bọn ăn thịt người!

Về tác hại đường dài, có lẽ không cần phải dài dòng. Người Mỹ đã ngưng rải chất độc da cam lên đồng ruộng quê hương ta ngay cả trước khi chiến tranh chấm dứt, nhưng việc xuất hiện những trẻ sơ sinh quái thai, hậu quả của hoá chất độc hại này, vẫn chưa thấy chấm dứt. Trong khi đó, người Việt tiếp tục nuôi dưỡng và phun nọc độc vào nhau sau hơn ba thập kỷ. Đường xa vô tận!

Chúng ta thường nghe nói rất nhiều về những nọc độc văn hoá do tàn dư Mỹ nguy để lại. Chúng ta không hề nghe nói về điều tương tự ở phía những kẻ thắng trận. Điều này có thể hiểu được, kẻ thắng được quyền viết lịch sử, bên cạnh những đặc quyền khác, kể cả quyền nuôi dưỡng những nọc độc văn hoá do chính mình tạo ra. Tôi sẽ không ngạc nhiên nhiều lắm, cho dù vẫn tiếp tục cảm thấy bị xúc phạm ghê gớm, nếu một ông A bà B nào đó vẫn tiếp tục bám vào huyền thoại "lính nguy ăn thịt người". Tôi hiểu được hiệu quả của "tẩy não" hoặc của tuyên truyền nhồi sọ theo kiểu Đức Quốc xã. Nhưng tôi sẽ vô cùng ngạc nhiên, vô cùng thất vọng, và vô cùng bị xúc phạm nếu người đó là một nhà văn, một ngòi bút tài năng. Tôi đánh giá cao và do đó kỳ vọng nhiều vào văn nghệ sĩ, đặc biệt văn nghệ sĩ sáng tạo. Họ làm đẹp đời sống. Họ mang chúng ta đến gần với Chân, Thiện, Mỹ. Họ, trong nhiều trường hợp, là hy vọng và ngay cả là lương tâm của xã hội, đặc biệt trong những xã hội mà lương tâm bị què quặt hoặc hoàn toàn vắng bóng. Họ không thể là đồng loã của bóng tối, gieo rắc trá nguy, gieo rắc những nọc độc văn hoá vốn sẽ còn ở lại rất lâu sau khi họ ra đi vĩnh viễn. Đây là một điều ghê rợn, chỉ để nghĩ tới!

Việc lựa chọn trích dẫn Tạ Duy Anh và Hồ Anh Thái trong số nhiều tác giả viết về những điều dựa trên những "tín điều" mọc ra từ sự trá nguy không hề là chuyện ngẫu nhiên. Lại càng không phải đến từ ác ý. Vào năm 2002, tôi không tin rằng Tạ Duy Anh hoặc Hồ Anh Thái đã bị cưỡng bách hoặc khuyến dụ bởi nhà nước để viết về những điều trá nguy kể trên. Cả hai đều viết về "lính nguy ăn thịt người" một cách tự nguyện, và đã không hề đặt câu hỏi về sự chân thực của điều họ đang rao giảng. Sách của Hồ Anh Thái được tái bản vào năm 2004, phần đã khiến tôi ngưng không đọc tiếp vào năm 2002 vẫn còn nguyên trong ấn bản mới. Tôi không rõ lắm về khả năng phổ cập của *Đi tìm nhân vật*, nhưng tôi có thể phát biểu một cách an toàn là cách suy nghĩ của hai tác giả này về huyền thoại/tín điều "lính nguy ăn thịt người" đã không hề thay đổi. Cho đến thời điểm này của năm 2008, đã không có ai trong số họ lên tiếng cải chính về điều đã viết xuống. Tất cả những dấu hiệu ở trên mang một nội hàm quan trọng: Không hề có một nỗ lực nào để đánh giá lại kẻ thù cũ, hoặc nói cho đúng hơn, đánh giá lại cái nhìn của chính mình lên kẻ thù cũ. Tôi e rằng điều này không chỉ đúng cho Tạ Duy Anh và Hồ Anh Thái, và không chỉ đúng cho "phía" Tạ Duy Anh và Hồ Anh Thái!

Bằng cách phủ nhận tư cách và trách nhiệm nhân chứng lịch sử của mình, nhà văn phải đồng thời chấp nhận cái nguy cơ trở thành kẻ đồng loã với những thế lực đen tối. *Bằng cách nuôi dưỡng và gieo rắc mầm độc hại phát khởi từ trá nguy vào mạch văn hoá dân tộc, bất kể vì vô tình hay cố ý, nhà văn trở thành không chỉ là kẻ đồng loã.* Đây là một kết luận u ám, nhưng tôi không chắc là mình có được một lựa chọn nào khác.

Sẽ không công bằng với Tạ Duy Anh nếu tôi không đề cập đến nỗ lực đánh giá lại văn hoá và truyền thống trong tác phẩm của ông. Nỗ lực này được tìm thấy ở chương 5 của *Đi tìm nhân vật*, ở đó, thông minh và tinh quái, tác giả "biến thành thẳng phi lịch sử, kẻ vong ân, đứa qua

mặt các cụ" bằng cách công kích giá trị văn hoá của một số truyện cổ tích, ngụ ngôn ưa thích nhất của Việt Nam như "Rùa chạy thi với thỏ", "Trí khôn của ta đây", "Tám Cám", và "Mỵ Châu - Trọng Thủy". Tôi đọc phần này lần đầu với sự cảm phục. Tạ Duy Anh có đủ các đức tính cần thiết của một nhà văn mà độc giả và xã hội kỳ vọng; ông sở hữu một khả năng tư duy nhạy bén, sáng suốt, và ngòi bút ông có đủ dũng khí để tấn công những thành trì kiên cố nhất của thiên kiến và lạc hậu: truyền thống văn hoá. Cảm giác khi đọc lại phần này sau khi đọc chương 6, là chua chát và nuối tiếc. Không lẽ chỉ có những nọc độc văn hoá cổ xưa, những điều đã từ lâu trở thành một phần máu thịt của văn hoá dân tộc mới cần được soi rọi và tái thẩm định? Không lẽ những mầm văn hoá độc hại tươi mới đang làm ô nhiễm mạch văn hoá dân tộc ngày và đêm và những oan khiên thống hận đang rỉ máu của những người còn sống và của con cháu họ không đáng được quan tâm? Tại sao người ta có thể, một cách ý thức, bước vào cái vũng lầy mà chính mình đã muốn cứu vớt kẻ khác ra khỏi chỉ vài trang giấy trước đó?

Những điều viết xuống ở đây, kể cả phần trích dẫn từ tác phẩm của Tạ Duy Anh và Hồ Anh Thái (trong số rất nhiều trường hợp tương tự) là một nỗ lực biện minh cho sự cần thiết của vai trò "nhân chứng của Sự Thật" của nhà văn với những dẫn chứng cụ thể, những điều có thực và luôn phơi bày trước mắt mọi người nhưng vì một hay nhiều lý do bí ẩn nào đó được đối xử như là vật vô hình vô tướng hoặc một thứ "cấm kỵ" (taboo) không nên dây vào. Bằng cách nhắm mắt quay lưng, giả vờ không nhìn thấy và hy vọng vấn đề sẽ tự biến đi, người ta đang lừa dối chính mình một cách ngây ngô.

Tôi tin chắc ngộ nhận và trá ngụy đã không chỉ đến từ một phía trong các phe tham chiến, và tác hại của chúng cũng không chỉ dành riêng cho phe phái nào. Trong hồi ký "Tổ khổ Văn chương" ở Sài Gòn: Tiền đồn, Đoạn đường chiến binh,"^[10] nhà văn Thế Uyên có nhắc đến việc buộc phải gọi "thằng huyện uỷ," "con du kích" trong sách của mình để *Tiền đồn* được xuất bản. Rõ ràng việc gọi nhau "thằng này con nọ" đã được chính quyền ở cả hai miền Nam Bắc trong thời chiến đưa lên hàng quốc sách, và xuyên qua việc này, đã có những cống hiến vô cùng to lớn trong việc biến Việt Nam trở thành đất nước của một lũ mất dạy! Vào những ngày này của năm 2008, mời bạn đọc vào truy cập các khoá chữ "tôi ác Mỹ ngụy" và "tội ác Việt cộng" ở phần tiếng Việt của Google để có được một ý niệm ban đầu, cái phần nổi của tảng băng sơn, của vấn nạn đang được thảo luận ở đây.

Bắt đầu với việc "giải ảo" và tháo gỡ nọc độc văn hoá "lính ngụy ăn thịt người" đối với tôi là một lựa chọn cần thiết bởi vì mức độ nghiêm trọng và sự thách thức của huyền thoại/tín điều này. Trong tất cả những cây trái độc nằm rải rác trên mảnh vườn văn hoá Việt Nam, đây là một trong những mũi gai độc địa nhất, nhức nhối nhất, cần phải nhổ bỏ càng sớm càng tốt. Những người đã và đang là nạn nhân của những "cây gai độc" nói trên và đang chủ trương chính sách "đào sâu chôn chặt" với hy vọng rồi những điều tàn tệ như thế này sẽ lặng lẽ tan biến cùng thời gian thực ra đang vô tình trao tặng con cháu mình một di sản của ô nhục. Những vết nhơ văn hoá/ lịch sử này sẽ cùng với thời gian đang trở thành một thực tế lịch sử không thể đảo ngược, và sẽ không dễ dàng bị quên lãng. Hãy thử thảo luận với hậu duệ nhà Mạc về một sự kiện lịch sử đã xảy ra ở Ai Nam quan và liên quan đến Mạc Đăng Dung hơn 400 về trước và áp dụng kinh nghiệm từ cuộc đối thoại này lên con cháu đời sau của chính mình. Mặt khác, những người, trong quá khứ, vô tình hay cố ý, đã bám vào sự trá ngụy để gây thương tổn kẻ khác bằng ngòi bút, vốn lẽ ra phải dành cho điều ngược lại, chắc chắn đã để lại những vết trầy xước trong lịch sử và văn hoá dân tộc. Tôi hy vọng họ sẽ nhận thức được tầm độc hại của điều đã thực hiện và nhanh chóng bắt đầu công trình "giải độc", trước hết cho chính mình.

Phá đổ một tín điều, tháo gỡ một nọc độc văn hoá không hề là điều dễ dàng. Đây là một điều vô cùng khó khăn, thậm chí đau đớn. Đau đớn ngay cả chỉ để nói đến. Nhưng vẫn phải nói,

trong đau đớn, một cách đau đớn. Bởi vì, trích từ "Hoà giải phẫu" của Phan Nhiên Hạo, "đây là sự đau đớn không tránh khỏi trong giải phẫu chữa trị bệnh di căn."

Tôi hy vọng các nhà văn thân mến của chúng ta sẽ "sống sót" bài viết này. Họ sẽ biết mình phải làm gì với tư cách nhân chứng của Sự Thật. Hãy cầu chúc họ sức khỏe, nghị lực, và những điều tốt đẹp khác. Bởi vì họ là, nếu không phải tất cả, sự bắt đầu của hy vọng của chúng ta về một tương lai trong đó *quá khứ của chúng ta KHÔNG là niềm ô nhục của thế hệ mai sau.*

© 2008 talawas

[1]"Khi kẻ đồng loã là nhà văn", tham luận, Phùng Nguyễn - <http://hoiluan.vanhocvietnam.org/?p=146>

[2]*Đi tìm nhân vật*, tiểu thuyết, Tạ Duy Anh -

<http://www.talawas.org/talaDB/suche.php?res=453&rb=08> (11/2002)

[3]*Truyện ngắn chọn lọc 1975-1990*, tuyển tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1991

[4]*Cõi người rung chuông tận thế*, tiểu thuyết, Hồ Anh Thái, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2004 (tái bản)

[5]"The Miracle of the Birds", Truyện ngắn, Jorge Amado, trích từ tuyển tập *A Hammock Beneath the Mangoes*, Dutton Book, 1991

[6]"Độc "The Long Road Home: Exile, Self-Recognition, and Reconstruction" của Nguyễn Bá Chung", tiểu luận, Phùng Nguyễn -

http://damau.org/index.php?option=com_content&task=view&id=1527&Itemid=10171

[7]Jeffrey Dahmer, người Mỹ, giết người hàng loạt và ăn thịt nạn nhân -

[http://en.wikipedia.org/wiki/Jeffrey_Dahmer:](http://en.wikipedia.org/wiki/Jeffrey_Dahmer)

[8]"Hội nhập và nơi chốn?", tham luận, Đặng Thơ Thơ - <http://hoiluan.vanhocvietnam.org/?p=135>

[9]Thanh Phong Massacre, Reference,

http://en.wikipedia.org/wiki/Bob_Kerrey#Thanh_Phong_Massacre

[10]"Tổ khổ văn chương ở Sài Gòn", Hồi ký, Thế Uyên

Lời khai

Câu chuyện bắt đầu rất bình thường và gần như không ăn nhập gì đến hồi kết cuộc. Cách đây mấy năm, tôi gia nhập nhóm Bút Việt. Như cái tên ám chỉ, nhóm này quy tụ những người ưa thích văn chương nghệ thuật. Thành viên của nhóm hầu hết là chuyên gia và sinh viên đại học, kể cả du học sinh và nghiên cứu sinh đến từ Việt Nam. Họ ở rải rác trên khắp thế giới, và phương tiện liên lạc chủ yếu là điện thư và IRC (Internet Relay Chat).

Tôi quen với Cẩm qua Bút Việt. Có một dạo tôi phát biểu rất tích cực trong những "buổi" thảo luận văn học của nhóm, và trong quá trình đó, không tránh khỏi những va chạm nho nhỏ với những người bạn được nuôi dưỡng trong một môi trường hầu như khác biệt hẳn với mình. Cẩm và tôi cũng đã trải qua một vài lần như vậy. Nhưng sau đó thì tình hình trở nên tốt đẹp hơn nhiều. Cẩm vẫn thường thức dậy giữa khuya để vào tán dóc với tôi trong chatroom của nhóm. Cẩm là du học sinh đến từ miền Bắc, đang theo đuổi chương trình hậu đại học tại Nhật. Nơi Cẩm cư ngụ cách chỗ tôi ở đến những 17 múi giờ, và Cẩm thường than thở là cứ phải "già" hơn bạn bè bên Mỹ đến... gần một ngày! Chúng tôi trở nên thân thiết hơn trong những lần nói chuyện trên Internet. Cẩm trẻ hơn tôi rất nhiều, và rất trung thực trong việc phát biểu nhận xét của mình về những điều tai nghe mắt thấy. Chẳng hạn như có lần Cẩm nói rằng bản chất người miền Bắc hung bạo hơn người miền Nam. "Chạy xe đạp va vào nhau một tí là thấy có

đánh nhau vỡ đầu sứt trán, thậm chí cả đâm chém nhau!" Tôi bác bỏ nhận định này của Cẩm, và quy lỗi cho môi trường sống. Cẩm có vẻ không phục nhưng cũng không nói gì sau đó.

Một hôm Cẩm hỏi tôi về nhóm tin Bàn Tròn Việt Nam (Vietnamese Round Table newsgroup).

" Anh có hay lên trên đó không?" Cẩm hỏi.

Tôi bảo là không. Tôi có nghe nói về nhóm tin này. Đây là nhóm tin lớn nhất trên hệ thống Internet của người Việt Nam tại hải ngoại. Ở đó người ta bàn cãi đủ mọi vấn đề, từ tình yêu, tôn giáo, đến chính trị. " Họ chửi nhau như mổ bò trên đó!" Một người bạn của tôi đã bảo tôi như vậy.

" Chỗ đó là chốn thị phi, vào làm gì!" Tôi nhăn nhó với Cẩm.

" Tại em đang muốn tìm hiểu một người trên đó," Cẩm trả lời.

" Ai vậy?" Tôi hỏi một cách lơ đãng.

" Cô ấy tên Trần Bội Ngọc."

Tên hay thật, tôi nghĩ thầm. Vậy là anh chàng Cẩm này đang muốn " trai khôn tìm vợ chợ đông" đây chắc. Cẩm tiếp:

" Em muốn nhờ anh lên trên đó ỏngắm nghĩa cô ấy một tí rồi cho em biết cảm tưởng."

" Làm cách nào mà ngắm nghĩa người ta trên đó?"

" Thì anh coi cô ấy viết lách ra làm sao thì biết ngay chứ gì!" Cẩm quả quyết.

Tôi bắt đầu bực mình:

" Trời đất. Có gì làm chắc là cô Trần Bội Ngọc thể hiện nhân cách mình qua cách viết?"

" Có thể cô ấy sẽ cố gắng che dấu con người thực của mình. Bội Ngọc đã từng bảo em Bàn Tròn Việt Nam chỉ là sân chơi của cô ấy thôi. Nhưng em có cảm tưởng một người từng trải như anh có thể có được một khái niệm trung thực về Bội Ngọc sau một thời gian quan sát."

Từng trải! Tôi nghe tiếng mình lùng bùng trong đầu. Nếu có điều gì tôi " từng trải" trong đời mình, đó chính là một chuỗi dài của những thất bại!

" ... Hơn nữa, em vẫn tin rằng đằng sau những cái tên kỳ dị, những ký hiệu lằng nhằng kia là những con người bằng xương bằng thịt với trái tim đầy cảm xúc như anh và em vậy. Anh không nghĩ vậy hay sao?"

Tôi cảm thấy lạng khụng. Cẩm đang ở cách tôi hàng chục ngàn cây số, và tôi chỉ biết mặt Cẩm qua bức ảnh nhỏ trên cái homepage thô sơ của hắn. Vậy mà tôi có thể hình dung ra nét mặt của Cẩm ngay lúc bấy giờ, tràn ngập niềm tin vào điều hắn vừa phát biểu. Tôi thở dài, trả lời:

" Cho anh hai tuần."

?

Bội Ngọc là một cô gái đồng đánh, rất đồng đánh. Có nhiều người ái mộ cô, và cũng nhiều không kém những người ghét cô. Tôi cảm thấy thú vị, thực sự thú vị. Hoá ra cái " xã hội" ảo trên Internet cũng đâu có khác gì mấy so với cái xã hội trần tục dưới kia! Thử tưởng tượng một cô gái rất điệu, rất xinh đẹp cứ nhờn nhờ cười nói, đùa nghịch một cách vô pháp vô thiên trong một hội chợ Tết thì có thể đoán được có bao nhiêu kiểu phản ứng từ đám đông. Tất nhiên, đàn ông con trai có kiểu của họ và đàn bà con gái cũng có cách ứng xử riêng của mình. Tình hình lại càng rối rắm hơn khi cô cười tình với người này và khinh khỉnh với người kia. Và tôi cũng rối rắm không kém. Xem ra Bội Ngọc chẳng có sơ hở nào trong việc che đậy tung tích thực của mình. Có những cố gắng đáng kể của một số người thuộc nhóm tin Bàn Tròn Việt Nam trong việc bộc lộ thân thế của Bội Ngọc, nhưng theo ý tôi, những dữ kiện họ có về cô đều không đáng tin cậy. Thời hạn hai tuần trôi qua rất nhanh, và những điều mù mờ mà tôi cho rằng mình " biết" về Bội Ngọc thực không giúp gì cho Cẩm trong việc " tìm hiểu" cô. Bội Ngọc là một cô gái thông minh đến độ quỷ quyệt, và nếu cần làm tổn thương một người trung hậu như Cẩm, cô có thừa khả năng! Đó là cái " khái niệm" mà tôi có về Bội Ngọc, nếu có thể gọi đó là khái niệm. Và tôi biết mình không có can đảm tiết lộ với Cẩm cái cảm giác mơ hồ của mình. Không nên làm đau lòng một người bạn tốt vì một điều rất mơ hồ!

Vào mùa hè tiếp theo, Cẩm báo cho tôi biết sẽ bay qua Chicago để gặp Bội Ngọc.

" Em được nghỉ hai tuần, nhưng Bội Ngọc bảo chỉ có thể gặp nhau ba ngày thôi. Cô ấy đang rất bận."

" Vậy thì tại sao không qua chơi với anh trước rồi hãy ghé cô ấy? Anh cũng mong gặp Cẩm vậy."

" Chỉ sợ phiền anh," Cẩm rụt rè trong máy điện thoại.

Tôi cười ha hả thay câu trả lời. Rõ vớ vẩn!

Cẩm vừa người, khuôn mặt hơi vuông. Cặp chân mày rậm trên đôi mắt thật hiền. Chúng tôi có những ngày thực vui bên nhau. Tôi sống một mình, và điều này khiến Cẩm trở nên thoải mái ngay từ phút đầu. Chúng tôi đi " tham quan" Tiểu Saigon, ăn tất cả những gì Cẩm muốn thử và lê lét ở những quán cà phê Cẩm muốn ngồi. Tôi thích chọc phá Cẩm bằng cách cố tình cách lái câu chuyện qua hướng khác khi Bội Ngọc được đề cập đến và cười thảm trong bụng nhìn thấy vẻ thất vọng của hắn khi đề tài ưa thích nhất của mình không được quan tâm đúng mức. Tôi biết Cẩm đang lo. Hắn vẫn chưa liên lạc được với Bội Ngọc kể từ khi đặt chân lên đất Mỹ ba hôm trước. Chỉ có một tràng tiếng Anh rất sôi từ máy nhắn tin của Bội Ngọc trả lời những cú điện thoại của Cẩm. Và đó lại là giọng của một người đàn ông trẻ. Tôi trấn an Cẩm, bảo rằng đó có lẽ là của anh em trai của cô. " Dù sao thì ngày mai em cũng bay qua Chicago. Bội Ngọc có lịch trình chuyến bay của em. Chắc cô ấy bận việc bất ngờ không kịp nhắn tin đó thôi." Cẩm nói với giọng bình tĩnh. Tôi ái ngại bảo Cẩm nếu có gì trục trặc thì gọi cho tôi ngay. Tôi lo hắn lạ nước lạ cái, lỡ Bội Ngọc lỗi hẹn thì không biết đường nào xoay sở. Nhìn dáng điệu xông xáo của Cẩm khi tiến vào cái hành lang hình hộp dẫn đến cửa máy bay, tôi cảm thấy vui vui. Chắc Bội Ngọc phải vui hơn gấp bội khi gặp mặt người " bạn tình" đến từ phía bên kia bán cầu.

Cẩm gọi tôi buổi sáng ngày hôm sau.

" Anh chịu khó đón em ở phi trường chiều nay nhé. Chuyến bay 647, American Airlines."

Giọng Cẩm khàn đục, và tôi có thể hình dung ra khuôn mặt thiếu não của hắn không một chút

khó khăn. Tôi hỏi nhanh:

" Bội Ngọc không đến hay sao?"

" Gặp rồi. Chiều về đến nhà em sẽ báo cáo anh chi tiết nhé." Cẩm trả lời nhát gừng rồi cúp điện thoại.

Một mớ giả thuyết được tôi dựng lên để giải thích cho việc rời Chicago đột ngột của Cẩm. Bội Ngọc là một cô gái tật nguyền? Bội Ngọc là một người đàn bà... có chồng? Hoặc giả Cẩm bằng xương bằng thịt đã làm cô thất vọng? Hoặc giả những chuyện tình siêu không gian không thể đơm hoa kết trái ở nơi trần tục? Tôi không biết. Câu trả lời sẽ đến vào buổi chiều.

?

Khi Cẩm khuất dạng ở góc quẹo của cái hành lang dẫn vào chiếc phi cơ liên lục địa của Japan Airlines, tôi thông thả quay lưng bước ra đường. Đốt một điếu thuốc, tôi chậm rãi bước qua khu trạm vãng lai dành cho hành khách nội địa. Không có gì phải gấp gáp, chuyến bay dành cho tôi sẽ không cất cánh trong vòng 90 phút sắp tới. Theo dự định, tôi sẽ có mặt tại phi trường OōHara lúc 6 giờ chiều, đủ thời gian để ghé vào tiệm cầm đồ của một người quen ở khu thương mại của người Việt Nam. Tôi phải lấy một món đồ mà tôi sẽ dùng đến sau đó. Rồi tôi sẽ ghé vào một tiệm ăn nào đó, gọi một món gì đó, và ngồi tán gẫu với cô tiếp viên, nếu ở đó có một cô tiếp viên coi được. Tôi sẽ huênh hoang về cái gốc gác " dân Cali" của mình. Người Việt ở các tiểu bang khác vẫn thích hỏi han về thủ đô tị nạn Bolsa mà!

Mọi việc xảy ra gần đúng như chương trình đã vạch sẵn. Tôi dúm vào tay cô tiếp viên một món tiền khá hậu hĩ, đẩy cánh cửa kính bước ra khỏi tiệm. Chui vào chiếc taxi vừa trở tới, tôi cúi xuống nhìn đồng hồ. 8 giờ 30 phút. Chừng 30 phút nữa thì tôi sẽ có mặt ở điểm hẹn. Tôi chọt phi cười một mình. Chẳng có ai hẹn hò gì với tôi hết. Tôi quyết định nơi chốn và giờ giấc, một mình.

Chiếc taxi đỗ tôi xuống một khu gia cư yên tĩnh. Con đường nhỏ chằm dút ở đây, phình ra thành một hình tròn. Căn nhà mà tôi sẽ đến bấm chuông nằm ở phía bên trái. Lối vào trồng những cây nhỏ đang trổ hoa màu vàng, trông như hoa chuối nước ở quê tôi. Ngọn đèn phía trên cửa ra vào toả ánh sáng trắng mờ xuống lối đi. Tôi cắp chiếc hộp nhỏ lấy từ tiệm cầm đồ vào nách, đưa tay bấm chuông. Mắt liếc xuống chiếc đồng hồ đeo tay, tôi lầm bầm, " Đứng chín giờ." Tôi vốn không thích ai trễ hẹn, ngay cả chính tôi.

Cánh cửa mở hé, và người đàn ông bước ra. Ba mươi ngoài, mảnh khảnh, khuôn mặt không được tươi tắn lắm. Anh ta nhìn tôi vẻ dọ hỏi.

" Tôi tìm ông Lê Quang Ngọc." Tôi tươi cười cất tiếng.

" Tôi đây. Thưa ông cần gì?"

" Tôi có món đồ của một người bạn nhờ gửi cho ông."

Tôi khẽ nâng cao cánh tay mặt cho chiếc hộp nhỏ rơi xuống dọc hông mình và gọn gàng nắm lấy trước khi chiếc hộp kịp rơi xuống đất. Chiếc hộp gỗ màu nâu cũ kỹ. Cho đến buổi chiều hôm nay, tôi đã không chạm đến nó trong mười năm qua. Người đàn ông nhìn vào chiếc hộp, vẻ thắc mắc. Tôi không để anh ta phải thắc mắc lâu:

" Tôi mở ra cho ông xem nhé. Quà của người bạn ở Nhật gửi cho ông."

Rõ ràng là người đàn ông chưa hề có kinh nghiệm đối phó với những sự việc tương tự. Khẩu súng lục từ chiếc hộp gỗ nhảy vào tay tôi như trò quỷ thuật, và trước khi người đàn ông kịp chớp mắt, mũi súng đã dí ngay vào lồng ngực bên trái của anh ta. Tôi biết viên đạn phải đi vào cơ thể anh ta từ chỗ nào. " Vĩnh biệt, cô Bộ Ngọc." Tôi chào từ biệt người đàn ông cùng lúc cơ thể anh ta bắn tung về phía sau, đập mạnh vào cánh cửa khép hờ. Máu từ trái tim vỡ nát bắn vào mắt mũi tôi, một giọt bám vào môi mẫn mẫn. Tôi từ tốn đặt khẩu súng còn bốc khói xuống đất, bên cạnh thi thể run bần bật của người đàn ông rồi quay lưng bước đi. Có tiếng kêu thất thanh từ một góc nào đó trong căn nhà mà từ đó người đàn ông tên Lê Quang Ngọc đã bước ra. Những ngọn đèn chột sáng lên từ những căn nhà láng giềng. Nhất định tiếng súng đã làm cho mọi người xôn xao.

Trên quãng đường ngắn dẫn ra đường tôi cứ mãi suy nghĩ về một điều. Tôi vẫn không hiểu được tại sao cái khối cơ bắp đồ hồng lớn bằng nắm tay ở lồng ngực trái của du học sinh Phan Dũng Cảm lại có thể tan vỡ được mà không cần đến một viên đạn đồng. Đã đến vệ đường. Tôi ngồi xuống, mỗi một liều thuốc lá. Cảnh sát sẽ kéo đến trong vòng vài phút. Hy vọng họ không xuất hiện trước khi tôi hút hết liều thuốc cuối cùng trong ngày.

??

Người chủ bút ném tập bản thảo mỏng dính xuống chiếc bàn cà phê bừa bộn ly tách, lắc đầu quày quảy:

" Không được, không được!"

" Tại sao không được?" Anh chàng tác giả nóng nảy hỏi.

" Không đủ sức nặng. Nỗi đau của Cảm không đủ để biện minh cho hành động của tội nhân. Với lại tôi không thích cái lối hành quyết kiểu... Tàu Hồng Kông của nhân vật xưng tôi."

" Anh muốn gì? Anh muốn làm lễ cầu siêu trước đã hay sao? Với lại anh còn quên câu nói của Cảm. Đằng sau những ký hiệu lằng nhằng kia là một con người với trái tim đầy xúc cảm!"

" Thì đã sao? Cái đó sẽ giúp hắn hồi phục nhanh chóng. Vả lại, hình phạt chỉ có thể áp dụng cho người sống."

Ông ngưng một chút rồi cao giọng tiếp:

" Hơn nữa, ỏtôiĩ là ai mà có quyền nhân danh một điều gì đó để phán xét bất cứ ai khác?"

" Anh là chủ bút hay là thiên sư hả?" Anh chàng tác giả trả đũa...

Chiều xuống dần. Tia nắng vàng ủa còn sót lại chui tọt qua khung cửa kính, vẽ một vệt dài lọt lạt trên chiếc bàn cà phê nơi có hai người đàn ông đang tranh cãi nhau về một án mạng đã không hề xảy ra.

Bóng phượng

Người anh dẫm mồ hôi. Lưng anh rát bỏng, ngứa ngáy. Những con kiến hôi đen đũi to sẫm vẫn tiếp tục bò lên bò xuống trên người anh, chui cả vào dưới lớp quần áo khô dộp nhưng không làm anh cảm thấy nhột nhạt khó chịu nhiều như hồi đêm. Anh đã chôn mình ở đây từ nửa đêm. Và bây giờ là quá trưa rồi. Anh nhồm mình lên vừa đủ cho tầm mắt vượt lên trên cái mô đất anh đang ần núp, nhìn về phía Nam của con đường đất, nơi?tầm quan sát của anh bị cắt đứt bởi rặng cây xanh ở chỗ con đường sẽ cong mình chui vào làm thành một khúc quanh dẫn về phía bờ sông. Từ lúc mặt trời lên anh đã chờ đợi một đám bụi đường dấy lên từ đó. Con đường vẫn im lìm, vắng tanh! Anh nhắm mắt lại, ngúc ngắc cần cổ cho đỡ mỏi. Bỗng có tiếng reo nhỏ của người bạn cùng tổ vang lên từ bụi cây nhỏ phía sau lưng, " Tụi nó kia!" Anh lại chồm dậy, và từ phía trên hàng cây xanh che khuất khúc quanh của con đường, anh nhìn thấy lờ mờ tỏa lên một làn bụi màu vàng đất.

Anh chỉ có mỗi một quả mìn. Anh không thể đánh hụt. Đêm qua những người trong đội du kích và mấy cô dân công trẻ măng đã ra đây hi hục đào bới, và theo lời đề nghị của anh, chôn trái mìn ở một độ sâu lý tưởng theo như lời hướng dẫn trong khóa học cấp tốc anh được tham dự mười ngày trước đó. Bây giờ anh phải quyết định thật nhanh. Đoàn xe có bốn chiếc, phải đánh cách nào để phân tán lực lượng của địch. Chiếc " cam nhông" đi đầu chỉ còn cách anh khoảng hơn một trăm thước. Anh sẽ để nó đi qua. Chiếc xe thứ hai và hai chiếc sau đó mới là mục tiêu của tiểu đội anh. Như vậy khi bọn lính trên chiếc xe đầu quay lại, toán phục kích của anh đã có đủ thì giờ làm tê liệt sức kháng cự của những tên bị chặn lại phía sau. Chiếc đầu tiên an toàn bò qua khoảng đất chôn mìn. Với tốc độ như thế, nó sẽ đến đầu làng khi chiếc xe thứ nhì lọt vào vòng phục kích. Hai bàn tay anh bám chặt chiếc cần khởi động quả địa lôi mạnh đến nỗi những đầu ngón tay trắng bệch ra. Anh cảm thấy sống lưng mình lạnh ngắt. Đã đến lúc anh bắt đầu trận đánh đầu đời của mình. Anh chồm hẳn người lên, hai tay ôm chiếc cần khởi động đè xuống với tất cả sức lực của mình, miệng la lớn, " Xung phong!" Anh không nghe được tiếng nổ ngay lúc đó, nhưng chiếc " cam nhông" dường như bay lên khỏi mặt đường lấm bụi cùng với bụng lửa từ dưới lườn xe bùng lên. Khói, lửa, và bụi cát! Anh phóng người về phía trước trong bầu không khí bị chấn động của tiếng mìn nổ và tiếng súng trường, tiếng lựu đạn, tiếng la hét của đồng đội hướng về nhóm lính lê dương trên hai chiếc xe đằng sau. Nắng Hè chọt như dùi xuống bởi vì người anh nóng hừng hực. Anh chạy về phía tiếng súng địch đang bắn trả nhưng mắt không rời chiếc " cam nhông" đổ nghiêng cạnh ruộng mía cháy rừng rực. Đó là chiến tích đầu đời của anh. Bỗng đứng như bị ai đó nắm áo giật ngược trở lại, thân trên anh rướn lên, gẫy gập lại, rồi đổ xuống. Những viên đạn từ phía trước đã đập vào người anh ở phần bụng. Có tiếng ai đó la lên, " Lựu đạn, lựu đạn đâu? Khóa miệng khẩu trung liên lại ngay lập tức!" Anh thiếp đi dưới bầu trời rất trong xanh, tia mắt vương trên chùm hoa đỏ của cây gạo đầu làng.

Anh nằm mê man và chỉ tỉnh lại ba ngày sau tại bệnh viện dã chiến Phú Gia. Anh không có cơ hội tham dự buổi tiệc mừng thắng lợi ngay hôm trận đánh nổ ra, nhưng những ngày ở nơi đây thực không khác gì một buổi liên hoan kéo dài. Người ta kéo đến đông nghẹt bên giường bệnh chỉ để được nhìn tận mặt con người tài tuấn, mưu lược đã đem lại vinh quang cho cả huyện. Đám thanh nữ tranh nhau xung phong săn sóc anh cho đến khi anh bình phục hẳn. Ngay cả Liên Khu cũng gọi cả một phái đoàn xuống tận nơi để phát giấy ban khen cho người kháng chiến quân trẻ tuổi can trường. Hôm đó hẳn anh bay bổng tận trời, không quan tâm đến việc anh chàng trợ lý chính trị của Liên Khu đang kiên nhẫn bắt chuyện với Vân, cô gái xinh đẹp nhất và dễ thương nhất trong đám thanh nữ vẫn vây quanh bên anh.

Năm đó anh hai mươi hai tuổi!

Bốn tháng sau đó, người thanh niên rời bệnh viện. Vì chưa hoàn toàn hồi phục, anh được điều về vùng trung du để làm công tác văn hóa. Cô Vân cùng đi với anh. Trong hơn sáu tháng trời, hai người đi khắp vùng Quế Sơn Đại Lộc, không rời nhau một bước. Cho đến một hôm cơn

bệnh sốt rét quái ác cộng với những suy nhược do vết thương cũ gây ra quật anh ngã gục. Người ta giao anh cho một gia đình địa phương săn sóc và điều Vân về Liên Khu. Ở trên đang cần thêm cán bộ văn hóa gần nơi bộ tư lệnh Liên Khu chọn làm căn cứ địa. Cô Vân rời xa anh từ đó. Nếu cô và anh còn gặp lại nhau sau này như lời đồn đãi, những lần gặp gỡ đó phải vô cùng hiếm hoi và xảy ra trong những tình huống vô cùng đặc biệt. Khi cơn bệnh đi qua, người anh gầy rạc đi như xác ve. Anh quay về làng dưỡng bệnh. Vào mỗi buổi chiều, anh ngồi trên chiếc giường tre nhìn ra khung cửa nhỏ. Ở đó anh có thể nhìn thấy tàng lá xanh của cây gạo đầu làng nơi anh đã ngã xuống trong màu hoa đỏ vào một ngày chói chang nắng Hạ.

Anh không nghe tin tức gì về cô Vân trong một thời gian dài. Khi có được tin tức về cô, anh không mở miệng cả tuần lễ. Sau đó anh không còn phản đối ước muốn có người nối dõi tông đường của người mẹ. Bà mang về cho anh từ làng bên một cô gái rất trẻ, rất ngoan hiền. Cô được dạy dỗ để vâng lời. Lúc nhỏ cô vâng lời mọi người trong nhà. Lớn lên cô vâng lời cha mẹ đi lấy chồng. Cô cũng vâng lời tất cả mọi người ở nhà chồng. Nhất là chồng cô, người chiến sĩ tài ba dũng lược ngày nào. Khi anh bảo cô anh sẽ xa nhà một thời gian, cô lặng lẽ cúi nhìn chiếc bụng tròn trĩnh của mình không nói điều gì. Bốn tháng sau đưa con đầu lòng của cô chào đời trong căn hầm tránh bom của một ngôi làng dưới chân ngọn núi đất bên kia sông Cái. Cô và gia đình nhà chồng đã phải rời làng mình đi tản cư không lâu sau ngày anh ra đi. Cô không biết anh đi đâu, làm gì. Có người bảo cô anh đã tham gia kháng chiến trở lại, hiện đang ngược xuôi dọc theo các chiến tuyến thực hiện sứ mạng bí mật nào đó do trên giao phó. Có người bảo gặp anh ở những sòng bài quán rượu trong vùng chiếm đóng tiêu tiền như rác. Cô nghe vậy thì hay vậy, không một lời bình phẩm. Đưa con lớn dần trong vòng tay mẹ, và chỉ được gặp cha mình lần đầu tiên khi cuộc kháng chiến đến hồi kết thúc.

Ít hôm sau ngày cuộc đình chiến được ký kết giữa các phe lâm trận, anh trở về, đứng trên chiếc nền đất nứt nẻ mọc đầy cỏ dại nhìn quanh quất rồi quay lại nhìn vợ đang dắt tay con, nước mắt vòng quanh. Phải cất lại căn nhà rồi hãy tính sau, anh bảo. Trong những ngày tháng sau đó, hai vợ chồng biến cái nền đất hoang tàn thành căn nhà tranh ba gian hai chái, có thêm nhà bếp phía sau. Chung quanh nhà là những bụi chuối thanh tiêu, chuối "hòn" xanh mát mắt. Có cả một chuồng heo ở góc vườn, cạnh bụi tre gai um tùm. Ban ngày họ làm quần quật ngoài đồng, chăm bón những bãi dâu, những nương thuốc lá. Đưa bé lớn lên giữa những nông tằm cái kén, giữa tiếng rè rè nhàm chán của chiếc trục ươm tơ, mùi hăng nồng của xâu thuốc lá treo ngoài sân vào ban đêm để ươm sương. Về sau này khi đã trưởng thành, đứa bé biết ra nếu mẹ của mình có lần nào nếm được mùi hạnh phúc lứa đôi thì những lần đó phải ở vào khoảng thời gian hai năm ngắn ngủi sau ngày đình chiến. Những biến cố sau đó không mang lại cho cô và đứa con một chút hạnh phúc nào hết.

Bắt đầu là một người khách có vẻ nghiêm trọng ghé thăm nhà. Đứa bé lén lút quan sát ông khách và cha nó qua khe hở của chiếc phen tre ngăn gian nhà khách và buồng ngủ. Nó không thấy ai trong bọn họ cười trong suốt câu chuyện. Ngày hôm sau, đứa bé thức giấc nhìn thấy mẹ nó ngồi ở cạnh giường nhìn nó. "Cha đi về quận làm việc, cả tháng mới về nhà." Mẹ nó nói, giọng chìm xuống. Không lâu sau đó có tin một cán bộ cao cấp của phía bên kia bị hạ sát trong một lần phục kích của lính quận. Đó chính là người trợ lý chính trị của Liên Khu ngày xưa. Người ta bảo anh ta không đi tập kết vì được giao trách nhiệm ở lại để móc nối và xây dựng cơ sở. Vì một tình cờ may mắn nào đó, người vợ đã trốn thoát kịp thời. Vợ anh ta chính là cô Vân xinh đẹp và dễ thương ở bệnh viện Phú Gia năm nào.

Cha của đứa bé trở thành một nhân vật quan trọng trong vùng. Thỉnh thoảng anh về thăm nhà, mang cho đứa bé những món đồ chơi sặc sỡ. Đứa bé không biết mẹ nó được cha mình cho những gì. Chỉ thấy người mẹ ngày càng héo hon. Bây giờ chỉ có một mình cô gánh vác chuyện trong nhà ngoài ngõ. Những luống cây thuốc lá rồi sẽ héo quắt đi, những bãi dâu sẽ xác xơ, và

mỗi buổi tối cô sẽ ôm con nhìn bóng mình chập chờn trên vách. Vào buổi sáng một ngày tháng chạp, những người hiến binh đội chiếc mũ đỏ chói cỡi xe máy dầu đến tìm hai mẹ con. Họ hỏi cô về người chồng, cô ngỡ ngác bảo không biết. Ông ấy ở dưới quận với các ông mà, cô hỏi lại. Lúc họ bỏ đi, cô biết ra là họ đã không đến một mình. Có nhiều người đến trước, chặn các ngã ra vào của ngôi làng cô ở? Cũng may mà anh đã thoát đi từ đêm qua. Anh lên về lúc chập tối và bảo rằng phải ra đi lập tức. Anh không giải thích lý do, chỉ hứa sẽ liên lạc với gia đình khi đã có nơi trú ẩn an toàn. Anh giữ lời hứa. Ba ngày sau, người vợ nhận được tin anh đã đi thực xa. Đó là lần cuối cô được tin của chồng mình. Đứa bé sẽ không bao giờ gặp lại cha nó.

Đứa bé không bao giờ biết được một cách chắc chắn điều gì đã khiến người cha bỏ mẹ con nó ra đi một cách vội vã. Những lời đồn đãi lan truyền trong vùng có vẻ liên kết biến cố đó với việc cô Vân bị bắt, bị tra tấn, và sau đó vượt ngục. Người ta nói rằng những người có trách nhiệm khai thác tù nhân ở quận đã treo cô lên xà nhà bằng những sợi dây điện. Một đầu của những sợi dây nhỏ và bền chắc này được cột chặt vào hai núm vú của cô, và người ta để cô lơ lửng như vậy trong nhiều phút đồng hồ. Vào buổi sáng sớm ngày thứ ba của cuộc thẩm vấn, người ta tìm thấy cửa phòng giam của cô mở toang và người lính gác nằm gục chết trong vũng máu. Người ta đi tìm cha của đứa bé để thông báo với anh về việc người nữ tù nhân nguy hiểm đã vượt ngục nhưng không tìm thấy anh ở đâu hết. Ngày hôm sau những người hiến binh đội chiếc nón đỏ chói cỡi xe máy dầu đến tìm mẹ đứa bé để hỏi về cha nó. Điều này thì đứa bé chứng kiến tận mắt.

Đứa bé có dịp nhìn thấy cô Vân một lần mấy năm sau đó. Hai ống quần vén lên quá gối để lộ đôi ống chân đen dũi dính đầy bùn non, cô bước vội vã trên quãng đường lầy lội sau một cơn lụt lớn chưa từng thấy ở miền Trung. Tóc cô bới cao, gọn ghẽ. Miệng cô vát vẹo một điều thuốc lá quấn tay to tướng. Khẩu súng ngắn treo lủng lẳng trước ngực bằng sợi dây dù màu xanh cực ngửa choàng qua vai. Trông cô không có chút liên hệ nào với cô Vân rất xinh đẹp và rất dễ thương ở bệnh viện Phú Gia năm xưa. Những tính cách phù phiếm đó hẳn đã rơi rụng dọc con đường gian truân mà cô chọn bước lên trong những tháng năm đã qua và có vẻ như sẽ còn dài trước mặt. Cô vừa đi vừa trao đổi một điều gì đó với người đàn ông đi cạnh, có lẽ là một người đồng chí thân tín. Đứa bé lúc đó đang đứng tựa vào người của mẹ mình phía sau cái hàng rào thưa. Nó cảm thấy những ngón tay của mẹ bầu chặt trên vai mình đau điếng lúc cô Vân và người đàn ông băng ngang qua nơi hai người đang đứng. Nó không bao giờ có dịp gặp lại cô Vân lần thứ hai. Không lâu sau đó, làng quê của đứa bé trở thành vùng oanh kích tự do. Thật là khó khăn để sống sót ở một nơi như vậy, ngay cả cho cây cỏ. Người mẹ qua đời không phải vì bom rơi đạn lạc mà vì bệnh thương hàn. Mọi sự đã quá trễ khi người ta đưa được cô về đến nhà thương quận. Đứa bé côi cút tá túc nhà một người bà con ở quận lỵ một thời gian, và sau đó trôi dạt về phía Nam.

Đứa bé sinh ra trong chiến tranh, nhìn ngắm chiến tranh suốt một thời thơ ấu, và tham dự vào cuộc chơi đầy bất trắc này khi đến tuổi trưởng thành. Sau này, khi hồi tưởng lại chuỗi sự kiện đã xảy ra trong đời mình, đứa bé ngày xưa nhận ra quả nó đã có một đời sống rất bình thường, thực không đáng gì khi so sánh với những điều cha nó đã kinh qua. Không có ngọn lửa đêm liên hoan rừng rực niềm vui, không có chùm hoa gạo đỏ trước cơn mê thiếp. Không có những lỗ đen hun hút trong đời sống, ở đó không ai biết chắc cha nó đã ở đâu và làm gì. Không có những yêu thương, những hát hủi, những phản trắc rất riêng tư và trong cùng một lúc, vô cùng khấn khít với cái rất chung của một quá khứ không dễ quên. Đứa bé thèm muốn đến quay quắt một lần được gặp lại người cha và hỏi ông về những nơi chốn ông đã đi qua, những điều ông đã làm, những chết chóc và sống còn ông đã can dự vào. Có vẻ như ước muốn của nó sẽ không bao giờ thực hiện được. Có lắm khi tro tàn sẽ bị gió cuốn đi. Và cùng với chúng là cánh phượng hoàng sẽ ngàn năm bần bật. Còn lại là những mảng hồi ức không trọn vẹn, những hình tượng sứt mẻ, cùng với những điều bất toàn khác đã làm nên một di sản kỳ dị mà đứa bé

được thừa hưởng.

Và sẽ không quên.

Bắt hên ở hồ Isabella

Chừng hai tuần sau khi gia đình chúng tôi đến Hoa Kỳ và nhập cư ở thành phố này, Chung đến thăm. Trước anh một tuần thì có ông mục sư Tuế. Ông này mang cho một số thịt đông lạnh gói trong lớp giấy bọc màu vàng xỉn. Mẹ tôi đem bỏ hết vào tủ lạnh, và phải đến hơn một tuần sau chúng tôi mới khám phá ra mớ thực phẩm cao cấp này đã hết hạn cả năm về trước. Mẹ tôi mang vất thùng rác một cách tiếc nuối, nhất định bà còn chưa quên những rổ cá ươn thối cả khu phố giành giết nhau ở cửa hàng mậu dịch quốc doanh đầu con hẻm nhà chúng tôi ở Sài Gòn. "Mô Phật, đừng có nói hành người ta tội nghiệp. Người ta có lòng đem cho mình mà các con." Tất nhiên là tôi không nói gì. Mấy cái chuyện đó đã có vợ tôi và mấy cô em gái lo liệu. Chung đến không mang theo gói thịt cá đông lạnh nào hết. Nhưng anh có một thùng đồ nghề để trong chiếc pickup¹ màu xám của mình. Chung đi một vòng căn apartment hai phòng đầy nghẹt người và trống hoang tất cả những thứ khác, sắm soi từng lỗ cắm điện, mấy vò nước trong nhà tắm, cái bếp ga, và cái tủ lạnh mới toanh cô em gái sang Mỹ đã lâu mua cho gia đình. Cả nhà xúm lại quan sát từng cử chỉ của Chung và luôn luôn có một ai đó sẵn sàng trả lời một cách mau mắn những câu hỏi của anh. Lần viếng thăm đầu tiên của Chung đủ làm cho mẹ tôi mê anh tít thò lò. "Ôi cái thằng sao mà tử tế!" Vợ tôi nhìn cô em chồng độc thân cười cười, "Người ta có vợ hai con rồi đó mẹ à." Cô em phát cáu, "Cái đồ thằng cha đen thui đen thui ai mà thêm!" Mẹ tôi chấm dứt cuộc thảo luận bằng một câu tục ngữ rất chi là bóng bẩy, "Đúng là bồ hóng chê lọ nghẹ."

Chung và tôi làm thân với nhau rất nhanh. Ở tuần thứ ba của quãng đời tị nạn, tôi tìm được một việc làm khiêm tốn ở một tiệm ăn do người bản xứ làm chủ. Tôi sẽ tiếp tục có những công việc khiêm tốn như thế trong những năm về sau. Vào những ngày nghỉ, Chung gọi điện thoại mời tôi đến chơi, thường là vào buổi tối. Ở đó chúng tôi ngồi ở chiếc bàn ăn trong căn bếp uống bia và nói chuyện người chuyện mình. Vợ anh chẳng khi nào tham dự vào những buổi nói chuyện như vậy. Chị không biết tiếng Việt. Chị trả lời chồng với cái giọng mềm và hơi kéo dài của người miền Nam Hoa Kỳ. Đó là một người đàn bà Mỹ tầm thước, chị cao hơn Chung nửa cái đầu, và ít lời. Khuôn mặt tròn lúm đóm tàn nhang mang vẻ bình yên một cách buồn bã, hoặc buồn bã một cách bình yên, như thể hai điều này cần thiết phải đi chung với nhau. Về sau tôi biết được rằng Chung đã làm việc cực nhọc mấy năm ròng để chị có cơ hội hoàn tất chương trình y tá ở ngôi trường đại học nằm ở phía Tây của thành phố chúng tôi đang cư ngụ. Chung tiếp tục làm việc cực nhọc như thế sau khi người vợ Mỹ ra trường và tìm được việc làm. Chung làm thợ tiện, và xem ra anh hài lòng với công việc của mình. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hề biết gì về đoạn mở đầu của cuộc hôn nhân giữa cô gái người Mỹ và anh cựu binh thiết giáp Việt Nam. Chung chưa bao giờ kể và tôi chưa bao giờ hỏi.

*

Thành phố tôi ở nằm lọt thỏm trong một thung lũng bằng phẳng kéo dài hàng trăm dặm. Từ thành phố, đi về hướng nào cũng gặp phải những cánh đồng ngút mắt, và xa hơn nữa là trùng trùng lớp lớp những núi và núi. Tỉnh thoảng Chung đưa tôi đến những cánh đồng vừa mới thu hoạch xong. Ở đó chúng tôi đi lom khom dọc những luống đất thẳng bằng tìm mót tỏi, hành củ, hoặc khoai tây còn sót lại. Những chiếc bao nhựa lấy từ siêu thị Safeway hay Von's sẽ nhanh chóng đầy lên với mớ nông phẩm và được buộc lại kỹ càng trước khi vất vào thùng chiếc pickup màu xám. Chúng tôi cười nói vui vẻ trên đường về, mặc kệ tay chân mặt mũi lấm lem bụi đất. Vào những dịp này, Chung thường nhắc lại những lần đi mót khoai mót đậu ngày còn nhỏ. Những mầm khoai lang màu đỏ tím không lớn hơn ngón tay út được phủi sơ đất cát và bỏ

vào miệng nhai rau rầu. "Ngọt lịm, ông ơi!" Trong một số năm tháng sau đó, chúng tôi vẫn thường đi chung với nhau trong những chuyến "gặt hái" như vậy, có khi chỉ có hai người, có khi với một số bạn bè người Việt trong cùng thành phố. Vợ con của Chung không bao giờ hiện diện trong những chuyến đi như vậy. "Chúng nó bảo sao không ra siêu thị mua, vừa rẻ, vừa đỡ mất thì giờ." Chung thường bảo vậy mỗi khi có ai đề cập đến việc này.

Một hôm Chung gọi điện thoại, giọng hào hứng. "Ông qua đây, tôi có cái này hay lắm." Khi tôi đến nơi, chỉ có mỗi một mình Chung đang loay hoay ở nhà bếp. Chắc là vợ con anh đã đi chơi hay mua sắm gì đó rồi. Chung đang nướng mấy cái bánh tráng trên cái bếp điện. "Cái hay lắm" thơm nức mùi hành mùi sả đang bốc hơi nghi ngút trong chiếc đĩa sứ lớn đặt trên bàn ăn. Thì ra là nghêu xào. "Nghêu ở đâu mà nhỏ xíu vậy?" Tôi hỏi. "Không phải nghêu, hén đó." Chung trả lời, giọng chắc nịch. Tôi không biết là quanh đây có hén. Những con hén nhỏ bằng móng tay cái, vỏ màu xanh rêu mẹ tôi thỉnh thoảng vẫn mua về nấu canh mồng tơi. Đã lâu lắm rồi tôi không còn được ăn canh hén nấu với mồng tơi. Không có mồng tơi, và nhất là không có hén ở quanh đây. Tôi cúi nhìn mấy cái vỏ hén đen xỉn cỡ ngón tay cái của mình và đăm ra nghi ngờ. Đây là những con baby clams!² "Anh tìm chúng ở đâu vậy?" " Ở một cái hồ trên núi. Hôm nào mình đi nhé." Chung trả lời, vẫn với cái giọng chắc nịch.

*

Bỏ lại phía sau lưng những cánh đồng trồng cây ăn trái, xa lộ 178 sẽ ôm sát thượng nguồn sông Kern, the killer river³, như người bản xứ vẫn gọi. Bắt đầu từ nơi đây, xa lộ 178 biến thành một đường đèo hiểm trở. Con đường hẹp lại, hai lối đi ngược chiều nhau chạy vòng vèo giữa một bên là vách núi dựng đứng và phía bên kia là bờ vực chênh vênh nhìn xuống giòng nước sôi sục của sông Kern ba trăm bộ phía dưới. Dọc hai bên đường, chừng vài dặm lại có một khoảng trống nhỏ đục sâu vào vách núi hoặc nằm chơi vơi bên gành đá để xe hỏng máy hoặc chạy chậm ghé vào những chỗ cho những xe phía sau. Những nơi này được gọi là turnouts. Ở mỗi trên đỉnh đèo, nơi con đường chấm dứt, là một chiếc hồ thực lớn. Hồ Isabella nguyên là một cái lũng thiên nhiên nằm giữa những hòn núi cao, nước từ những cơn mưa và từ những khối tuyết tan vào mùa Xuân đổ xuống đây trước khi hòa nhập vào thượng nguồn sông Kern và biến nó thành một giòng thác khổng lồ. Mặt phía Nam được chặn lại bởi một con đê bằng bê tông cốt sắt cao sừng sững như một dãy núi bị phạt ngang. Ngoại trừ cửa đập, hai bên bờ dốc thoải thoải của con đê được phủ đầy bởi những tảng đá lớn từ đó mọc lên những bụi cây nhỏ cằn cỗi. Hồ rộng mênh mông, một con đường trải đá chạy vòng vèo ôm lấy bờ hồ. Vào cuối tuần, thiên hạ từ những thành phố xa gần kéo đến cắm trại, câu cá, trượt nước làm khu hồ náo nhiệt hẳn lên.

Chính là ở hồ Isabella này Chung và tôi đã đến nhiều lần để bắt hén. Nơi chúng tôi dừng lại khá vắng vẻ. Mang theo một chiếc cào sắt nhỏ và một bao cát, chúng tôi lội ra chỗ nước ngang thắt lưng, cào xới sục sạo dưới lớp bùn đen lẫn cát của đáy hồ tìm bắt những con nghêu nhỏ. Lũ nghêu sinh sôi nảy nở khá nhiều nên công việc không mấy khó khăn. Chỉ vài tiếng đồng hồ sau, bốn bao cát mang theo đã đầy cứng những con nghêu nhỏ đen thui thối. Chung vắt chúng vào thùng xe, và chúng tôi ra về hân hoan. Xe xuống đèo, bờ vực phía tôi ngồi thỉnh thoảng biến mất trong tầm mắt ở những khúc quanh hiểm nghèo làm tôi thót ruột. Thực sâu phía dưới, dòng sông Kern quần quai gào thét giữa hai bờ vực dốc đứng. Chung hoàn toàn không để ý đến vẻ bút rứt của tôi. Thỉnh thoảng anh rời mắt khỏi con đường vòng vèo trước mặt, nhìn vào kính chiếu hậu. Tôi đoán Chung đang bận tâm đến những con baby clams mà anh nhất định gọi là " hén" trong những cái bao cát trong thùng chiếc pickup.

Chung thường kể đi kể lại không mệt mỏi những lần đi bắt hén ở sông Cái. Con sông đào bên tả ngạn cướp đi dòng thủy lưu, sông Cái ngày mỗi cạn dần, có nơi lòng sông trơ ra toàn cát. Những con hén nhỏ bằng móng tay có lớp vỏ màu xanh rêu sống ở những quãng vắng, nơi nước chỉ đến thắt lưng. Chung sinh ra ở miền Trung. Con nhà nghèo. Cha mất sớm, mẹ vất vả một đời. Những mầm rễ khoai lang màu đỏ tím bám đầy đất cát, những gié lúa hiếm hoi rơi vãi trên cánh đồng mới gặt, những con hén nhỏ màu xanh rêu ở quãng sông cạn theo đuổi Chung suốt những tháng năm tuổi nhỏ. "Có khi bắt được cả chêm chếp. Tôi luôn luôn cạy vỏ chúng ra

để tìm ngọc trai!" Tôi phá lên cười, làm gì có ngọc trai trong chêm chếp, hoặc ngay cả trong những con sò huyết đất liền. "Hồi đó mình còn nhỏ, ngu lắm. Cứ nghĩ đến truyện Trọng Thủy My Châu."

Cái đất nước nghèo xác của chúng tôi có nhiều huyền thoại. Gần như ai cũng biết chuyện Trọng Thủy được cha, vua nước Triệu, gởi đến triều đình vua Thục để ăn cắp chiếc nỏ thần đã nhiều lần chặn đứng những đợt tấn công của ông ta trước đây. Ông hoàng Trọng Thủy thành hôn cùng công chúa My Châu và cả hai nhất định đã có hạnh phúc với nhau, ít nhất cho đến khi Trọng Thủy đánh tráo được chiếc nỏ thần và kiếm có về nước. "Nếu có chuyện gì xảy ra và em phải rời bỏ kinh thành, hãy để lại dấu tích cho anh tìm em." Ôm chiếc gối nhồi lông chim vào lòng, My Châu trả lời, "Anh đi theo con đường lông ngỗng thì sẽ tìm thấy em." Cuộc tấn công sau đó của quân nhà Triệu xảy đến bất ngờ như cơn lốc. Vứt chiếc nỏ vô dụng, vua Thục kéo con gái lên lưng ngựa phóng ra khỏi kinh thành Cổ Loa đang bốc cháy ngàn ngút. Trong lúc hồi hải, công chúa My Châu chỉ mang theo được có mỗi chiếc gối nhồi lông ngỗng trên đó mỗi đêm nàng vẫn tựa đầu và nghĩ về những ngày tháng hạnh phúc với chồng. Những chiếc lông ngỗng trắng mềm mại từ chiếc gối được tung ra dọc con đường đào vong. Vua Thục dừng ngựa ở chiếc hồ đổ vào biển. Hồ lớn quá, không thể vượt qua, và tiếng vó ngựa của lính nhà Triệu vọng đến từ phía sau. Nhà vua quay đầu lại chính vào lúc chiếc lông chim cuối cùng từ tay công chúa My Châu rơi xuống đất. Con đường lông ngỗng đã hoàn tất nhiệm vụ đưa đường cho kẻ thù tìm đến. Vua Thục tuốt gươm ra. My Châu ngã xuống cạnh bờ nước, máu từ cơ thể nàng chảy vào chiếc hồ lớn. Những con trai trong hồ sẽ áp ủ những giọt máu của My Châu trong lớp ngọc trắng óng ánh tiết ra từ cơ thể của chúng. Đó là chuyện về sau, rất lâu sau khi Trọng Thủy tìm đến nơi. Mọi sự đã quá trễ. Kẻ phản bội luôn luôn xuất hiện quá trễ nhưng hình phạt có khi đến rất sớm. Người ta nói rằng ngọc trai ở chiếc hồ lớn sẽ lóng lánh hơn, đẹp đẽ hơn nếu được chùi rửa bởi nước láy từ cái giếng ở thành Cổ Loa nơi Trọng Thủy đã nhảy xuống trầm mình. Có khi quyết định của ông-hoàng-điệp-viên đến từ niềm ân hận không thể chịu đựng nổi hoặc từ nỗi nhớ thương người vợ quá cố hoặc từ cả hai. Những viên ngọc trai được mang qua bên Tàu, ở đó những ông hoàng bà chúa sẽ gắn chúng lên bộ xiêm y lộng lẫy của mình trước khi đến tham dự buổi dạ tiệc của triều đình. Không có viên ngọc trai nào dành cho đứa bé bắt hén ở con sông chảy qua ngôi làng nhỏ thuộc miền Trung nước Việt.

*

Tôi tiếp tục đi bắt hén và lượm nông sản cùng với Chung một thời gian. Đến một lúc nào đó, đời sống bỗng trở nên bận rộn. Có nhiều điều bức thiết hơn những con baby clams ở chiếc hồ nhân tạo trên núi. Công ăn việc làm, những nhu cầu và những vấn đề mới trong đời sống hôn nhân đòi hỏi nhiều thì giờ và công sức để giải quyết. Khi tôi từ chối lời rủ rê đi lượm tỏi của Chung, anh không giấu được vẻ thất vọng. "Không có ai khác đi cùng anh sao?" Tôi hỏi. "Mấy người đó bảo sao không ra siêu thị mua, vừa rẻ, vừa đỡ tốn thì giờ hơn." Những lần đi cùng Chung bắt hén ở hồ Isabella ngày càng thưa ra, và sau đó tôi ngưng hẳn. Những bất đồng ý kiến giữa vợ chồng chúng tôi xem ra không còn có thể hóa giải được nữa. Chúng tôi sau cùng quyết định sẽ tự mình thử giải quyết vấn đề theo cách riêng của mỗi người. Và chúng tôi chia tay, mang theo với mình nguyên vẹn những nan đề chưa có lời giải cộng thêm nỗi phiền muộn đến từ sự thất bại của chính mình. Về sau Chung thỉnh thoảng ghé thăm căn apartment nhỏ xíu của tôi, mang theo những nhánh tỏi còn bám đầy đất cát hoặc những con hén có lớp vỏ đen xỉn mà anh tìm bắt được trong những chuyến đi lẻ loi. Có vẻ như vợ con anh và những người bạn Việt Nam trong vùng chỉ thích dùng tỏi mua ở siêu thị. Ngay cả đĩa hén xào hành sả thơm phức và những cái bánh tráng dòn rụm sẽ trở nên nhạt nhẽo khi phải ngồi ăn một mình.

Chính là nhờ vào bản tin buổi tối phát vào lúc 11 giờ đêm của một đài truyền hình địa phương mà tôi biết được cái tai nạn trên đèo 178. Chiếc pickup màu xám rơi xuống bờ vực lởm chởm đá và chìm chìm trong giòng nước xoáy của sông Kern, mang theo những bao cát chứa đầy những con nghêu nhỏ màu xám đen. "Mọi sự đã quá trễ khi người tài xế của chiếc xe tải hạng nặng nhìn thấy người đàn ông đang lúi húi phía sau chiếc xe của mình. Nạn nhân và chiếc pickup màu xám được gởi qua bờ vực, rơi xuống dòng sông Kern ba trăm bộ phía dưới, và tức

khắc bị dòng nước hung hãn cuốn đi hàng dặm về phía hạ lưu. Tất cả những gì còn lại một vệt dài những con nghêu nhỏ vỡ nát nhầy nhụa dưới bánh xe của chiếc xe tải hạng nặng." Ông kính máy thu hình bây giờ chuyển xuống mặt đường nhựa, và tôi có thể thấy chiếc vỏ nát như của những con nghêu nhỏ. Không có một lời nào về những chiếc bao cát đã rơi xuống lòng sông cùng lúc với chiếc pickup màu xám và người đàn ông xấu số. "Người ta sẽ không bao giờ biết được điều gì đã khiến người đàn ông dừng xe một cách bất cẩn ở đằng sau khúc quanh nguy hiểm bên cạnh bờ vực cheo leo ở thượng nguồn con sông Kern hung hãn." Người phóng viên của đài truyền hình đã chấm dứt buổi tường thuật như vậy. Tôi có chỗ không đồng ý với nhận định này của ông ta. Tôi cho rằng mình có thể hiểu được phần nào những gì đã xảy ra. Tầm chắn phía sau chiếc pickup màu xám đã bung ra vì một lý do nào đó và những con nghêu nhỏ từ một trong những chiếc bao cát đã tuôn xuống dọc con đèo 178 quanh co lồi lõm. Tôi có thể hình dung ngay tức khắc Chung đang hấp tấp dừng xe bên cạnh bờ vực dốc đứng và lui cui đóng lại tầm chắn. Có khi anh còn mò mẫm trong cái chập choạng của hoàng hôn để thu lượm những con nghêu nhỏ rơi vãi trong lòng xe và có lẽ ngay cả trên mặt đường. Người phóng viên bản xứ sẽ không bao giờ hiểu được vì sao người ta có thể trở nên bất cẩn cùng cực chỉ vì những con nghêu nhỏ vô giá trị như thế. Dù sao thì ông ta cũng đã nhắc đến "con đường xác hén," *a trail of smashed baby clams*.

*

Quê hương tôi không có huyền thoại nào về hén. Những viên ngọc trai màu trắng bóng ngời đến từ những hạt máu của nàng My Châu vẫn được các ông hoàng bà chúa mang lên người trong những dạ tiệc sang trọng không có chút liên quan nào đến loài hén hèn mọn, ở quê hương tôi hay trên đất Mỹ. Những con hén đen đũi trong mấy chiếc bao cát hoặc sẽ va vào vách đá lởm chởm của sông Kern và vỡ nát hoặc sẽ rơi tòm vào giòng nước hung hãn và nhanh chóng bị cuốn về mạn dưới. Một hành trình gian khổ cho những con hén tội nghiệp. Một số sẽ kẹt lại dưới lớp đá ngầm, một số khác sẽ bị bắn tung khỏi mặt nước, nằm phơi mình trên đá sỏi làm mồi cho lũ chim và những con rái cá háu ăn. Những con nghêu nhỏ may mắn còn lại sẽ trôi mãi về miệt hạ lưu, ở đó dòng nước chậm lại và đổ vào một chiếc hồ nhỏ ở chân núi. Chung quanh hồ là những cây thông, cây bồ đề, cây khuynh diệp tỏa bóng mát lên dãy bàn ghế bằng hợp kim nhôm sơn màu xám nhạt. Vào những ngày cuối tuần, người ta kéo đến và bày thức ăn lên những chiếc bàn dài, tụm lại ăn uống nói cười vui vẻ, mắt thỉnh thoảng nhìn xuống hồ trông chừng đám trẻ nhỏ đang bơi lội, đùa giỡn ở thềm nước cạn. Tôi cũng sẽ đến đó, ngồi một mình ở chiếc ghế đá cạnh bờ hồ, nhấm nháp miếng khoai tây chiên mỏng dính, mắt không rời những đứa con gái nhỏ xinh đẹp trong bộ đồ tắm sỡ đang rượt đuổi những con ngỗng ngò nghếch trên bờ cát. Rượt đuổi chán, chúng sẽ chạy ùa xuống hồ, đắm mình trong làn nước mát. Thỉnh thoảng chúng chúi xuống sâu trong nước, mò mẫm tìm kiếm. Có khi là một viên sỏi chẳng ra hình dạng gì hết, có khi chỉ là một cọng rong xanh thắm. Cuối cùng rồi chúng cũng tìm được vật tôi muốn chúng tìm thấy. Cả bọn sẽ chạy ùa lên bao vây lấy tôi, miệng liên thoảng giảnh nhau nói. "Ba có biết tụi con đã tìm thấy cái gì không?" Tất nhiên là tôi biết chứ! "Một con cá vàng," tôi trả lời. Cả bọn phá ra cười, "Không có cá vàng trong hồ này, cá vàng chỉ ở trong những cái chậu bằng kiếng ở nhà hàng Tàu mà thôi, ba không biết hay sao?" Một đứa trong bọn sẽ nhắc nhở tôi như vậy. Và đứa kia sẽ xòe bàn tay nhỏ xíu của nó ra một cách thận trọng. "A baby clam!" Chúng đồng loạt hét lên. Tôi sẽ cầm lấy con nghêu nhỏ trong tay ngắm nghía một lúc rồi cài chính. "Không phải, đây là con hén." Những cặp môi nhỏ hồng hào sẽ mở ra, cong lên, uốn éo, và từ đó phát ra những tiếng "hén" tròn trịa, trong vắt như tiếng sáo. Rồi chúng lại phá lên cười.

Kéo chúng vào lòng, tôi sẽ xoay mình về hướng Đông Nam, nơi có rặng núi cao màu xanh nằm phơi mình dưới nắng chiều. Và xuống giọng thật thấp như thể đang nói về một điều gì vô cùng bí mật, tôi sẽ kể chúng nghe cuộc hành trình của con hén nhỏ trong lòng bàn tay mình, bắt đầu không phải từ đỉnh núi cao ngất trên kia, nơi có chiếc hồ nhân tạo mang tên Isabella, không phải từ cái bờ vực dốc đứng nhìn xuống dòng sông Kern hung bạo ở ba trăm bộ phía dưới, mà

từ một ngôi làng nhỏ bên kia bờ Thái Bình Dương, nơi dòng sông chảy qua sẽ cạn dần theo ngày tháng.

1. Một loại xe vận tải nhẹ có thùng trống phía sau để chứa hàng, rất thông dụng ở Hoa Kỳ.
2. Một loại nghề nhỏ, tìm thấy ở vùng nước mặn lẫn nước ngọt, tương tự như hến ở Việt Nam.
3. Sông Kern chảy vào lãnh thổ Kern County, ở thung lũng San Joaquin, miền Trung tiểu bang California, Hoa Kỳ còn được biết đến như là "giòng sông giết người" bởi vì số lượng người bị chết đuối hàng năm ở giòng sông này khá cao.

Tác phẩm

Ông Thân thờ dài, cẩn thận xếp trang giấy chứa những hàng chữ viết tay ngay ngắn vào chỗ cũ. Tuần trước ông nhận được cú điện thoại từ người bạn, chủ nhiệm một tờ báo văn học uy tín ở vùng Nam Cali, về số phận của tập bản thảo mà ông vừa nhận lại qua bưu điện ngày hôm nay. "Tôi rất tiếc, những truyện loại này bây giờ không còn ăn khách nữa. Tôi đã cố gắng nhưng không có nhà xuất bản nào chịu nhận in. Họ bảo nếu anh bỏ tiền ra in họ sẽ giúp phát hành, nhưng cũng phải cả năm sau mới hy vọng lấy vốn lại được." Người bạn gác điện thoại sau mấy câu an ủi và dặn dò, "Nhớ viết cho một truyện ngắn nhé, có khi đổi qua thể loại này lại dễ thành công hơn."

Truyện ngắn thì ngày xưa ông Thân cũng có viết, nhưng từ lúc qua Mỹ ông chỉ mơ ước được kể lại những sự kiện đã xảy ra cho ông và cho những người khác trong hai thập niên qua. Ông cũng biết là đã có nhiều tác phẩm thuộc loại này được xuất bản tại hải ngoại, nhưng ông tự tin ở khả năng diễn đạt và sự 'công chính' của mình khi trình bày sự kiện dưới dạng một tác phẩm văn học. Tiểu thuyết gia và người lính can trường Dương Thân chẳng phải đã được người ta bình phẩm như vậy hai mươi năm về trước hay sao? Vậy mà cuốn truyện dài ông bỏ ra hơn một năm để hoàn tất lại không thể xuất bản! Phải chi mà ông có tiền, ông sẽ tự đi in và phát hành lấy. Ông chỉ muốn chia sẻ với mọi người những nỗi xót xa, những niềm tuyệt vọng, hay những tia hy vọng nhỏ nhoi bất gặp ở chính ông hay ở một ai đó mà ông đã có lần gặp gỡ trong chuỗi tháng ngày đày ải bên này hay bên kia bờ đại dương. Vậy mà...

Ông Thân đứng lên, cẩn thận rút một cây nhang ốm yếu từ bao nhang màu đỏ có những hàng chữ thép vàng đặt trên chiếc trang làm bằng miếng ván ép phủ giấy báo xanh đỏ sặc sỡ. Ông bật diêm thắp nhang rồi cắm vào bình, mắt ông hướng vào khuôn mặt của người đàn bà trong khung ảnh thờ. Đó là người vợ quá cố của ông. Bà mất đã hơn ba năm, lúc Triều Ngân mới mười hai tuổi. Căn bệnh ung thư ác tính bộc phát dữ dội, chỉ trong vòng mấy tháng thời mà người đàn bà xinh đẹp ngày nào chỉ còn da bọc xương, tóc rụng sạch. "Anh rán lo cho con nó trưởng thành rồi hãy bước đi bước nữa. Nhà văn nổi tiếng như anh thì thiếu gì người muốn kết bạn. Anh hứa với em nghe." Bà đã dặn dò ông ở phút lâm chung như vậy. Nhà văn nổi tiếng, ông chưa chút nghĩ thầm.

Bây giờ thì Triều Ngân đã mười lăm. Con bé xinh đẹp và thông minh. Mấy năm trước, cứ mỗi tháng nó lại mang về khoe với ông những tờ giấy khen xanh đỏ ở trường cấp hai về môn Anh văn. Hồi đầu năm học đầu tiên của lớp chín, con bé được thầy cô cho vào học lớp đặc biệt dành cho học sinh có năng khiếu. Cuối tuần, ông Thân đưa Triều Ngân đến ngôi chùa ở thành phố kế cận để học thêm tiếng Việt. Ông hy vọng một ngày nào đó Triều Ngân sẽ có đủ khả năng để đọc và hiểu những tác phẩm viết bằng tiếng mẹ đẻ, của ông và của các tác giả khác. Ông tự biết, ngoài những tác phẩm đã viết cách đây hơn hai mươi năm và những cuốn sách mà ông hy vọng sẽ xuất bản trong tương lai, ông chẳng còn gì để con bé tự hào.

Vợ chồng ông Thân đến Mỹ cách đây năm năm, theo diện HO. Hai vợ chồng lao đầu vào những công việc tạp nhạp để sinh nhai. Bà lãnh đồ may gia công từ một người quen, còn ông thì phụ bán hàng cho một siêu thị của người Tàu. Số vốn Anh ngữ nghèo nàn mà ông góp nhặt

được từ những lớp Anh văn dành cho người lớn thực không có chỗ dùng. Đến khi vợ ông ngã bệnh, số tiền hai người dành dụm không cánh mà bay. Ngày làm đám tang cho bà, một tay ông Quang, tiểu đoàn trưởng cũ của ông, đứng ra lo liệu. Ông Quang đến Mỹ khá lâu, nhờ có con cái bảo lãnh, nên đời sống ổn định, nếu không muốn nói là khá thành công. “Hay là mình nhờ ông ấy giúp mình xuất bản cuốn tiểu thuyết,” ông Thân nghĩ thầm một cách ngượng ngùng.

<>

Hai người đàn ông ngồi đối diện nhau ở chiếc bàn ăn hình vuông đặt trong góc quán. Trước mặt họ là hai tô phở còn thừa chút nước lèo màu nâu và mớ gia vị linh tinh. Ông Quang vói tay lấy miếng khăn giấy trong chiếc hộp hình khối vuông chùi quanh mép, nói:

“Phở ở đây ăn cũng được hả chú?”

Ông Thân dạ nhỏ, nâng ly trà nóng lên hớp một ngụm rồi hỏi nhỏ:

“Anh đọc *Trước Giờ Buông Súng* rồi chứ?”

“Rồi,” ông Quang trả lời, “Chú vẫn còn phong độ.”

Ông ngưng một chút rồi tiếp:

“Truyện làm tôi nhớ lại những kỷ niệm ở đơn vị. Chú viết thực sống động. Có điều...”

Ông Thân áy náy hỏi:

“Có điều làm sao anh?”

“Có điều tên tiểu đoàn trưởng ở cuối truyện có vẻ hèn quá...”

Ông Quang thở dài, vẻ bối rối. Ông Thân cũng bối rối không kém. Ở phần cuối của *Trước Giờ Buông Súng*, tiểu đoàn trưởng Sáng, cấp chỉ huy trực tiếp của Thiết — nhân vật xưng “tôi” trong truyện — đã để mặc cho đơn vị của anh bị tràn ngập. Thiết đã quyết định buông súng để cứu lấy mạng sống của những người lính sống sót thuộc đại đội của mình.

“Chỉ là truyện thôi mà anh,” ông Thân phân trần.

“Chú Thân, tôi không buồn chú đâu. Bao nhiêu năm nay tôi cứ nghĩ mãi về ngày hôm ấy. Tôi hiểu tâm tư của chú. Nhưng mà lúc đó tiểu đoàn có cố thủ thì chỉ làm chết thêm nhiều người thôi. Chính sự gan dạ của chú và đám lính dưới quyền đã cứu mạng tôi và hàng trăm người khác.”

“Anh khéo nói quá. Kéo cờ trắng đầu hàng mà gan dạ cái nỗi gì!” Ông Thân trả lời, vẻ cay đắng.

Ông Quang cười rầu rĩ, nói nhỏ:

“Tôi còn lạ gì Thân Điền! Nếu không vì sinh mạng của đám thuộc hạ, chú sẽ nường không còn một con đở để cầm chân tụi nó. Tiểu đoàn chỉ cần hai giờ đồng hồ để tháo lui. Anh em ai cũng mong gặp lại chú, cho dù trong cảnh ngộ bẽ bàng đi chăng nữa...”

Ông Thân ngồi lặng thinh, lòng dạ bồn chồn. Trước đây, khi hai người tái ngộ trên xứ người, ông Thân chưa hề đề cập đến câu chuyện này. Ông Quang lúc nào cũng ân cần tử tế với ông, và trong sự săn sóc hình như có pha lẫn chút e dè. Điều này làm ông Thân càng ngại ngần hơn vì có cảm tưởng là ông Quang đang sống với cái mặc cảm có lỗi với người thuộc cấp cũ. Khi dựng truyện, ông Thân đã nghĩ đến việc cuốn tiểu thuyết của ông có thể làm buồn lòng một số người, trong đó có ông Quang, nhưng cái danh tiếng “nhà văn công chính” không cho phép ông sửa đổi một số chi tiết mà ông cho rằng rất quan trọng cho toàn bộ cuốn truyện chỉ để không làm phật ý ai đó. Bây giờ thì số phận của tập bản thảo kể như đã được định đoạt. Chắc chắn ông Quang sẽ không chịu giúp. Mà ông cũng chẳng trách chi ông Quang. *Trước Giờ Buông Súng*, nếu được xuất bản, nhất định sẽ chẳng mang đến cho ông Quang một niềm vui nhỏ bé nào, trái lại là đắng khác! Ông Thân thở dài, nghĩ mình nên cáo từ ra về cho xong.

“Chú Thân này, về chuyện xuất bản cuốn truyện của chú, anh em có thể giúp được.”

Ông Thân ngẩng đầu lên nhìn vị cựu tiểu đoàn trưởng, ngạc nhiên. Ông Quang tiếp:

“Tôi đã cốp pi truyện của chú gửi cho đám bạn bè trong đơn vị mình ngày xưa, yêu cầu mỗi người góp một chút để trả tiền in và phát hành. Anh em ai cũng vui lòng giúp. Tính ra được gần năm ngàn đồng. Tôi có quen với một nhà in, để tôi lo vụ in ấn. Số còn thừa chú giữ đó, mai mốt bán được sách gửi lại cho anh em sau.”

Năm ngàn đồng là một số tiền lớn, và chắc chắn sẽ đủ để trang trải mọi chi phí ẩn loát cũng như phân phối. Ông Thân hỏi, vẻ nghi ngại:

“Anh đồng ý giúp tôi xuất bản cuốn truyện thực sao? Còn mấy người kia có nói gì không?”

“Thì cũng có người đề nghị chú sửa đổi chút đỉnh, nhất là ở hồi kết cục, nhưng tôi gạt đi. Viết lách là việc của chú, chú đã sắp đặt như vậy thì hãy cứ để như vậy.”

Ông Quang trả lời với vẻ chịu đựng. Rồi ông chột cao giọng, mỉm cười:

“Nếu không thì Thân Điền đâu còn là Thân Điền!”

Khi ông Thân về đến nhà thì đã hơn bảy giờ tối. Con bé Triều Ngân ngồi học bài ở chiếc bàn nhỏ đặt ở một góc phòng khách ngẩng lên nhìn ông nhõn miệng cười.

“Ba đi chơi với bác Quang vui không ba?” Nó hỏi.

Ông Thân mang chiếc bịch nhựa đựng phở và mấy cọng rau đặt lên chiếc bàn ăn, bảo con:

“Ba đi công chuyện mà. Bác Quang mua phở chín cho con đó, ăn đi để nguội hết.”

Triều Ngân hớn hờ đi lấy chiếc tô sứ, đổ phở từ chiếc ly làm bằng nhựa xốp màu trắng vào tô, rồi lấy cơm từ nồi cơm điện trộn vào ăn ngon lành. Ông Thân ngồi ở chiếc ghế đối diện, nhìn con ăn “phở độn” vừa buồn cười vừa xót xa. Ngày còn ở quê nhà, thỉnh thoảng mua được bát phở, vợ ông trộn cơm nguội cho Triều Ngân ăn cho “chắc bụng”. Năm sáu năm rồi mà con bé vẫn chưa bỏ được thói quen tội nghiệp này. Chột ông lên tiếng:

“Bác Quang sẽ giúp ba xuất bản cuốn sách.”

“Vậy hả ba?” Triều Ngân hớn hờ hỏi lại. “Vậy là mai mốt ba phải ký tặng con một cuốn để con khoe với bạn nghe ba.”

“Ờ, ba sẽ đề tặng cô bé lọ lem Triều Ngân nhé?”

“Không phải cô bé lọ lem, Triều Ngân yêu quý của ba mà!” Con bé ranh mãnh trả lời.

<>

Ngọn đèn ở phòng khách được vặn thấp xuống, chỉ vừa đủ soi sáng nơi ông Thân đang ngồi. Triều Ngân đã vào phòng của nó từ lúc nãy. Ông Thân tựa quỳ trên chiếc sofa một cách bút rứt. Sự giúp đỡ của ông Quang và những đồng đội ngày xưa để *Trước Giờ Buông Súng* có cơ hội ra mắt độc giả, điều mà ông không ngờ, đã chẳng mang đến cho ông chút thích thú nào! Tự dưng ông cảm thấy khó xử. Chẳng thà họ từ chối giúp ông, như vậy có lẽ ông sẽ càng quyết tâm hơn trong việc tìm cách cho tác phẩm mình được xuất bản. Đành này ...

Ông Thân vẫn thường tự hào về văn phong bộc trực, không nề nang của mình. Để giữ được phong thái đó, có khi ông đã phải hy sinh một vài mối quan hệ mà lẽ ra đã có thể tiếp tục một cách rất tốt đẹp. Nhưng để được gọi là ngôi bút 'công chính' đâu phải là chuyện dễ dàng, và độc giả của ông chắc sẽ thất vọng lắm nếu ông thay đổi cách viết. Đó là ngày xưa, khi tóc ông còn xanh và dòng máu cao ngạo còn sôi sục trong huyết quản, tủa xuống những ngón tay cứng cáp, và tràn ra ngòi bút. Cầm bút trở lại sau hai mươi năm, khi tóc đã ngã màu, bàn tay đã chai sần vì sinh kế, và dòng máu trong châu thân đã lạnh đi rất nhiều qua những trầm luân, chính là niềm tự hào của quá khứ đã giúp ông làm quen trở lại với phong thái cũ. Cho nên tiểu đoàn trưởng Sáng đã hèn nhất bỏ rơi thuộc hạ chạy lấy thân. Cho nên đại đội trưởng Thiết phải buông súng để cứu lấy mạng đồng đội. Nhà văn 'công chính' Dương Thân không thể viết khác đi. Bởi vì như vậy thì Thân Điền đâu còn là Thân Điền! Vậy thì có điều làm ông không yên lòng? Sự ân cần tử tế của ông Quang và những người bạn cũ thuộc tiểu đoàn, những người được mô tả như là hèn nhất, bỏ rơi đồng đội trong phút hiểm nghèo? Có lẽ vậy, nhưng đó chưa phải là tất cả lý do của nỗi băn khoăn.

Ông Thân vặn lớn ngọn đèn ở phòng khách, mở tập bản thảo *Trước Giờ Buông Súng* ra đọc lại. Cũng như những truyện dài trước đây của ông, sự 'công chính' bàng bạc trong tác phẩm đến từ và ở về phía của ông. Anh chàng đại đội trưởng trẻ tuổi, ngổ ngáo, và can trường không chấp nhận sự khiếm khuyết của ... kẻ khác. Anh quyết định buông súng ở giây phút cuối cùng của cuộc chiến chỉ vì muốn cứu lấy sinh mạng của thuộc hạ. Anh không hề nghĩ đến sự an nguy của bản thân khi bước ra từ chiến hào với chiếc áo lót trắng bê bết máu và mồ hôi trong trận đánh cuối cùng. Và những kẻ hèn nhất đã bỏ rơi anh phải chịu trách nhiệm về những

thống khổ trầm luân của anh trong hai mươi năm sau đó. Có cần thiết phải như vậy không? Ông Thân tự hỏi. Ông chưa hề hỏi mình câu hỏi này, cũng như ông chưa hề có một nỗ lực nào để tìm hiểu tâm sự của cựu tiểu đoàn trưởng Quang và những người khác trong tiểu đoàn bộ. Ông quên mất họ cũng có hai mươi năm để trải qua sau lần rút quân cuối cùng.

Có tiếng cửa phòng mở ra và đóng lại, rồi tiếng chân nhẹ nhàng của Triều Ngân hướng về phía phòng khách. Con bé đến ngồi cạnh ông, quàng tay ôm vai cha, hỏi:

“Sao ba thức khuya vậy?”

“Ba đang đọc lại bản thảo. Sao con thức dậy giờ này?”

“Con cũng không biết nữa! Mà ba đọc lại bản thảo chi vậy?”

“Ba đang suy nghĩ có nên in hay không.”

“Sao vậy ba? Bác Quang giúp ba in mà, không phải khi hôm ba nói vậy sao?”

“Tại truyện của ba viết sẽ làm người khác đau lòng.”

“Tại sao ba lại viết những điều làm người khác đau lòng?”

“Bởi vì nếu không viết ra thì lại có những người khác nữa đau lòng. Những người còn sống hay đã chết...”

Triều Ngân im lặng, mặt thoáng vẻ tự lự. Một chốc, con bé thỏ thẻ lên tiếng:

“Vậy thì khó quá hả ba! Mà ba viết về cái gì mà có thể làm người ta đau lòng vậy ba?”

Ông Thân ngẫm nghĩ một chút rồi trả lời:

“Về chiến tranh, cái chết, sự phản bội hèn nhát, và khổ nhục.”

“Eo ôi, truyện của ba toàn gì đâu không hà! Sao ba không viết cái gì vui vui đi?”

Ông Thân thở dài, xoa đầu con gái:

“Đâu có gì vui để ba viết đâu con.”

“Thì ba nghĩ ra mà viết. Con thích chuyện nào có happy ending!”

Ông Thân cúi xuống dịu dàng hôn lên trán con:

“Thôi khuya rồi, con vào ngủ lại đi.”

Khi cánh cửa phòng ngủ của Triều Ngân đã đóng lại, ông Thân lúi húi thu xếp tập bản thảo bừa bộn trên chiếc bàn nhỏ cho vào chiếc phong bì lớn màu vàng. Bỗng dưng ông cảm thấy mệt mỏi. Ông biết mình không thể đi ngủ ngay được. Có điều gì như nỗi bất an cứ dấy lên trong lòng ông. Ông đến ngồi vào chiếc ghế bành nhỏ, đưa mắt nhìn lên chiếc trang thờ đơn sơ có hai ngọn đèn màu đỏ tù mù, nơi có bức ảnh của người vợ quá cố. Bà đang nhìn ông với đôi mắt buồn thảm. “Anh rán lo cho con nên người. Triều Ngân là tác phẩm lớn nhất của chúng ta. Anh phải thay em hoàn thành cái tác phẩm xinh đẹp của chúng ta...”

Ông Thân vẫn nghĩ là mình đã cố gắng rất nhiều trong việc thực hiện lời hứa với người vợ đã qua đời. Về mặt vật chất, ông lo lắng, chăm sóc đưa con gái duy nhất trong khả năng hạn hẹp của mình. Càng nghèo túng, khổ cực, ông càng cố gắng chứng tỏ sự lương thiện và chính trực của mình. Ông không xin xỏ bạn bè, không nhận quà một cách cầu thả. Ông nghĩ chỉ có những giá trị đạo đức còn sót lại ở trong ông mới có thể bù đắp cho Triều Ngân những thiếu thốn vật chất. Bởi vì ông chỉ còn có những điều như vậy để tự hào, và hy vọng Triều Ngân cũng nghĩ như ông. Ông lặng lẽ đứng dậy, đốt cho vợ mình nén nhang cuối cùng của ngày. Cùng với những bước chân nặng nề trên đường vào phòng mình, ông nghĩ đến số tiền năm ngàn đô la ông Quang hứa giúp. Chắc chắn số tiền này không những đủ để trang trải mọi chi phí ẩn loát và phát hành cho thiên truyện của ông mà còn có thể thỏa mãn mơ ước chính đáng của Triều Ngân — một chiếc máy vi tính để làm bài vở và để “đánh máy giùm truyện của ba!” Bước chân ông bỗng ngập ngừng trước cánh cửa phòng ngủ. Ông tặc lưỡi, quay trở ra phòng khách, ngồi vào chiếc bàn viết nhỏ xíu ở góc phòng và vịn sáng ngọn đèn ở cạnh đó. Đêm rất sâu và tĩnh mịch. Chỉ có tiếng sột sọat của ngòi bút bi liên tục chạy trên mặt giấy...

<>

Ông Thân thường dậy muộn vào buổi sáng cuối tuần. Triều Ngân sẽ đánh thức ông khi ly cà phê đen nóng tỏa mùi thơm ngọt ngào đã được con bé mang ra đặt trên chiếc bàn ăn nhỏ xíu. Như mẹ của con bé đã từng săn sóc ông, khi bà chưa ngã bệnh. Hôm nay thì khác. Ông Thân tự làm cà phê cho mình và đánh thức con bé trong khi ông lúi húi làm hột gà ốp la cho

con ăn sáng. Khi Triều Ngân rời mắt khỏi chiếc đĩa màu trắng đựng hai trứng ốp la thơm tho nóng hổi để hỏi, “Sao hôm nay ba siêng vậy?” ông Thân trả lời với nụ cười:

“Tại ba có việc muốn làm cho xong.”

“Việc gì vậy ba?”

“Ba đã sửa lại bản thảo một chút cho truyện có happy ending!”

“Thiệt hở ba! Mà ba làm sao hay vậy?”

“Thì ba thêm vào đó những điều còn thiếu sót, một chút cảm thông, một chút tha thứ chẳng hạn...”

Con bé cười tít mắt, vùi vỉnh:

“Nhiều nhiều tha thứ đi ba! Cô giáo con nói với cả lớp forgiveness is the greatest virtue of all!”

Thực vậy sao? Trước nay ông Thân vẫn cho rằng 'công chính' mới là đức tính cao quý nhất của một người.

“Như vậy thì ... mệt ba lắm.” Ông Thân làm bộ thờ dài đánh sượt rồi tiếp:

“Mai một ba viết truyện mới thì con phải giúp ba mới được.”

“Giúp gì ba?”

“Giúp ba đánh máy lại bản thảo vào trong computer.”

“Nhà mình đâu có computer ba?”

“Sẽ có, ba sẽ mua cho con để con làm bài ở nhà, khỏi nhờ máy của bạn nữa.”

Triều Ngân buông đũa, đứng dậy ôm ông Thân nói riu rít:

“Thiệt hở ba. Cám ơn ba nghen ba...”

Ông Thân cảm thấy trong lòng nhẹ đi cùng với nỗi vui mừng của đứa con thân yêu. Đời sống đầy dẫy những thỏa hiệp cần phải ký kết, ngay cả cho Thân Điền.

Chim gáy sau vườn

vào lúc chạng vạng tối, cô nghe tiếng con chim gáy cất lên sau vườn. Cô không lạ gì tiếng chim gáy. Ở làng cô, lũ chim làm tổ trên những cành mít cao nghều, trong bụi tre gai um tùm, hay trên những tàng cây duối rậm rạp. Cô có thể phân biệt được tiếng gáy là của một chàng cu ngói hay một chàng cu đất. Cu ngói với mớ lông ức màu gạch non, trông đẹp nhưng tiếng gáy thì kém phần quyến rũ so với đám cu đất mập mập với bộ lông xám xịt. Thường thì lũ chim gáy lên tiếng vào buổi sáng hoặc buổi trưa, cô hiếm khi nghe chúng cất tiếng cúc cu vào giờ này. Hình như cũng chính con cu đất này đã lên tiếng vào đêm qua, lúc cô nằm trên chiếc chõng tre đỡ giấc ngủ.

Cô dụi bớt mớ củi khô đang cháy bùng bùng trong chiếc bếp lò. Những bọt nước sôi trào ra từ chiếc nồi cơm bằng đồng dính đầy muội than đen nhem, rơi vào lửa kêu xèo xèo. Một chút nữa nồi cơm gạo lúc độn những hạt bắp xay nhỏ màu cam sẽ chín tới, và bữa ăn thanh đạm sẽ được dọn ra dưới ánh đèn dầu. Và cô sẽ ngồi ăn một mình, suy nghĩ vẩn vơ về những việc xảy ra trong ngày, về đám học trò lớp Nhì của cô, và có thể về ngày giỗ mẹ vào tháng tới.

Cô dọn cơm ra vừa xong thì tiếng chim gáy lại cất lên từ bụi tre gai góc vườn. Tiếng chim vang lên trong buổi tối êm ả của làng quê như réo gọi làm cô thấy nao lòng. Tiếng chim gáy chợt im bật, rồi có tiếng lạo xạo trên những chiếc lá tre khô ngoài sau vườn. Rồi tiếng chim gáy lại nổi lên, trầm buồn, dai dẳng. Bỗng dưng, một điều gì đó rất mơ hồ dậy lên trong lòng, cô cố nhớ ra mà không được. Một điều gì đã lâu lắm rồi, như một mơ ước đã phai tàn...

Tiếng lạo xạo của đám lá tre khô lại vang lên. Một con heo nhà ai đi lạc chui vào vườn nhà cô phá phách? Hay tiếng chân người? Đúng là tiếng chân người rồi! Cô có thể nghe thấy tiếng chân nhẹ nhàng rón rén trên những chiếc lá khô, băng qua cái giàn nước có chiếc chum sành cô mới đổ đầy nước hôm qua, và hướng về phía cánh cửa nhà bếp làm bằng nẹp tre đan trét phân bò. Cô cảm thấy lo sợ. Thường thì bà con trong làng có việc đến tìm cô sẽ kêu ới ới ngay

từ ngoài cổng để cô yên tâm. Nhà của cô ở cuối làng, nằm lọt thỏm trong một khu vườn rộng bao bọc bởi hàng rào keo dày bịt, và góc sau vườn tiếp giáp với khu vườn còn lớn hơn nữa của ông Cửu Nhưông là bụi tre gai um tùm, phần gốc tua tủa rễ tre và hang hốc.

Tiếng chân dừng lại phía sau cánh cửa mỏng mảnh, rồi có tiếng gõ nhẹ vào cái nẹp tre và tiếng ai đó gọi tên cô. “Xuyến ơi!”. “Ai đó?”. Cô hỏi vọng ra, cố giữ giọng mình bình thản. “Xuyến ơi, anh Thuận đây mà. Mở cửa cho anh vào đi”. Anh Thuận? Cô bước đi gần như chạy đến phía cánh cửa, hai tay lúng túng tháo thanh tre gài, và cánh cửa cuối cùng mở ra một cách vất vả. Ngọn đèn dầu từ phía nhà bếp hắt ra một ánh sáng ấm đượm, yếu ớt lên thân hình người đàn ông cao ốm đang đứng trước mặt cô. Và cho dù anh có già đi, có hốc hác và tiêu tụy vô cùng, cô vẫn nhận ra anh Thuận của cô! “Mới đó mà đã mười năm rồi Xuyến nhỉ!”, anh Thuận lên tiếng.

Đúng vậy, đã mười năm trôi qua kể từ lúc anh Tấn và cô tiễn anh Thuận đi tập kết. Hôm đó cô nhất định đòi đi theo mặc kệ anh Tấn cản ngăn, chỗ đàn ông con trai bàn chuyện mà đi theo làm gì cho vướng! Cô còn nhớ khu tập trung của mấy anh là một khu vườn mít mênh mông bên kia sông. Mấy anh hoặc đang đu đưa trên mấy chiếc võng giăng ngang dọc trong khu vườn, hoặc đang tùm nậm tùm ba trò chuyện. Vào lúc sập tối, họ sẽ bước xuống chiếc ghe bầu to lớn đang chờ dưới bến sông và sẽ được đưa đến một nơi gọi là Sa Huỳnh. Từ đó, họ sẽ xuống tàu thủy ra Bắc.

Cô đi theo hai anh của mình, cố giữ một khoảng cách vừa đủ để không làm gián đoạn câu chuyện của họ. Cả hai đang nói chuyện hăng lắm, cô nghe loáng thoáng những từ nghe đã quen tai nhưng không hiểu rõ cho lắm. Tổng tuyển cử, hòa bình, thực dân, đế quốc, chủ nghĩa, phản bội, trung thành, vân vân... Khi những người khác lục tục xuống thuyền, cô đến gần anh Thuận để nói mấy lời chia tay. Cô bé mười lăm tuổi chẳng nói năng gì được. Cô đứng chết trân nhìn ông anh nuôi thương mến. Anh Thuận đến trước mặt cô đưa tay vuốt mái tóc “bôm bê” của cô và nói nhỏ, “Hai năm nữa gặp lại nghe cô bé!”. Cô thấy anh Thuận cười dịu dàng với cô rồi quay đi. Cô nhớ mình đã ứa nước mắt, nhưng không khóc thành tiếng. Hai năm thì cũng đâu có lâu la gì, lúc đó cô đã nghĩ như vậy.

Tối hôm nay cô không ngồi ăn một mình như mọi hôm. Có thêm một đôi đũa, một cái chén trên bàn. Và trước mặt cô là anh Thuận, người mà cô đã rơi nước mắt tiễn đưa ở một bến sông mười năm về trước. Anh Thuận với cây đàn ghi ta loang lổ nước sơn trong những đêm trăng kháng chiến. Anh Thuận với tiếng cười khoái trá chiếu bí anh Tấn trong những ván cờ gay go. Anh Thuận và con cu đất mới ra ràng cho bé Xuyến, “Ráng nuôi cho nó lớn nó gáy cho mà nghe!”. Bây giờ thì cô đã nhớ ra, anh Thuận có lần giả giọng chim gáy thật giống khi cô than phiền con chim anh cho cô nuôi hoài mà chẳng chịu gáy giéc gì hết! Cô còn nhớ rõ cái cảm giác sung sướng khi được anh Thuận dịu dàng sai bảo, Xuyến xuống bếp lấy cho anh tô nước chè, Xuyến lấy cho anh cái hộp diêm, Xuyến đi ngủ đi, khuya rồi đó...

Hai người vừa ăn cơm vừa kể nhau nghe về những biến đầu của mười năm qua. Cô ứa nước mắt nhắc lại cái chết của mẹ cô vì bệnh thương hàn vài tháng sau cái Tết thứ ba kể từ lúc anh Thuận ra đi. Cô nói qua về những năm tháng ở trọ nhà người cô họ dưới tỉnh để học Trung Học. “Em học xong xin về làng dạy học. Nhà có hai anh em mà anh Tấn thì đi làm xa, không ai chăm sóc mà ông bà cha mẹ. Anh Tấn kêu em về dưới quận ở với anh ấy, em không chịu, ảnh la một hồi rồi cũng thôi đó.” “Tấn bây giờ ra sao?” Anh Thuận hỏi, vẻ đăm chiêu. “Em nghĩ anh biết hết rồi mà! Hồi anh còn ở đây, hai người đã không đồng ý với nhau về nguyên nhân cái chết của ba em. Lúc anh đi rồi, những người trong nhóm của ba em liên lạc với anh Tấn thường xuyên”. Cô ngưng lại một chút rồi hỏi, “Mà sao anh lại chọn về đây? Anh biết là anh Tấn chịu trách nhiệm an ninh cho vùng này mà!”. “Ờ trên đưa về, biết làm thế nào được?”. Anh Thuận trả lời thật khẽ, vẻ mặt bối rối.

Anh Thuận chính là người đã báo tin buồn cho gia đình về cái chết của cha cô. Người liên lạc viên trẻ tuổi từ mặt trận Quế Sơn ghé vào nhà cô một buổi tối đầu mùa Xuân, mang cái tin tang tóc, và đã ở lại với gia đình cô từ đó. Anh Tấn gia nhập Việt Minh ngay sau đó, và cùng với anh Thuận, tham dự những trận công đồn và phục kích táo bạo trong những năm về sau của cuộc

kháng chiến. Hai người thân thiết như hai anh em ruột, đi đâu cũng có nhau, và được dân trong vùng tặng cho danh hiệu “cặp gà nòi Điện Hồng” nhờ vào mưu trí và đảm lược của họ. Vào những đêm trăng không phải đi trận mạc, tiếng đàn ghi ta của anh Thuận và giọng hát ngọt ngào của anh Tấn biến khoảng sân cỏ trước nhà cô thành hội liên hoan. Những con gà mái tơ trong làng và từ những thôn xóm lân cận kéo đến với hy vọng lôi kéo được sự chú ý của cặp gà nòi. Nhưng cô luôn luôn tìm cách chen vào giữa anh Thuận và một cô gái nào đó, một cô gái quê hay một tiểu thư khuê các theo gia đình tản cư về vùng quê tránh bom Đồng Minh. Và anh Thuận không tỏ vẻ khó chịu chút nào khi bị cô phá đám. Thực ra, anh cưng chiều cô còn hơn anh Tấn, ông anh ruột của cô.

Vào năm cuối của cuộc kháng chiến, anh Tấn nhận được một vài tin tức về những điều mờ ám chung quanh cái chết của cha cô do những người bạn thân thiết của ông cho biết. Anh nửa tin nửa ngờ, nhưng chỉ riêng nỗi hoài nghi cũng đủ làm anh băn khoăn vô cùng. Khi hiệp định Geneve được ký kết, anh đã quyết định ở lại viện có phải chăm sóc mẹ già và cô em gái. Anh Thuận buồn lắm nhưng cũng không lay chuyển được anh Tấn. Anh Thuận thì không có gì phải băn khoăn, anh chứng kiến cha mẹ mình bị giặc Pháp tàn sát trong một trận càn ở vùng cao, và anh gia nhập kháng chiến rất sớm sau biến cố bi thảm đó.

Vào một buổi chiều mười năm trước, hai con gà nòi đã chia tay nhau ở một bên sông, và mặc dù họ đã hẹn gặp lại nhau hai năm sau đó, cả hai có lẽ đã không nhìn thấy một viễn ảnh tươi đẹp cho ngày tái ngộ. Sau cái chết của mẹ, anh Tấn tham gia chính quyền địa phương, và không bao lâu, anh trở thành một nhân vật trọng yếu, phụ trách an ninh cho quận nhà. Và bây giờ anh Thuận trở về hoạt động trong cùng một địa bàn, cái viễn tượng hai người mà cô thương yêu trở thành hai kẻ đối đầu khiến cô rầu rĩ vô cùng.

Anh Thuận trở lại ba hôm sau đó, vào giữa khuya. Cánh cửa bếp lần này được mở ra nhẹ nhàng, và ngọn đèn dầu được vặn thấp xuống để tránh sự chú ý của hàng xóm. Nồi cơm đun bắp vẫn còn giữ hơi ấm- cô đã vui nó trong mớ than hồng còn lại sau lần nấu cơm chiều. Cô ngồi đối diện anh Thuận, yên lặng ngắm anh ăn uống ngon lành, cố giữ không hỏi anh đã đi đâu, làm gì trong mấy ngày hôm nay. Có nhiều điều cô không nên biết và anh không thể nói. Lúc cô bới cho anh chén cơm thứ ba, anh Thuận đột nhiên lên cơn sốt rét. Bàn tay anh run rẩy đánh rơi chén cơm lên bàn ăn tung tóe, mồ hôi rịn ra trên trán, và cả thân người anh run lên bần bật. Anh ngiên rãng chịu đựng, khoát tay ra hiệu cho cô là anh không sao. Nhưng anh không chịu đựng được lâu, thân hình ốm yếu ngã lả ra trên nền đất, co quắp, hai hàm răng va vào nhau lách cách! Phải khó khăn lắm cô mới diu được anh vào buồng trong của cô và đặt anh lên chiếc giường tre trải chiếu hoa hình chữ Thọ. Cô lấy chiếc mền nhà binh màu cứt ngựa anh Tấn cho đắp lên người anh Thuận. Anh tiếp tục run rẩy, thờ đốc dưới lớp chăn. Những ngày tháng gian khổ dọc con đường mòn thăm thẳm trên dãy Trường Sơn và những lần ăn bờ ngũ bụ sau đó đã quật ngã anh không thương tiếc. Cô ngần ngừ một chút rồi tót mền chui vào, nằm đè trên người anh ôm chặt, mong hơi ấm từ cơ thể mình sẽ làm anh bớt run. Vào lúc gần sáng, cô thiu thiu ngủ trên người anh, lúc bấy giờ đã thôi run rẩy, và nhận ra hai cánh tay anh đã làm thành một vòng ôm rất chặt chung quanh cơ thể mình. Cô dụi đầu thực sâu vào cổ anh, hôn lên lớp da nhóp nhép mồ hôi, và lòng cảm thấy rạo rức vô cùng.

Anh Thuận ở trong căn buồng ngủ của cô ba hôm. Cô cố gắng giữ sinh hoạt của mình diễn ra một cách bình thường để mọi người trong làng không biết nhà cô đang có khách! Anh Thuận hình như đã quen với cách sống lẩn lút nên rất ít khi gây nên tiếng động. Vào giữa khuya đêm thứ ba, anh hôn cô từ biệt rồi lên ra sàn nước tắm tấp, cô nằm trên chiếc giường tre cổ lẳng nghe cũng chỉ bắt được những âm thanh sè sàng của chiếc gáo dừa khuấy động mặt nước im trong chiếc lu sành. Anh không trở vào với cô đêm hôm đó, nhưng cô biết anh sẽ trở lại, và anh sẽ qua đêm trên chiếc giường tre cô đang nằm. Cô sẽ rất vui lòng có anh bên cạnh, dù chỉ rất họa hoằn và lén lút. Cô đã chờ đợi suốt mười năm qua chỉ để được ngã vào lòng anh trong những dịp như vậy, hối hả và tuyệt vọng. Lần nào cũng có thể sẽ là lần cuối cùng!

Ba hôm trước ngày giỗ mẹ, Xuyên đi chợ quận mua nhang đèn vàng mã và những món cần thiết. Cô cũng ghé thăm anh Tấn, như mọi khi. Khi Thuận trở về vào lúc giữa khuya, anh bắt

gặp cô đang ngồi khóc thút thít dưới ánh đèn dầu tù mù trong căn buồng ngủ nhỏ xíu. Thuận lờ mờ đoán ra chuyện gì, và anh biết mình đoán đúng khi Xuyên bảo anh phải rời khỏi nơi đây trước ngày giỗ mẹ cô. “Tán biết anh về đây rồi phải không?”. Anh hỏi. Xuyên lặng lẽ gạt đầu thay câu trả lời. Cô cúi xuống lục lọi trong chiếc giỏ ny lông lấy ra một gói thuốc lá đưa cho anh. “Của anh Tấn gởi anh đó. Ba hôm nữa anh ấy sẽ về giỗ mẹ. Anh ấy nói hai người gặp nhau sẽ có nhiều bất tiện”. Thuận cúi nhìn hàng chữ “Ruby Queen” viền kim nhũ lóng lánh trên màu hồng nhạt của bao thuốc lá, thờ dài. Anh bỏ đi rạng sáng hôm sau. Hai người chia tay ở góc vườn, nơi có bụi tre già đầy hàng hốc mà anh đã có lần chui vào đó giả tiếng chim gáy. Anh áp má cô vào mặt mình thực lâu, cố ghi nhận làn da mịn màng và mát rượi trên da mặt anh chai sạn. Lúc anh quay lưng bỏ đi, cả hai đều không biết rằng họ sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại! Trong mười năm tiếp theo, Thuận như hòn đá lăn, di động không ngưng nghỉ. Anh có mặt trên những chiến trường xa lắc, có khi bên ngoài biên giới đất nước. Anh hoạt động ở nhiều địa điểm, trải qua nhiều nỗi hiểm nghèo, chứng kiến và tham dự vào việc tạo ra nhiều điều hùng tráng, nhiều điều bi thảm, nhiều điều tàn bạo. Và trong suốt mười năm dài, anh vẫn nghĩ đến Xuyên, như anh đã từng thương nhớ cô mười năm xa vắng trước đó. Cho dù không có tin tức nào chính xác về hành tung của cô, anh vẫn cho rằng cô luôn bình an và luôn mong chờ ngày anh trở về.

Rồi anh cũng trở về, với tư cách một thành viên của phe thắng trận. Nhưng Xuyên không còn ở đó. Không còn ai ở đó. Ngôi làng đã trở thành bình địa từ lâu trong cơn binh lửa, và những cư dân cuối cùng nếu không chết vì tên bay đạn lạc thì cũng đã dạt díu nhau đi mất. Thuận còn đang lúng túng thì có người đến tìm. Người đàn ông nặng nề đòi gặp riêng anh. Thuận ra hiệu cho người cần vụ lui ra khi cái tên Xuyên được nhắc đến. Và người đàn ông nói ra cái tin chẳng lành mà Thuận đã cảm thấy được ngay trước khi anh ta lên tiếng. “Cô ấy chết thảm lắm, ngay buổi sáng ngày giỗ mẹ, hai hôm sau khi ông đi...”.

Lúc này Thuận đã nhận ra người đàn ông là ai. Chú du kích trẻ măng năm nào! Người có trách nhiệm canh chừng cái “bẫy” không cho ai đến gần ngoài “đối tượng” chọn lựa. Hấn nói gì vậy? Sao lại ngay hôm giỗ mẹ của Xuyên? Anh chồm lên, nắm ngực người khách lắc tới lui, nói như mê sảng, “Chú nói gì vậy? Sao lại vào ngày giỗ mẹ?”. Lòng anh quặn lại trong nỗi kinh hoàng cùng cực. Người đàn ông từ tốn gỡ tay Thuận ra khỏi người mình. Nét mặt hấn trầm tĩnh, có chút lạnh lùng. “Tôi có món đồ này cho ông!”. Anh ta lôi trong túi ra một gói giấy ny lông nhỏ đưa cho Thuận. Đó là một vỏ bao thuốc lá cũ mềm nhũn gấp làm đôi, màu hồng nguyên thủy đã bay mất, chỉ còn lờ mờ nhận được hàng chữ “Ruby Queen” ở mặt trước. Ở mặt sau chỉ có vồn vẹn một hàng chữ viết tay nhòe nhoẹt, không còn đọc được nữa. Nhưng điều đó thực không còn cần thiết đối với Thuận. Anh biết hàng chữ đó nói gì. Chính anh đã viết xuống cái vỏ bao thuốc lá mà Tấn đã gởi cho anh cùng với lời “đuổi khéo” hơn mười năm về trước. Tờ giấy chứa vồn vẹn có mỗi ngày đám giỗ sắp tới của mẹ Xuyên. Thuận còn nhớ mình trao mảnh giấy này cho người đồng chí chỉ huy du kích địa phương trước khi lên đường. Lúc đó anh đã dặn dò kỹ càng về việc cái bẫy phải được canh chừng cẩn thận để tránh tổn thất cho nhân dân. Chính là người đàn ông trước mặt anh chịu trách nhiệm về khâu này.

“Tôi đau bụng, đi ngoài có một chút thôi. Ai dè! Cô ấy chết tay còn nắm cứng tờ giấy này!”

Người đàn ông thờ hắt ra sau câu nói. Thuận muốn nhảy lên bóp cổ hấn, nhưng anh đứng im. Chính anh ra lệnh thực hiện cái bẫy để tiêu diệt Tấn, kẻ thù của nhân dân, như anh đã tuyên bố trong buổi họp cuối cùng với nhóm thuộc hạ ở địa phương. Anh cảm thấy đau nhói như thể có một ngọn chông nhọn hoắt đang xuyên vào hạ thể lên đến bụng dưới. Chông ba cạnh sắc lẹm, được chuốt từ cật tre đặc ruột, lún sâu vào cơ thể nạn nhân ngọt xót. Mỗi cử động dù nhỏ đến đâu cũng làm ngọn chông đâm vào sâu hơn, những dăm tre sẽ gây ra cái cảm giác nhói buốt rợn người bên cạnh cơn đau xé ruột xé gan đến từ cây chông tre. Và Xuyên của anh đã chết như vậy đó, tay nắm chặt cái vỏ bao thuốc có thủ bút của anh! Nếu mà anh có thể biết được Xuyên đã nghĩ gì vào lúc đó!

“Ông Tấn không về hôm giỗ mẹ...”. Người đàn ông kể tiếp. Tất nhiên là Tấn không về. Con gà nòi Điện Hồng mưu lược không dễ dàng gì mắc phải cái bẫy do chính mình gương ra. Thuận

không hề có ý định sát hại Tấn, người em kết nghĩa và là anh ruột của người yêu. Cái hàm chông bên cạnh ngôi mộ của mẹ Tấn chỉ là cái cớ. Không khó khăn gì để Tấn hiểu ra tại sao Thuận có mặt ở vùng kiểm soát của anh. Mục tiêu chính là Tấn, và Thuận phải là người triệt hạ mục tiêu, không còn cách nào khác. Việc Thuận bại lộ tung tích buộc anh phải rời vùng kiểm soát của Tấn tức khắc, và những ngọn chông tre ba khía chứng minh quyết tâm của anh. Một lối thoát tuyệt hảo, và chính là Tấn đã cho anh cái cơ hội đó. Chỉ có một việc cả hai đều không nghĩ tới, Xuyên! Thuận có thể hiểu được nỗi đau đớn và phẫn nộ của Tấn, trong đó nhất định có niềm ân hận mênh mông về cái ý nghĩ chính anh cùng Thuận là thủ phạm của cái chết đau thương của người con gái mà cả hai yêu quý vô cùng. “Ông ấy lồng lên như con hùm xám...”. Tấn trở nên hung dữ như hùm xám, độc ác như rắn cạp nia, và quỷ quyệt như chồn đèn. Những ngày tháng sau đó là cơn ác mộng của hạ tầng cơ sở địa phương. Tấn đã gây nhiều tổn thất trầm trọng cho đối phương. Vào năm kế tiếp, đến phiên Tấn chết dần trong một cuộc đột kích táo bạo của phe Thuận, cũng dữ dội như những cái chết anh gây ra cho họ. “Ông ấy không giết tôi vì tôi có công mang cô Xuyên về quận. Hơn nữa, ông Tấn muốn tôi giao lại cho ông cái món đồ khi nãy”. Thuận không còn muốn nghe thấy gì nữa!

Ít lâu sau đó, Thuận bắt đầu thấy lại Xuyên trong chiêm bao mỗi đêm. Thuận không chắc những giấc mơ có thực giống nhau không, nhưng anh luôn luôn có cái cảm giác là mình đã sống qua những điều đang xảy ra trong giấc mơ ở một nơi nào khác trước đó. Trong những giấc mơ mà anh thấy hằng đêm, anh không thể nào đến gần Xuyên. Luôn luôn có một điều gì đó ngăn cản hai người đến gần nhau. Có khi là những mũi chông tre ba cạnh bén ngót cứ mọc dài ra mãi từ mắt, từ mũi, từ tóc, từ tai Xuyên, và tiếng thét đau đớn của cô làm Thuận giật mình thức giấc. Có khi là ngọn lửa từ đâu kéo đến, vẽ nên hàng chữ Ruby Queen chập chờn quán lầy Xuyên, cô bốc lửa và cháy bùng lên như cây đuốc. Có khi là Tấn hai tay vung vẩy hai khẩu súng ngắn bóp cò nổ đoàng đoàng. Và Thuận cứ phải thức giấc trước khi được phân giải với Xuyên một lời! Không phải là Thuận chưa hề trải qua những cơn mộng dữ trước đó. Trong suốt chiều dài của cuộc chiến tranh, anh đã nhiều lần chứng kiến những cảnh tượng khủng khiếp, những cái chết quái đản của đồng đội và của đối phương. Anh cũng đã nhiều lần chịu trách nhiệm về cái chết của những người khác, những người mà anh trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào việc lên án, xét xử, và hành quyết. Nhưng anh chưa hề biết đến niềm ân hận lớn lao đeo đuổi anh từng giờ từng phút như hiện giờ. Cái chết của Xuyên chỉ là một tai nạn, anh biết thế. Tai nạn vẫn xảy ra hàng ngày, kể cả trong thời bình, cả điều này anh cũng hiểu. Ngoài nỗi buồn vì mất mát người mình thương yêu, anh không nên để mình bị cắn rứt vì cái chết của cô. Anh muốn lắm, nhưng làm sao được?

Những cơn mộng dữ cứ đến mỗi đêm, và Thuận vẫn không có được cơ hội nói cùng Xuyên một lời. Anh đâm ra sợ hãi. Anh không muốn ngủ, nhưng lại không thể không ngủ. Mà anh cũng không thể chia sẻ với ai về những giấc mơ dữ dội của mình. Người ta sẽ cho đó là triệu chứng của suy sụp về mặt tinh thần! Dần dần anh nhận ra một điều kỳ lạ: những gì anh nhìn thấy trong giấc mơ trở nên quen thuộc đến độ anh không còn cảm thấy khó chịu nữa. Chính cái việc anh phải nằm mơ làm anh khó chịu. Anh đâm ra thù ghét những giấc mơ, tất cả những giấc mơ. Anh không muốn có một giấc mơ nào hết. Nhưng anh cứ phải nằm mơ, những giấc mơ với nội dung tương tự, hàng đêm, hàng tháng, hàng năm.

Một buổi sáng anh thức dậy, lòng vô cùng hoang mang. Giấc mơ đã không đến đêm qua. Không có gì đến với anh trong giấc ngủ đêm qua. Anh cũng không chắc mình đã thực sự có một giấc ngủ! Nhưng tất cả những điều chung quanh anh cho biết anh đã trải qua một đêm yên lành. Anh lên giường lúc mười giờ đêm, và bây giờ những tia nắng đầu tiên ngoài kia có thể được nhìn thấy sau khe hở của màn cửa. Chiếc đồng hồ báo thức ở chiếc bàn đêm chỉ sáu giờ bốn mươi, và bản tin buổi sáng đang vọng ra từ chiếc máy thu thanh của nhà hàng xóm. Nhưng anh đã không có một ý niệm nào về khoảng thời gian dành cho giấc ngủ. Cứ như bị thuốc mê! Chợp mắt, mở mắt, và không có gì ở giữa hai động tác đó! Điều anh thù ghét- những giấc mơ- đã không còn ám ảnh anh nữa, nhưng điều này chẳng làm anh vui hơn chút nào. Mà anh cũng

chẳng than phiền gì được, chẳng phải chính anh đã mong muốn không còn bao giờ phải nằm mơ nữa hay sao?

Từ đó về sau, đời sống của Thuận là một chuỗi dài của những ngày nối kết nhau, bởi vì những giấc ngủ chỉ còn là một hoạt động thuần túy sinh học, không để lại trong anh một khái niệm nào về sự hiện hữu của chúng. Trên một nghĩa nào đó, đời sống của anh bị rút ngắn lại, bị dồn nén, bị cắt đi. Nhưng đồng thời điều này cho anh sự liên tục trong những suy nghiệm về những vấn nạn của đời sống. Anh có thể nghĩ ngợi về cùng một điều trong nhiều ngày liên tiếp, bởi vì không có gì chen vào giữa những mốc thời gian đó. Trong những năm tháng kỳ lạ này, anh thăng tiến rất nhanh và tạo được sự kính nể của những người chung quanh. Nhưng anh không cảm thấy hào hứng bao nhiêu. Thực ra, trong thâm tâm, anh lạnh nhạt với tất cả những thành tựu của mình. Anh vẫn nhớ về Xuyên với niềm tiếc hận lớn lao, và những cơn đau buốt lòng bây giờ đã trở nên một phần không rời của đời anh.

Vào một buổi chiều anh chợt nghe tiếng chim gáy. Anh mới vừa về đến cổng nhà sau một ngày quần quật ngoài cánh đồng trồng dâu cạnh bờ sông. Tiếng gáy rụt rè, thiếu tự tin phát ra từ nhà bếp, nơi có chiếc lồng tre nhỏ tự tay anh đan cho Xuyên. Con chim non nay đã trở lông cườm, những đốm đen tròn đốm trắng viền quanh cái ức màu xám lợt. Xuyên đứng bên cạnh, ngắm say mê, mái tóc “bôm bê” ngày nào nay đã dài chấm vai, che hết một bên chiếc má có lúm đồng tiền xinh xắn. Cô quay lại nhìn anh mỉm cười, và ngay lúc đó, Thuận biết mình đang nằm mơ. Thực là một cảm giác kỳ lạ, ý thức được rằng mình đang nằm chiêm bao ngay giữa cơn mơ. Giấc mơ thâm kín nhất, bí mật nhất, không dám thổ lộ cùng ai, không dám cả thứa nhận bởi chính mình. Cái ước mơ trong đó lần chia tay cùng Xuyên ở khu vườn mít cạnh bờ sông Cái đã không hề xảy ra, những năm tháng gian truân, những cái chết của người bên này hay bên kia, những cây chông tre ba khía bén ngót, tất cả đều không hề xảy ra. Tất cả đều không cần thiết phải xảy ra. Chỉ có cánh đồng dâu xanh um và con chim non với tiếng gáy đầu đời bờ ngõ. Và Xuyên tóc chấm vai nhìn anh cười dịu dàng. Thuận quyết định không ra khỏi giấc mơ của mình, giấc mơ mà sau cùng anh đã tìm thấy, cái giấc mơ như một phủ định mọi ý nghĩa gán ghép cho những biến cố đã xảy ra cho đời anh trong mấy chục năm qua. Và bằng một cách nào đó không thể giải thích được, anh đã toại nguyện.

Tin Thuận qua đời được loan báo rộng rãi trên hệ thống truyền thông cả nước ngày hôm sau. “Sự ra đi của ông là một tổn thất không nhỏ cho công cuộc đổi mới của đất nước”. Bản tin đã chấm dứt như vậy. Không có lời nào đề cập đến giấc mơ sau cùng của Thuận. Có thể không ai biết đến một giấc mơ như vậy. Có thể những giấc mơ như vậy không nên được biết đến.